



DANH SÁCH THI VÒNG 1
CUỘC THI TOEFL PRIMARY CHALLENGE HỒ CHÍ MINH 2015-2016

Ngày thi: **09/01/2016 (Thứ Bảy)**
Số ca thi: **04 Ca**
Địa điểm: **Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì**
905/4 Âu Cơ, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TPHCM

Ca Thi	Giờ tập trung	Giờ đón con
Ca 1	7:30	09:00
Ca 2	10:00	11:30
Ca 3	13:15	14:30
Ca 4	15:30	17:00

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1	Nguyễn Mỹ	Vy	21/Oct/07	60109341	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2	Huỳnh Minh	Đạt	18/Mar/07	60109342	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
3	Lê Thanh	Nguyên	6/Apr/07	60109343	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
4	Thái Ngọc	Minh	8/Dec/07	60109344	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
5	Thôi Dương Xuân	Yến	28/Mar/07	60109345	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
6	Vũ Ngọc Nguyệt	Ánh	14/Nov/07	60109346	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
7	Lê Ngọc Như	Quỳnh	17/Dec/07	60109347	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
8	Phạm Minh	Trí	22/Jan/07	60109348	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
9	Đỗ Nguyên	Thơ	1/Jan/07	60109349	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
10	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	8/Mar/07	60109350	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
11	Huỳnh Anh	Thy	15/May/07	60109351	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
12	Nguyễn Tiến	Đạt	3/Nov/07	60109352	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
13	Võ Ngọc Bảo	Hân	14/Jul/07	60109353	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
14	Trần Nguyễn Tấn	Đạt	18/Apr/07	60109354	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
15	Nguyễn Thanh	Thảo	29/Mar/07	60109355	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
16	Huỳnh Trần Kim	Anh	7/Oct/07	60109356	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
17	Phạm Trần Hải	Đăng	28/Feb/07	60109357	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
18	Lê Công Tuấn	Vinh	17/Oct/07	60109358	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
19	Nguyễn Quốc	Bảo	12/Jan/07	60109359	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
20	Lê Trương Khánh	Ngọc	9/Jun/07	60109360	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
21	Nguyễn Anh	Khoa	15/Jan/07	60109361	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
22	Nguyễn Trần Minh	Khôi	28/Feb/07	60109362	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
23	Đặng Thị Cẩm	Bình	5/May/07	60109363	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
24	Phan Phạm Nhật	Khuê	8/Jan/07	60109364	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
25	Phạm Nguyễn Duy	Khang	24/Jan/07	60109365	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
26	Nguyễn Đức	Anh	6/Jul/07	60109366	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
27	Lê Kiên	Cường	9/Jul/07	60109367	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
28	Nguyễn Ngọc Vi	Anh	1/Oct/07	60109368	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
29	Phan Ngọc Bảo	Thy	2/Nov/07	60109369	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
30	Nguyễn Xuân	An	24/Nov/07	60109370	3.8	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
31	Nguyễn Lê Bảo	Khang	17/May/07	60109371	3.8	3	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
32	Trần Quốc	Đại	8/Jun/07	60109372	3.1	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
33	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	18/Jul/07	60109373	3.1	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
34	Nguyễn Thái	Tài	5/Dec/07	60109374	3.1	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
35	Trần Trương Xuân	Lâm	30/Nov/07	60109375	3.1	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
36	Nguyễn Quốc	Thuận	1/Mar/07	60109376	3.1	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
37	Phạm Đức	Linh	3/Sep/07	60109377	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
38	Hồ Đình	Trí	12/Aug/07	60109378	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
39	Lê Minh Phương	Trúc	28/Dec/07	60109379	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
40	Huỳnh Bảo	Thy	5/Nov/07	60109380	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
41	Trần Ngọc	Liên	1/Jul/07	60109381	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
42	Nguyễn Kim Như	Anh	28/May/07	60109382	3.2	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
43	Bùi Trần Linh	Chi	14/May/07	60109383	3.3	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
44	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	21/Jun/07	60109384	3.3	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
45	Nguyễn Đức	Trung	24/Oct/07	60109385	3.3	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
46	Nguyễn Tấn	Dũng	26/Jun/07	60109386	3.3	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
47	Nguyễn Hoàng	Dũng	27/Nov/07	60109387	3.3	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
48	Nguyễn Thái	Bách	27/Feb/07	60109388	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
49	Trần Mỹ	Chi	25/Mar/07	60109389	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
50	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	7/Apr/07	60109390	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
51	Nguyễn Thành	Đạt	4/Jan/07	60109391	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
52	Đặng Văn Anh	Khoa	18/Aug/07	60109392	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
53	Lê Trung	Tín	17/Aug/07	60109393	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
54	Lữ Uyên	Nhi	10/Nov/07	60109394	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
55	Đinh Nguyễn Ngọc	Lê	19/Sep/07	60109395	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
56	Mai Xuân	Ninh	13/Feb/07	60109396	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
57	Hoa Huỳnh Gia	Lạc	25/Jul/07	60109397	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
58	Nguyễn Thạch Phương	Vy	19/Jul/07	60109398	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
59	Lâm Yến	Ngọc	1/Jul/07	60109399	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
60	Huỳnh Vinh	Tân	21/Feb/07	60109400	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
61	Phan Như	Ngọc	3/Aug/07	60109401	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
62	Nguyễn Lâm	Thái	30/Oct/07	60109402	3.4	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
63	Ngô Chu Yến	Nhi	13/Apr/07	60109403	3.5	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
64	Trần Bội	Nghi	3/Sep/07	60109404	3.5	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
65	Nguyễn Văn Nhật	Nam	5/Feb/07	60109405	3.5	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
66	Huỳnh Xuân	Nghi	5/May/07	60109406	3.5	3	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
67	Nguyễn Lê Trà	My	11/Jan/07	60109407	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
68	Châu Cẩm	Ngọc	18/Mar/07	60109408	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
69	Huỳnh Tổ	Trần	12/Mar/07	60109409	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
70	Nguyễn Nam	Son	13/Aug/07	60109410	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
71	Lê Phương	Nghi	4/Sep/07	60109411	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
72	Bùi Duy	Khoa	23/Oct/07	60109412	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
73	Lê Hoàng	Minh	7/Dec/07	60109413	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
74	Tô Bội	Thi	15/Jul/07	60109414	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
75	Vô An	Nhiên	11/Dec/07	60109415	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
76	Nguyễn Ngọc Bình	Minh	20/Nov/07	60109416	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
77	Nguyễn Định Thiên	Chinh	31/Aug/07	60109417	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
78	Huỳnh Thảo	Ngọc	10/Oct/07	60109418	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
79	Vũ Mai	Khanh	20/Dec/07	60109419	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
80	Nguyễn Trung	Tín	17/Mar/07	60109420	3.7	3	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
81	Trần Minh	Thư	30/Jan/07	60109421	3.11	3	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
82	Lê	Huy	3/May/07	60109422	3.11	3	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
83	Nguyễn Thị Minh	Thư	8/Mar/07	60109423	3.1	3	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
84	Trần Thị Thu	Thảo	16/Oct/07	60109424	3.11	3	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
85	Nguyễn Đông	Nghi	7/Aug/07	60109425	42065	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
86	Đương Hồ Bảo	Ngọc	7/Jun/07	60109426	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
87	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	28/Oct/07	60109427	42067	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
88	Nguyễn Bùi Mỹ	Ngọc	22/May/07	60109428	42065	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
89	Lưu Phương	Nghi	25/May/07	60109429	42068	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
90	Đoàn Đăng	Khoa	21/Nov/07	60109430	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
91	Nguyễn Đặng Thái	Sơn	24/Aug/07	60109431	42065	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
92	Đặng Quang	Khanh	23/Aug/07	60109432	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
93	Nguyễn Ngọc	Huyền	4-8-007	60109433	42065	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
94	Giang Thảo	Vy	19/Nov/07	60109434	42068	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
95	Mai Tấn	Quốc	14/Feb/07	60109435	42068	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
96	Đặng Thiên	Long	2/Dec/07	60109436	42065	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
97	Lê Hồng	Ngọc	19/Mar/07	60109437	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
98	Nguyễn Hà Ngọc	Phượng	3/Sep/07	60109438	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
99	Ngô Hà Gia	Phúc	14/May/07	60109439	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
100	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	24/Aug/07	60109440	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
101	Phạm Võ Uyên	Trang	19/jul/07	60109441	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
102	Lê Chí	Kiên	10/May/07	60109442	42064	3	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
103	Lê Mai Khánh	Nguyên	4/Jul/07	60109443	3.2	3	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
104	Nguyễn Hoàng	Lân	26/Sep/07	60109444	3.5	3	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
105	Nguyễn Phan Thiên	Hương	18/Dec/07	60109445	3.5	3	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
106	Nguyễn Minh	Khôi	6/Jan/07	60109446	3.9	3	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
107	Trần Nguyên	Anh	19/Jun/07	60109447	3.9	3	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
108	Lê Tú	Anh	15/Dec/07	60109448	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
109	Nhâm Quý	Vương	5/Dec/07	60109449	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
110	Nguyễn Minh	Quân	13/Dec/07	60109450	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
111	Hoàng Phan Ngọc	Khánh	17/Jan/07	60109451	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
112	Vô Trần Hà	My	27/Apr/07	60109452	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
113	Dương Ngọc Anh	Thư	1/Jan/07	60109453	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
114	Nguyễn Tấn	Sang	12/Sep/07	60109454	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
115	Nguyễn Nguyên	Thảo	17/Jul/07	60109455	3.1	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
116	Nguyễn Hồng	Quân	10/Jan/07	60109456	3.2	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
117	Phạm Quỳnh	Mai	4/Nov/07	60109457	3.2	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
118	Trần Lê Phương	Trang	11/Sep/07	60109458	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
119	Trần Văn Nhật	Minh	12/Jun/07	60109459	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
120	Đỗ Đăng	Trang	2/Dec/07	60109460	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
121	Nguyễn Nam	Khương	25/Jan/07	60109461	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
122	Huỳnh Bá	Dũng	29/Mar/07	60109462	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
123	Bùi Trà	My	12/Sep/07	60109463	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
124	Đình Lê Thùy	Trang	5/Jun/07	60109464	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
125	Nguyễn Thu	Thảo	20/Jan/07	60109465	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
126	Vô Hoàng Anh	Khoa	6/Jun/07	60109466	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
127	Trần Lê Ngọc	Như	20/Jul/07	60109467	3.3	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
128	Nguyễn Tấn	Phong	21/Sep/07	60109468	3.4	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
129	Nguyễn Minh	Tuấn	18/Aug/07	60109469	3.4	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
130	Nguyễn Văn Huỳnh	Quan	26/Oct/07	60109470	3.13	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
131	Từ Minh	Sang	4/Sep/07	60109471	3.13	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
132	Nguyễn Hoàng Minh	Quaân	30/Jun/07	60109472	3.13	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
133	Trần Mỹ Ái	Viên	3/Feb/07	60109473	3.13	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
134	Nguyễn Bùi Thiên	Ngân	15/Jul/07	60109474	3.13	3	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
135	Lâm Lạc	Hợp	4/Aug/07	60109475	3.1	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
136	Lê Nguyễn Duy	Hoàng	26/Nov/07	60109476	3.1	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
137	Lâm Lạc	Hợp	8/Apr/07	60109477	3.1	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
138	Hoàng Phương Đông	Hòa	20/May/07	60109478	3.2	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
139	Phạm Khánh	Vy	15/May/07	60109479	3.3	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
140	Trà Gia	Thanh	26/May/05	60109480	3.3	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
141	Nguyễn Tiến	Đạt	2/Nov/07	60109481	3.3	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
142	Nguyễn Võ Anh	Thư	10/Apr/07	60109482	3.4	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
143	Nguyễn Trần Mai	Khanh	28/Feb/07	60109483	3.4	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
144	Hoàng Vũ	Nguyên	7/Feb/07	60109484	3.4	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
145	Trần Văn Minh	Khôi	6/Oct/07	60109485	3.5	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
146	Lý Phúc	Minh	15/Oct/07	60109486	3.5	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
147	Lê Nguyên	Vy	26/Feb/07	60109487	3.1	3	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
148	Trịnh Trung	Chánh	30/Oct/07	60109488	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
149	Đoàn Lê Minh	Anh	26/May/07	60109489	3.1	3	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
150	Vô Đặng Gia	Hân	16/Oct/07	60109490	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
151	Vũ Lê Minh	Huy	3/Apr/07	60109491	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
152	Tống Quỳnh	Hương	31/Oct/07	60109492	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
153	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	21/Mar/07	60109493	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
154	Vũ Khánh	Tường	6/Apr/07	60109494	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
155	Tăng Ngọc Thủy	Tiên	15/Feb/07	60109495	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
156	Trần Nguyễn Diễm	Trinh	3/Jan/07	60109496	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
157	Nguyễn Bùi Khánh	Vy	14/Jan/07	60109497	3.1	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
158	Khương Gia	Hân	7/Oct/07	60109498	3.2	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
159	Hoàng Thúy	Hiền	8/Feb/07	60109499	3.2	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
160	Trương Hoàng	Khôi	5/Jun/07	60109500	3.2	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
161	Lê Hoàng Thiên	Thanh	20/Mar/07	60109501	3.2	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
162	Hoàng Nguyên	Bình	22/Mar/07	60109502	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
163	Huỳnh Hải	Châu	31/Mar/07	60109503	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
164	Nguyễn Hồng	Hân	20/Feb/07	60109504	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
165	Dương Văn	Hương	9/May/07	60109505	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
166	Ngô Duy	Khang	30/Nov/05	60109506	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
167	Nguyễn Đình Đăng	Khoa	24/Mar/07	60109507	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
168	Nguyễn Nhật Thảo	My	19/Jun/07	60109508	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
169	Hồ Thị Kim	Ngân	27/Sep/07	60109509	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
170	Huỳnh Hồ Yến	Nhi	16/Jul/07	60109510	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
171	Ngô Hồng	Phúc	17/Jul/07	60109511	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
172	Trần Nguyễn Lan	Phương	23/Jan/07	60109512	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
173	Phạm Ngọc Bảo	Trân	1/Apr/07	60109513	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
174	Nguyễn Ngọc Khả	Trân	23/Nov/07	60109514	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
175	Nguyễn Trần Ngọc	Uyên	22/Jul/07	60109515	3.3	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
176	Phạm Trần Lan	Anh	26/Jun/07	60109516	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
177	Bùi Duy	Bảo	3/May/07	60109517	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
178	Trương Nguyễn Minh	Châu	20/Dec/07	60109518	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
179	Nguyễn Việt Vũ	Hùng	13/Mar/07	60109519	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
180	Nguyễn Trần Anh	Duy	23/Mar/07	60109520	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
181	Lê Bá Khánh	Đoan	10/Jan/07	60109521	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
182	Trần Thái	Hoàng	29/Nov/07	60109522	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
183	Bùi Hoàng Gia	Huy	1/Jan/07	60109523	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
184	Vũ Phúc Minh	Khang	7/Jun/07	60109524	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
185	Phạm Trần Gia	Khánh	23/Oct/07	60109525	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
186	Dương Hồng	Liên	2/Sep/07	60109526	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
187	Lê Khánh	Linh	25/Aug/07	60109527	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
188	Nguyễn Cao	Minh	26/Sep/07	60109528	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
189	Nguyễn Khải	Minh	2/Mar/07	60109529	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
190	Nguyễn Hoàng	Minh	28/Feb/07	60109530	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
191	Vô Uyên	Minh	29/Dec/07	60109531	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
192	Lê Ngọc Hòa	My	28/Aug/07	60109532	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
193	Hàng Trần Hoàn	Mỹ	10/Jun/07	60109533	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
194	Trần Công	Nghĩa	10/Apr/07	60109534	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
195	Huỳnh Phương Bảo	Ngọc	12/Aug/07	60109535	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
196	Nguyễn Bảo	Ngọc	20/Dec/07	60109536	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
197	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	29/Aug/07	60109537	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
198	Mai Lê Anh	Quân	27/Oct/07	60109538	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
199	Vô Anh	Quân	28/May/07	60109539	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
200	Vân Anh	Quân	9/Jun/07	60109540	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 08	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
201	Trần Thái	Thịnh	8/Feb/07	60109541	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
202	Nguyễn Ngọc Nhã	Trâm	15/Nov/07	60109542	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
203	Trần Hồng Bảo	Trần	26/Jan/07	60109543	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
204	Lê Trọng	Trí	21/Nov/07	60109544	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
205	Nguyễn Vũ Tường	Vân	26/Mar/07	60109545	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
206	Tổng Quang	Vinh	21/May/06	60109546	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
207	Quách Minh	Vũ	18/May/07	60109547	3.4	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
208	Đỗ Hoàng Thiên	Ân	2/Apr/07	60109548	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
209	Trần Hà	Anh	27/Oct/07	60109549	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
210	Vũ Minh	Anh	21/Dec/07	60109550	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
211	Lê Hữu	Đạt	8/May/07	60109551	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
212	Nguyễn Kiên	Hoàng	20/Oct/07	60109552	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
213	Nguyễn Phúc	Huy	18/Jul/07	60109553	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
214	Lê Nguyễn Yến	Nhi	8/May/07	60109554	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
215	Nguyễn Vũ Gia	My	15/Jul/07	60109555	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
216	Trần Lê Thanh	Tâm	23/Oct/07	60109556	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
217	Đặng Thục Đan	Thanh	5/Sep/07	60109557	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
218	Lê Nguyễn Quang	Thắng	4/Aug/07	60109558	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
219	Phan Hồ Anh	Thư	20/Sep/07	60109559	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
220	Trương Anh	Thy	5/Oct/07	60109560	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
221	Đặng	Vinh	5/Mar/07	60109561	3.5	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
222	Trương Anh	Đức	21/Aug/07	60109562	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
223	Thái Gia	Huệ	16/Jan/07	60109563	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
224	Nguyễn Đăng	Khôi	28/Dec/07	60109564	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
225	Nguyễn Hoàng	Kiên	18/May/07	60109565	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 09	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
226	Nguyễn Vũ Minh	Quản	13/Feb/07	60109566	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
227	Ngô Hoàng Thanh	Sơn	15/Mar/07	60109567	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
228	Trần Quốc	Thái	9/Feb/07	60109568	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
229	Vô Ngọc	Thảo	11/Oct/07	60109569	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
230	Trần Minh	Thư	6/Oct/07	60109570	3.6	3	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
231	Đoàn Ngọc Mai	Anh	20/Nov/07	60109571	3.2	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
232	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	17/Aug/07	60109572	3.2	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
233	Trương Gia	Hưng	18/May/07	60109573	3.4	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
234	Vô Nguyễn Minh	Hiển	27/Feb/07	60109574	3.4	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
235	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	12/Jan/07	60109575	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
236	Phùng Dương Phương	Thảo	17/Feb/07	60109576	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
237	Hoàng Gia	Bảo	27/Jun/07	60109577	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
238	Lê Phương	Mai	8/Mar/07	60109578	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
239	Huỳnh Tú	Anh	24/Nov/07	60109579	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
240	Trần Phạm Lyn	Đan	14/Apr/07	60109580	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
241	Lương Ngọc Thanh	Vy	25/Dec/07	60109581	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
242	Vô Hữu	Lộc	29/Aug/07	60109582	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
243	Trương Tô Nguyên	Phúc	17/Dec/07	60109583	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
244	Nguyễn Đoàn Khánh	Đăng	26/Mar/07	60109584	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
245	Lê Bá Khánh	Trình	6/Oct/07	60109585	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
246	Nguyễn Đăng	Minh	10/Sep/07	60109586	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
247	Nguyễn	Tài	8/Feb/07	60109587	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
248	Lê Phúc	Anh	5/May/07	60109588	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
249	Hồ Lê Hiền	Phương	17/Mar/07	60109589	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
250	Nguyễn Đình Bảo	Thy	29/Sep/07	60109590	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 10	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
251	Tsu Minh	Tài	15/Jul/07	60109591	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
252	Nguyễn Khánh	Vy	12/Sep/07	60109592	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
253	Trần Vũ Phương	Thảo	20/Oct/07	60109593	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
254	Ngô Lý Mỹ	Trân	31/Jan/07	60109594	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
255	Nguyễn Lê Yến	Ngọc	9/Apr/07	60109595	3.5	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
256	Hồ Hoàng	Như	5/Jul/07	60109596	3.15	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
257	Trịnh Trung	Hiếu	13/Feb/07	60109597	3.16	3	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
258	Nguyễn Lê Trâm	Anh	1/Nov/17	60109598	3.1	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
259	Nguyễn Văn	Khoa	5/Oct/07	60109599	3.1	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
260	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi	28/May/07	60109600	3.1	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
261	Lư Anh	Thư	20/Jan/07	60109601	3.1	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
262	Nguyễn Tấn	Hùng	19/Aug/07	60109602	3.2	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
263	Trần Gia	Khang	27/Feb/07	60109603	3.2	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
264	Đặng Bích	Tuyền	26/Feb/07	60109604	3.2	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
265	Nguyễn Hồ Công	Phú	15/Feb/07	60109605	3.3	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
266	Đặng Hồng Yến	Như	13/Jul/07	60109606	3.3	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
267	Phạm Lê Minh	Anh	13/Jan/07	60109607	3.4	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
268	Trần Phúc	Nhi	20/Oct/07	60109608	3.4	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
269	Lư Gia	Quyền	14/Mar/07	60109609	3.4	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
270	Trần Ngọc Anh	Thư	26/Nov/07	60109610	3.4	3	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
271	Phạm Quốc	Đạt	11/Aug/07	60109611	3.1	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
272	Phan Anh	Khoa	11/Jun/07	60109612	3.1	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
273	Trần Tiến	Dũng	1/Oct/07	60109613	3.1	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
274	Nguyễn Ngọc Bảo	Khánh	23/Feb/07	60109614	3.1	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
275	Lâm Kim	Ngân	2/Mar/07	60109615	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 11	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
276	Huỳnh Nguyễn Khánh	Nhi	18/Aug/07	60109616	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
277	Chu Trí	Toàn	6/Sep/07	60109617	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
278	Nguyễn Ngọc Khánh	Minh	19/Jul/07	60109618	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
279	Võ Nguyễn Gia	Phúc	13/Feb/07	60109619	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
280	Trần Bảo	Thy	28/Nov/07	60109620	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
281	Lìn Vĩ	Kiên	26/Nov/07	60109621	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
282	Nguyễn Phạm Minh	Trung	2/Oct/07	60109622	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
283	Nguyễn Bảo	Ngọc	21/Jan/07	60109623	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
284	Trần Phước Trung	Nam	20/May/07	60109624	3.2	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
285	Vũ Bích	Ngọc	8/Apr/07	60109625	3.3	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
286	Phạm Hồng	Ngọc	10/Nov/07	60109626	3.3	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
287	Trương Thế	Vinh	26/Apr/07	60109627	3.3	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
288	Phạm Duy	Trường	11/Jun/07	60109628	3.3	3	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
289	Diệp Vân	Anh	25/Feb/06	60109629	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
290	Vàyl Mỹ	Hạnh	30/Nov/06	60109630	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
291	Vô Hồng	Hân	10/Jun/06	60109631	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
292	Đặng Đức	Nam	15/Apr/06	60109632	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
293	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	14/May/06	60109633	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
294	Mạc Gia	Huệ	13/Jun/06	60109634	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
295	Nguyễn Lê Đăng	Khôi	23/Mar/06	60109635	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
296	Nguyễn Quỳnh	Như	22/Jul/06	60109636	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
297	Vũ Thị Kiều	Anh	8/Mar/06	60109637	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
298	Phan Lê Minh	Thư	9/Nov/06	60109638	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
299	Đại Huỳnh Khánh	Vinh	28/Jan/06	60109639	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
300	Đào Vy	Vy	1/Jun/06	60109640	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 12	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
301	Lý Thành	Huy	26/Feb/06	60109641	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
302	Nguyễn Dương Việt	Khuê	25/Aug/06	60109642	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
303	Đặng Minh	Trí	16/Apr/06	60109643	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
304	Nguyễn Đình Lan	Thương	16/Jan/06	60109644	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
305	Trần Tiến	Dũng	5/Dec/06	60109645	4.2	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
306	Chương Đông	Phi	7/Dec/06	60109646	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
307	Bùi Triệu Kiều	Ngân	13/Jun/06	60109647	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
308	Huỳnh Thanh	Huy	27/Oct/06	60109648	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
309	Đào Quốc	Trung	27/Jun/06	60109649	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
310	Phùng Đăng	Phúc	25/Sep/06	60109650	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
311	Nguyễn Huỳnh Xuân	Phát	12/Jun/06	60109651	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
312	Nguyễn Ngọc Phú	Khương	19/Dec/06	60109652	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
313	Lâm Tâm	Như	7/Jun/06	60109653	4.3	4	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
314	Lương Vĩnh	Thành	22/Jan/06	60109654	4.1	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
315	Trần Ngọc Thảo	Uyên	8/Apr/06	60109655	4.1	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
316	Châu Vi Nguyễn	Kỳ	2/May/06	60109656	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
317	Nguyễn Bảo Anh	Khoa	30/Sep/06	60109657	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
318	Đỗ Khánh	Ngân	20/May/06	60109658	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
319	Trần Xuân Thiên	Phúc	14/Feb/06	60109659	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
320	Đinh Gia	Trí	30/Mar/06	60109660	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
321	Bùi Tuấn	Vỹ	11/Nov/06	60109661	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
322	Nguyễn Trâm	Anh	10/Sep/06	60109662	4.3	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
323	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	7/Jun/06	60109663	4.3	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
324	Lâm Tường	Huy	10/Feb/06	60109664	4.3	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
325	Lê Vũ Hải	My	6/Jan/06	60109665	4.3	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 13	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
326	Lý Vĩ	Hùng	4/Jun/06	60109666	4.4	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
327	Trần Ngọc Kim	Ngân	16/Jan/06	60109667	4.4	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
328	Lai Phạm Như	Phúc	21/Oct/06	60109668	4.4	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
329	Bùi Ngọc Bảo	Trân	16/Jan/06	60109669	4.4	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
330	Đặng Minh	Khôi	11/Apr/06	60109670	4.2	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
331	Ngô Trương Như	Ý	17/Aug/06	60109671	4.4	4	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
332	Lê Vũ Quang	Minh	21/Jan/06	60109672	4.1	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
333	Nguyễn Phạm Bảo	Nghi	12/Mar/06	60109673	4.1	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
334	Nguyễn Đỗ Tường	Vân	19-102006	60109674	4.1	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
335	Phan Hồng	Hạnh	17/Apr/06	60109675	4.4	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
336	Mai Thị Yến	Trân	11/Oct/06	60109676	4.4	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
337	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	4/Mar/06	60109677	4.4	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
338	Quách Mỹ	Hoàn	14/Apr/06	60109678	4.4	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
339	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	7/Sep/06	60109679	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
340	Lê Hồng	Anh	22/Feb/06	60109680	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
341	Nguyễn Mai	Thy	23/Oct/06	60109681	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
342	Nguyễn Văn	An	26/Aug/06	60109682	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
343	Trần Nhật	Hoàng	20/Oct/06	60109683	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
344	Văn Nhã	Như	16/Mar/06	60109684	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
345	Lê Nguyễn Thùy	Dương	1/Aug/06	60109685	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
346	Quách Ngọc	Mỹ	16/Feb/06	60109686	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
347	Huỳnh Tấn	Tài	26/Jun/06	60109687	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
348	Hoàng Khánh	An	1/Dec/06	60109688	4.9	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
349	Nguyễn Trần	Đồng	2/Sep/06	60109689	4.9	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
350	Trần Ngọc Bảo	Khanh	1/Jan/06	60109690	4.9	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 14	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
351	Cao Đức	Tú	29/Jan/06	60109691	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
352	Nguyễn Như Gia	Bảo	20/Dec/06	60109692	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
353	Nguyễn Thiên	Quân	2/Jul/06	60109693	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
354	Trần Thiện	Nhân	16/Jun/06	60109694	4.12	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
355	Bùi Minh	Khang	18/Mar/06	60109695	4.12	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
356	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	15/Aug/06	60109696	4.12	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
357	Đào Huy Thiên	Phúc	17/Jan/06	60109697	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
358	Nguyễn Trần Đình	Hưng	25/Jul/06	60109698	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
359	Đặng Phước Trà	My	4/Sep/06	60109699	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
360	Kung Uy	Nhơn	24/May/06	60109700	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
361	Chu La Vĩnh	Phong	5/Jul/06	60109701	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
362	Bùi Văn	Anh	17/Oct/06	60109702	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
363	Nguyễn Nam	Anh	17/Oct/06	60109703	4.13	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
364	Lê Vũ Châu	Cường	16/Jan/06	60109704	4.14	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
365	Lương Nguyễn Tiến	Thịnh	30/Jun/06	60109705	4.14	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
366	Phan Ngọc	Khải	21/Jan/06	60109706	4.14	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
367	Phạm Nguyễn Thanh	Tâm	9/Dec/06	60109707	4.14	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
368	Nguyễn Hiếu Anh	Quân	12/Feb/06	60109708	4.14	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
369	Nguyễn La Yến	Trang	9/Oct/06	60109709	4.15	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
370	Nguyễn Phương Bảo	Ngọc	19/May/06	60109710	4.16	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
371	Nguyễn Hoàng	Ân	15/Oct/06	60109711	4.16	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
372	Ngô Nguyễn Bích	Trân	6/Jan/06	60109712	4.16	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
373	Phạm Tấn	Huy	11/Jul/06	60109713	4.16	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
374	Trần Anh	Tú	12/May/06	60109714	4.16	4	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
375	Nguyễn Trâm	Anh	13/Nov/06	60109715	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 15	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
376	Trương Đình Việt	Dũng	16/Oct/06	60109716	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
377	Nguyễn Minh	Hiếu	2/Jul/06	60109717	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
378	Lê Quang	Huy	10/Oct/06	60109718	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
379	Vô Đăng	Khoa	22/Jun/06	60109719	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
380	Nguyễn Phạm Minh	Ngân	4/Nov/06	60109720	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
381	Nguyễn Đỗ Nam	Phương	23/Nov/06	60109721	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
382	Phan Thị Thanh	Thảo	17/Jun/06	60109722	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
383	Trần Nguyễn Bảo	Trâm	6/Apr/06	60109723	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
384	Lê Nguyễn Bảo	Thy	18/Aug/06	60109724	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
385	Trần Mai Anh	Tuấn	13/Nov/06	60109725	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
386	Bùi Phương	Uyên	6/Aug/06	60109726	4.1	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
387	Nguyễn Đức	Anh	27/Jul/06	60109727	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
388	Vũ Hoàng Gia	Bảo	20/Oct/06	60109728	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
389	Lê Gia	Bảo	1/Jun/06	60109729	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
390	Tạ Đoàn Gia	Bảo	3/Sep/06	60109730	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
391	Nguyễn Bảo	Châu	4/Jul/06	60109731	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
392	Phạm Gia	Hân	18/Aug/06	60109732	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
393	Trần Vinh	Hiếu	5/Nov/06	60109733	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
394	Nguyễn Phi	Hùng	19/Feb/06	60109734	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
395	Phạm Lê Anh	Huy	30/Apr/06	60109735	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
396	Trần Nguyễn Nhật	Nam	27/Sep/06	60109736	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
397	Lý Minh	Nguyên	21/Apr/06	60109737	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
398	Nguyễn Hoàng Mỹ	Quỳnh	14/Apr/06	60109738	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
399	Dương Ngọc Anh	Thư	9/Jan/06	60109739	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
400	Nguyễn Minh	Thanh	22/Oct/06	60109740	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 16	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
401	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	27/Oct/06	60109741	4.2	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
402	Tôn Hiếu	Băng	8/Apr/06	60109742	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
403	Nguyễn Xuân	Cường	6/Dec/06	60109743	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
404	Hoàng Nhật Huy	Cường	19/Jan/06	60109744	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
405	Lê Nguyễn Nhật	Duy	11/Jan/06	60109745	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
406	Trần Lê Gia	Hân	21/Oct/06	60109746	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
407	Vô Thành	Hiếu	15/Sep/06	60109747	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
408	Lê Anh	Huy	11/Feb/06	60109748	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
409	Hoàng Đình Vinh	Khanh	26/Apr/06	60109749	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
410	Nguyễn Đăng	Khoa	18/May/06	60109750	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
411	Nguyễn Minh	Khôi	21/Sep/06	60109751	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
412	Trương Hoàng	Lâm	15/Feb/06	60109752	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
413	Trần Kim	Ngân	5/Jul/06	60109753	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
414	Nguyễn Tấn	Phát	24/Jan/06	60109754	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
415	Ngô Lê Minh	Quân	13/Sep/06	60109755	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
416	Vô Hoàng Nhật	Tân	3/Jan/06	60109756	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
417	Lê Hoàng Ngân	Thanh	12/Oct/06	60109757	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
418	Ngô Đặng Thanh	Thảo	13/Aug/06	60109758	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
419	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	15/Nov/06	60109759	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
420	Lê Đặng Thùy	Trang	3/Oct/06	60109760	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
421	Nguyễn Thành	Trung	29/Apr/06	60109761	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
422	Trần Hoàng Khả	Tú	11/Mar/06	60109762	4.3	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
423	Trương Gia	Huy	14/Sep/06	60109763	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
424	Nguyễn Hà Quỳnh	Hương	27/Dec/06	60109764	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
425	Phạm Nguyễn Tuấn	Kỳ	13/Aug/06	60109765	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 17	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
426	Trần Ngọc Minh	Nguyệt	10/Jun/06	60109766	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
427	Nguyễn Thị Phương	Trúc	6/Jul/06	60109767	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
428	Mai Hoàng	Yến	16/Oct/06	60109768	4.4	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
429	Nguyễn Trần Lê	Hưng	2/Feb/06	60109769	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
430	Vô Tuyết	Loan	4/Jul/06	60109770	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
431	Nguyễn Tiến	Nam	25/Jul/06	60109771	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
432	Phạm Quang	Phú	2/Dec/06	60109772	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
433	Phạm Minh	Quân	24/Nov/06	60109773	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
434	Phạm Quang	Quý	2/Dec/06	60109774	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
435	Trần Minh	Thiện	27/Jan/06	60109775	4.5	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
436	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	10/Oct/06	60109776	4.6	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
437	Tạ Phan Như	Phúc	9/Oct/06	60109777	4.6	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
438	Vô Trí	Thức	4/Apr/06	60109778	4.6	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
439	Nguyễn Kiệt	Trình	28/Jul/06	60109779	4.6	4	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
440	Trương Thị Quỳnh	Anh	19/Aug/06	60109780	4.3	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
441	Bùi Ngọc	Anh	1/Jan/06	60109781	4.3	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
442	Lê Trần Tuấn	Em	27/Jan/06	60109782	4.3	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
443	Nguyễn Trọng	Hiếu	28/Jul/06	60109783	4.3	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
444	Trịnh Nhân	Tâm	20/Dec/06	60109784	4.3	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
445	Lê Khánh Mỹ	Linh	26/Feb/06	60109785	4.4	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
446	Lê Hữu	Phát	8/Nov/06	60109786	4.4	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
447	Cần Như	Quỳnh	6/Dec/06	60109787	4.4	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
448	Lê Trần Phương	Anh	31/Aug/06	60109788	4.5	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
449	Trương Quang	Chung	26/Aug/06	60109789	4.5	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
450	Lê Uyên	Phương	15/Jun/06	60109790	4.5	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 18	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
451	Huỳnh Đỗ Uyên	Trang	16/Apr/06	60109791	4.5	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
452	Nguyễn Đào Tường	Vy	19/May/06	60109792	4.5	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
453	Huỳnh Gia	Bảo	26/Feb/06	60109793	4.6	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
454	Bạch Lê	Hoàng	13/Apr/06	60109794	4.6	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
455	Quách Bảo	Ngọc	23/Mar/06	60109795	4.6	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
456	Mã Hồng	Nhung	16/May/06	60109796	4.6	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
457	Lê Võ Văn	Phong	21/Jun/06	60109797	4.6	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
458	Trần Lưu Hồng	Hạnh	19/Oct/06	60109798	4.7	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
459	Trương Thảo	Nhi	22/Mar/06	60109799	4.7	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
460	Lê Trần Thanh	Thảo	7/Jun/06	60109800	4.7	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
461	Nguyễn Ngọc	Tiền	22/Mar/06	60109801	4.7	4	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
462	Trần Quang Quỳnh	My	14/Aug/06	60109802	4.1	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
463	Tăng	Duy	15/Jun/06	60109803	4.2	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
464	Nguyễn Nhật	Khang	6/Apr/06	60109804	4.4	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
465	Trần Thanh	Danh	13/Apr/06	60109805	4.4	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
466	Lê Thị Quỳnh	Trang	26/Jun/06	60109806	4.1	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
467	Nguyễn Quốc Thu	An	13/May/06	60109807	4.11	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
468	Liễu Thanh	Vy	9/Nov/06	60109808	4.11	4	Huỳnh Văn Chính	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
469	Hoàng Anh	Khôi	9/Dec/06	60109809	42096	4	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
470	Nguyễn Thụy Đoan	Trang	31/Aug/06	60109810	42096	4	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
471	Lê Ngọc Phương	Khanh	6/Nov/06	60109811	4.7	4	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
472	Đặng Huỳnh Huy	Khánh	29/Apr/06	60109812	4.1	4	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
473	Nguyễn Vũ Bảo	Hân	10/Mar/06	60109813	4.5	4	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
474	Lê Trần Thanh	Thảo	12/May/06	60109814	4.6	4	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
475	Nguyễn Văn Đức	Anh	16/Jul/06	60109815	4.9	4	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 19	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
476	Phạm Tuấn	Khải	17/Nov/06	60109816	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
477	Huỳnh Nguyễn Bảo	Duyên	15/Jun/06	60109817	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
478	Lê Nguyễn Minh	Thư	4/Nov/06	60109818	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
479	Nguyễn Hiếu	Khoa	3/Jan/06	60109819	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
480	Phạm Văn Thành	Đạt	26/May/06	60109820	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
481	Lại Nguyễn Minh	Thông	18/Feb/06	60109821	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
482	Huỳnh Minh Tuệ	Mẫn	24/Mar/06	60109822	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
483	Nguyễn Quang	Huy	23/Jul/06	60109823	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
484	Nguyễn Lê Gia	Khang	26/Sep/06	60109824	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
485	Nhật Khánh	Linh	16/Feb/06	60109825	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
486	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	6/Jul/06	60109826	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
487	Trần Thanh	Nhật	2/Apr/06	60109827	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
488	Hồ Thị Thanh	Tâm	23/May/06	60109828	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
489	Nguyễn Huy	Tuấn	26/Jan/06	60109829	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
490	Phan Nguyễn Anh	Thư	9/Feb/06	60109830	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
491	Dương Thái	Trúc	25/Jun/06	60109831	4.2	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
492	Tchen Phi	Tân	10/Mar/06	60109832	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
493	Huỳnh Đăng	Khoa	6/Jul/06	60109833	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
494	Trương Phước	Phú	6/Oct/06	60109834	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
495	Huỳnh Quốc	Hưng	11/Feb/06	60109835	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
496	Trần Phạm Phương	Uyên	28/Sep/06	60109836	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
497	Nguyễn Võ Nhất	Long	30/May/06	60109837	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
498	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	16/Nov/06	60109838	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
499	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Thảo	10/Apr/06	60109839	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
500	Phạm Quỳnh	Anh	9/Dec/06	60109840	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 20	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
501	Âu Dương Minh	Đăng	15/Sep/06	60109841	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
502	Trịnh Quang	Minh	12/Apr/06	60109842	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
503	Minh	Bảo	30/Sep/06	60109843	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
504	Võ Lê Tiên	Như	25/Mar/06	60109844	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
505	Nguyễn Hoàng Nhật	Thy	26/Aug/06	60109845	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
506	Đoàn Phi	Lâm	26/Oct/06	60109846	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
507	Trần Hoàng Phương	Thùy	3/Jun/06	60109847	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
508	Nguyễn Quang	Hải	6/Aug/06	60109848	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
509	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	9/Feb/06	60109849	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
510	Lưu Vũ	Thiên	10/Dec/06	60109850	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
511	Trương Công	Minh	6/Feb/06	60109851	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
512	Kiều Nguyễn Thiên	Tâm	17/Sep/06	60109852	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
513	Nguyễn Minh	Tâm	8/Feb/06	60109853	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
514	Nguyễn Viết	Thị	8/Jun/06	60109854	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
515	Phan Minh Thanh	Tùng	23/Jul/06	60109855	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
516	Trần Ngọc Xuân	Mai	20/Feb/06	60109856	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
517	Đinh Thanh	Ngân	8/Nov/06	60109857	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
518	Hoàng Thị Thu	Ngân	16/Mar/06	60109858	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
519	Lưu Bảo	Ngọc	23/Sep/06	60109859	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
520	Nguyễn Đình Bảo	Khánh	10/Jun/06	60109860	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
521	Nguyễn Tường	Vi	6/Jan/06	60109861	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
522	Đặng Quang	Vinh	13/Feb/06	60109862	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
523	Dương Gia	Thuận	18/Mar/06	60109863	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
524	Lê Đức	Thành	25/Jan/06	60109864	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
525	Châu Nguyên	Khang	16/Aug/06	60109865	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 21	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
526	Kim Thiên Phương	Khanh	25/Mar/06	60109866	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
527	Mai Hoàng Thiên	Thư	29/Nov/06	60109867	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
528	Bùi Viết Anh	Kiệt	10/Apr/06	60109868	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
529	Phạm Thị Quỳnh	Hương	20-5-206	60109869	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
530	Nguyễn Mạnh	Cường	17/Feb/06	60109870	4.3	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
531	Trịnh Thị Thanh	Trúc	7/Aug/06	60109871	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
532	Nguyễn Ngọc Hồng	PHúc	28/Aug/06	60109872	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
533	Nguyễn Lâm Thùy	Linh	26/Dec/06	60109873	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
534	Đinh Thị Ngọc	Vy	29/Jan/06	60109874	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
535	Lê Ngọc Quỳnh	Trâm	29/Jan/06	60109875	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
536	Trần Lê Gia	Bảo	18/Nov/06	60109876	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
537	Lê Phương	Nhi	28/Jun/06	60109877	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
538	Trần Phương	Quỳnh	22/Mar/06	60109878	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
539	Trương Thị Mỹ	Hoa	16/Oct/06	60109879	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
540	Trần Tuệ	Mẫn	23/Jan/06	60109880	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
541	Dương Phối	Ngọc	13/Dec/06	60109881	4.4	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
542	Đỗ Tất	Đạt	29/Jun/06	60109882	4.5	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
543	Minh	Anh	11/Mar/06	60109883	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
544	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	2/Sep/06	60109884	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
545	Trần Thị	Quỳnh	30/Jan/06	60109885	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
546	Thu	Phượng	1/May/06	60109886	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
547	Thái Văn Minh	Quân	22/Sep/06	60109887	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
548	Hữu	Lễ	29/Oct/06	60109888	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
549	Lê Bảo	Long	9/Mar/06	60109889	4.7	4	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
550	Lâm Tuấn	Vinh	20/Oct/06	60109890	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 22	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
551	Đương Tấn	Phúc	29/Jan/06	60109891	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
552	La Nhã	Đồng	4/Nov/06	60109892	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
553	Nguyễn Thế	Anh	24/Jul/07	60109893	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
554	Nguyễn Gia	Linh	17/Dec/06	60109894	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
555	Đào Nguyễn Thảo	Như	14/Dec/06	60109895	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
556	Phùng Anh	Triết	18/Oct/06	60109896	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
557	Vũ Việt	Bảo	20/Mar/06	60109897	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
558	Trần Gia	Bảo	21/Feb/06	60109898	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
559	Phạm Tuấn	Kiệt	26/Oct/06	60109899	4.1	4	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
560	Bùi Huỳnh thiên	Bảo	23/May/06	60109900	4.1	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
561	Nguyễn lê Thanh	Mai	21/Aug/06	60109901	4.1	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
562	Ông Quang	Mỹ	12/Mar/06	60109902	4.1	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
563	Lương Minh	Phong	2/Jan/06	60109903	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
564	Khương Lê Bảo	Ngọc	15/Aug/06	60109904	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
565	Trần Gia	Kiệt	13/Oct/06	60109905	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
566	Hồ Huỳnh Khánh	Nguyên	2/Oct/06	60109906	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
567	Hữu Hạp Tuấn	Anh	29/Sep/06	60109907	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
568	Lữ Ngọc Uyên	Phương	9/Aug/06	60109908	4.2	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
569	Hà Chí	Quyền	3/Nov/06	60109909	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
570	Lương Nguyễn nhật	Hoàng	20/Jan/06	60109910	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
571	Kha Tú	Như	28/May/06	60109911	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
572	Đặng Sơn	Sang	30/Mar/06	60109912	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
573	Lâm Kim	Bảo	30/Mar/06	60109913	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
574	Nguyễn Lâm Thảo	My	15/Oct/06	60109914	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
575	Phạm Trương Phương	Ngân	19/Sep/06	60109915	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 23	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
576	Lê Thị Khánh	Vy	26/Nov/06	60109916	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
577	Trần Nguyễn Thành	Lợi	19/May/06	60109917	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
578	Tôn Kỳ	Phong	20/Nov/06	60109918	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
579	Bùi Lưu Nguyên	Vũ	16/Feb/06	60109919	4.3	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
580	Hà Dư	Tuấn	15/Nov/06	60109920	4.4	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
581	Trần Phương Mỹ	Trần	26/Nov/06	60109921	4.4	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
582	Cát tuần	Kiệt	18/Jun/06	60109922	4.4	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
583	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	6/Jun/06	60109923	4.4	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
584	Trần Minh	Trí	12/Aug/06	60109924	4.5	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
585	TRần Thanh	Nhã	15/Sep/06	60109925	4.5	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
586	Đỗ Gia	Thịnh	17/Aug/06	60109926	4.5	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
587	Vũ Quốc	Anh	9/Jul/06	60109927	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
588	Nguyễn Thị Trúc	Lành	24/Feb/06	60109928	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
589	Lê Thị Yến	Nhi	17/Jun/06	60109929	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
590	Lê Thị	Thanh	27/Mar/06	60109930	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
591	Lư Phan Hoàng	An	6/Jan/06	60109931	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
592	Trần Thảo	Anh	30/Dec/06	60109932	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
593	Lương Ngọc Minh	Hằng	24/Feb/06	60109933	4.7	4	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
594	Đương	Hùng	12/Jun/06	60109934	4.1	4	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
595	Trương Phan Quang	Khiêm	1/Dec/06	60109935	4.1	4	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
596	Đỗ Chiêm	Đạt	30/Mar/06	60109936	4.4	4	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
597	Đỗ Vũ Đăng	Trình	29/May/06	60109937	4.6	4	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
598	Tạ Tuấn	Hải	2/Nov/06	60109938	4.6	4	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
599	Nguyễn Thu	Ngân	1/Apr/06	60109939	4.1	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
600	Nguyễn Duy	Toàn	15/Sep/06	60109940	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 24	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
601	Lê Kim Quỳnh	Như	4/May/06	60109941	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
602	Ngô Anh	Nguyên	20/Jun/06	60109942	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
603	Nguyễn Huỳnh Ánh	Minh	2/Aug/06	60109943	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
604	Đoàn Đức	Nam	11/Dec/06	60109944	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
605	Hoàng Nhật	Lâm	2/Dec/06	60109945	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
606	Thái Hoàng Gia	Nhi	23/Oct/06	60109946	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
607	Nguyễn Kim	Phước	25/Oct/06	60109947	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
608	Lương Văn Thiên	Phúc	25/Apr/06	60109948	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
609	Lê Trạch Minh	Quang	30/Oct/06	60109949	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
610	Đặng Đình	Phúc	9/Apr/06	60109950	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
611	Lê Minh	Tiến	21/Dec/06	60109951	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
612	Lê Gia	Khiêm	13/Apr/06	60109952	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
613	Nguyễn Trương Ánh	Ngọc	18/May/06	60109953	4.2	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
614	Ngô Mỹ	Phương	22/Jun/06	60109954	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
615	Trần Triệu	Vy	20/Apr/06	60109955	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
616	Bùi Gia	Khánh	6/Apr/06	60109956	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
617	Trương Ân	Kỳ	10/Oct/06	60109957	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
618	Phạm Khắc Đông	Duy	17/Feb/06	60109958	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
619	Hoàng Nguyễn Uyển	Doanh	1/Jun/06	60109959	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
620	Nguyễn Văn	Trường	9/Sep/06	60109960	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
621	Phùng Thiên	Bảo	14/Mar/06	60109961	4.6	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
622	Cao Tuấn	Tú	15/Dec/06	60109962	4.11	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
623	Mai Bảo	Kha	9/Jan/06	60109963	4.11	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
624	Đoàn Ngọc Tuấn	Khiêm	20/Mar/06	60109964	4.12	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
625	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/May/06	60109965	4.12	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 25	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
626	Huỳnh Nhật	Vy	15/Jan/06	60109966	4.12	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
627	Trần Ngọc Huyền	Trân	25/Aug/06	60109967	4.12	4	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
628	Đàm Lê Ngọc	Lan	1/Jul/05	60109968	5.1	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
629	Nguyễn Huỳnh Bảo	Uyên	3/Feb/05	60109969	5.1	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
630	Đặng Minh	Hoàng	21/Aug/05	60109970	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
631	Trần Hoàng	Lan	13/Jan/05	60109971	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
632	Đặng Thùy	Dung	25/Apr/05	60109972	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
633	Phạm Trần Thùy	Trang	22/Apr/05	60109973	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
634	Trần Ngô Minh	Phúc	27/Feb/05	60109974	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
635	Đoàn Khánh	Vinh	10/Nov/05	60109975	5.2	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
636	Lê Vũ Phương	Anh	3/Aug/05	60109976	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
637	Tạ Thị Bích	Loan	4/Jan/05	60109977	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
638	Phạm Trần Quỳnh	Anh	8/Apr/05	60109978	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
639	Đinh Lê Phương	Thảo	13/Jan/05	60109979	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
640	Đinh Nguyễn Tường	Vy	12/Aug/05	60109980	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
641	Phạm Khương	Bảo	12/Aug/05	60109981	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
642	Trương Quốc	Hùng	28/Jan/05	60109982	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
643	Lê Phan Văn	Nghĩa	15/Jan/05	60109983	5.3	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
644	Hoàng Thủy	Linh	20/Feb/05	60109984	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
645	Trần Kim	Quỳnh	9/Nov/05	60109985	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
646	Ngô Thanh	Huyền	16/Mar/05	60109986	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
647	Trần Thị Thùy	Linh	11/Feb/05	60109987	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
648	Đỗ Hoàng	Tuấn	18/Nov/05	60109988	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
649	Nguyễn Tiến	Đạt	28/Oct/05	60109989	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
650	Nguyễn Xuân	Mai	1/Nov/05	60109990	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 26	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
651	Vô Phan Khánh	Vi	11/Oct/05	60109991	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
652	Lương Thanh	Nghi	26/Nov/05	60109992	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
653	Trần Trung	Tín	13/Jun/05	60109993	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
654	Phan Hà Yến	Nhi	2/Apr/05	60109994	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
655	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	4/Apr/05	60109995	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
656	Phạm Lê	Khang	5/Apr/05	60109996	5.4	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
657	Nguyễn Trịnh Minh	Huyền	14/Jul/05	60109997	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
658	Phạm Trương Thanh	Ngân	20/Apr/05	60109998	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
659	Lê Trần Ngọc	Trang	15/Oct/05	60109999	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
660	Nguyễn Gia	Hân	5/Nov/05	60110000	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
661	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	14/Apr/05	60110001	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
662	Tôn Thất	Huy	16/Apr/05	60110002	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
663	Nguyễn Anh	Khoa	24/Jun/05	60110003	5.5	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
664	Lâm Hoàng	Sang	11/Apr/05	60110004	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
665	Trương Nguyễn Gia	Bảo	19/Mar/05	60110005	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
666	Tạ Thanh	Bình	10/Feb/05	60110006	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
667	Phạm Võ Thanh	Thảo	25/Jun/05	60110007	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
668	Phan Lâm Cẩm	Uyên	8/Mar/05	60110008	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
669	Nguyễn Hoàng Khánh	Huyền	6/Jun/05	60110009	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
670	Trần Thị Thanh	Ngân	23/Aug/05	60110010	5.6	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
671	Hồ Thị Diệu	Linh	1/Jun/05	60110011	5.8	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
672	Huỳnh Ngọc Gia	Hiếu	23/Dec/05	60110012	5.8	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
673	Từ Thị Thùy	Nhung	28/Jan/05	60110013	5.8	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
674	Tăng Hoài	Thương	20/Nov/05	60110014	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
675	Trần Đông	Đông	29/Jan/05	60110015	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 27	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
676	Nguyễn Đức Lê Minh	Quân	18/Oct/05	60110016	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
677	Trần Hoàng Nhật	Khanh	14/Feb/05	60110017	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
678	Trần Đỗ Minh	Tiến	18/Feb/05	60110018	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
679	Nguyễn Trần Đức	Trung	9/Oct/05	60110019	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
680	Đặng Hoàng Phương	Uyên	28/Sep/05	60110020	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
681	Phan Thị Bích	Huyền	30/Aug/05	60110021	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
682	Tô Nguyễn Thanh	Đông	4/May/05	60110022	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
683	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	17/Oct/08	60110023	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
684	Trần Lê Xuân	Nghi	9/Jan/05	60110024	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
685	Trần Cát	Tiên	14/Sep/05	60110025	5.9	5	Tân Hương	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
686	Lê Thảo	Nguyên	19/Jul/05	60110026	5.2	5	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
687	Nguyễn Đình Minh	Khoa	15/Sep/05	60110027	5.1	5	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
688	Trần Thanh	Dương	10/Sep/05	60110028	5.6	5	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
689	Bùi Nguyễn Phương	Uyên	20/Nov/05	60110029	5.10	5	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
690	Chung Gia	Hân	6/Jan/05	60110030	5.7	5	Lê Lai	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
691	Nguyễn Trọng Gia	Phúc	21/Aug/05	60110031	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
692	Nguyễn Xuân	Vinh	11/Apr/05	60110032	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
693	Vô Bảo	Ngân	22/Aug/05	60110033	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
694	Trần Vũ Khánh	Nghi	16/Jan/05	60110034	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
695	Đinh Nguyễn Kim	Khánh	30/Jul/05	60110035	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
696	Nguyễn Ngọc	Minh	3/Jan/05	60110036	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
697	Nguyễn Trần Thu	Kỳ	29/Nov/05	60110037	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
698	Nguyễn Trung	Hiếu	12/Jul/05	60110038	5.1	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
699	Nguyễn Đỗ Minh	Phương	21/Feb/05	60110039	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
700	Trương Ngọc	Như	7/Feb/05	60110040	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 28	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
701	Nguyễn Hồng Ngọc	ánh	17/Mar/05	60110041	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
702	Bành Minh	Cường	14/Apr/05	60110042	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
703	Phạm Tiến	Đạt	18/Aug/05	60110043	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
704	Nguyễn Hoàng Huy	Lam	11/Aug/05	60110044	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
705	Trần Tuyết	Vy	29/Jul/05	60110045	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
706	Huỳnh Anh	Tuấn	24/Aug/05	60110046	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
707	Võ Lâm Bảo	Châu	11/Feb/05	60110047	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
708	Phạm Hồng	Quản	1/Aug/05	60110048	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
709	Chang Kim	Mẫn	7/Mar/05	60110049	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
710	Võ Nguyễn Thảo	Vy	19/Oct/05	60110050	5.2	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 29	Ca 01	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
711	Huỳnh Ngọc	Như	4/Dec/05	60110051	5.3	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
712	Trần Thị Hồng	Anh	4/Jan/05	60110052	5.4	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
713	Hồ Ngọc Minh	Thu	2/May/05	60110053	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
714	Lâm Chí	Hào	21/Feb/05	60110054	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
715	Dương Nguyễn Thảo	Vy	26/Sep/05	60110055	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
716	Trần Tuấn	Thành	28/Nov/05	60110056	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
717	Tchen Ngọc Bảo	Trân	15/Sep/05	60110057	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
718	Hầu Thái	Tú	20/Jun/05	60110058	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
719	Trần Diệu	Khang	10/Feb/05	60110059	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
720	Trần Minh	Quốc	6/Sep/05	60110060	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
721	Phùng Ngọc	Tâm	11/Sep/05	60110061	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
722	Vũ Tuệ	Phi	11/Jul/05	60110062	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
723	Nguyễn Hoàng	Nam	1/Feb/05	60110063	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
724	Ngô Hoàng	Nhi	13/Apr/05	60110064	5.5	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
725	Nguyễn Mạnh	Tiến	25/Jun/05	60110065	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
726	Hình Dương Thảo	Nhi	3/Feb/05	60110066	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
727	Ngô Thị Thúy	Vy	29/Oct/05	60110067	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
728	Nguyễn Lan	Vy	11/Dec/05	60110068	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
729	Nguyễn Đặng Quỳnh	Giao	20/Mar/05	60110069	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
730	Hàn Phan Thiên	Ý	28/May/05	60110070	5.6	5	Hiệp Tân	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
731	Nguyễn Tiểu Thanh	Nguyệt	6/Nov/05	60110071	5.2	5	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
732	Nguyễn Cao	Minh	5/Apr/05	60110072	5.2	5	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
733	Phạm Trương Gia	Phú	27/Jun/05	60110073	5.4	5	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
734	Nguyễn Xuân	Hậu	11/Jul/05	60110074	5.8	5	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
735	Khuu Hoàng Khánh	Nhi	6/Aug/05	60110075	5.8	5	Tân Thới	Quận Tân Phú	Phòng 01	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
736	Nguyễn Phước	Đạt	5/Oct/05	60110076	5.2	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
737	Vũ Phương	Minh	26/Nov/05	60110077	5.4	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
738	Đinh Thiên	Lộc	18/Sep/05	60110078	5.2	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
739	Nguyễn Lan	Anh	29/May/05	60110079	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
740	Mạch Ngọc	Anh	24/Mar/05	60110080	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
741	Trần Vũ Quỳnh	Anh	15/Apr/05	60110081	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
742	Lê Gia	Bảo	10-10-2005	60110082	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
743	Hồ Xuân	Diệu	06-04-2005	60110083	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
744	Đinh Ngọc Bảo	Hân	24-03-2005	60110084	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
745	Lê Gia	Hân	09-06-2005	60110085	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
746	Trần Nhất Gia	Hân	01-05-2005	60110086	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
747	Phạm Nguyễn Trâm	Anh	19-06-2005	60110087	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
748	Nguyễn Huy	Hoàng	22-05-2005	60110088	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
749	Hàn Gia	Huy	19-03-2005	60110089	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
750	Dương Thi Thanh	Hương	02-10-2005	60110090	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
751	Ngô Hoàng	Kha	27-09-2005	60110091	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
752	Nguyễn Khải	Minh	26-11-2005	60110092	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
753	Trịnh Thu	Nga	03-02-2005	60110093	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
754	Huỳnh Lâm Hoàng	Nguyên	23-09-2005	60110094	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
755	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	09-05-2005	60110095	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
756	Lê Ngọc Tấn	Tài	09-09-2005	60110096	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
757	Vô Thiện	Nhân	07-02-2005	60110097	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
758	Nguyễn Trọng Tuấn	Thành	19-03-2005	60110098	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
759	Phạm Thanh	Thảo	24-11-2005	60110099	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
760	Phạm Thị Thu	Thảo	04-06-2005	60110100	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 02	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
761	Nguyễn Quang	Thắng	20-08-2005	60110101	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
762	Huỳnh Uyên	Thi	24-04-2005	60110102	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
763	Nguyễn Minh	Thư	24-11-2005	60110103	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
764	Phạm Phú	Tín	10-11-2005	60110104	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
765	Tôn Thất Thanh	Toàn	13-09-2005	60110105	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
766	Bạch Lê Phi	Trường	25-04-2005	60110106	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
767	Trần Thanh	Tú	18-10-2005	60110107	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
768	Huỳnh Nhật	Uyên	24-05-2005	60110108	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
769	Hầu Quang	Vũ	20-08-2005	60110109	5.6	5	Đoàn Thị Điểm	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
770	Lầu Mỹ	Như	26/Aug/05	60110110	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
771	Trần Đỗ An	Hưng	23/Mar/05	60110111	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
772	Lê Triều	Dương	14/Feb/05	60110112	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
773	Huỳnh Gia	Bảo	29/Mar/05	60110113	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
774	Lê Ngọc Khánh	Nghi	3/Mar/05	60110114	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
775	Nguyễn Phúc	Khang	8/Oct/05	60110115	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
776	Đình Khánh	My	19/Jul/05	60110116	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
777	Huỳnh Tuấn	Ngọc	29/Jul/05	60110117	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
778	Trác Quan Trung	Trình	4/Mar/05	60110118	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
779	Trịnh Nghiệp	Tuấn	10/Nov/04	60110119	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
780	Bùi Lâm	Thư	22/Aug/05	60110120	5.1	5	Hồng Ngọc	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
781	Nguyễn Phương Lập	Phong	21/Nov/05	60110121	5.3	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
782	Đình Hào	Phúc	12/Jul/05	60110122	5.3	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
783	Chu Nguyễn Thảo	Anh	27/May/05	60110123	5.3	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
784	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	18/Jan/05	60110124	5.3	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
785	Huỳnh Tuấn	Anh	23/Sep/05	60110125	5.1	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 03	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
786	Hồ Nguyễn Xuân	Quỳnh	6/Aug/05	60110126	5.1	5	Võ Thị Sáu	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
787	Trần Hồng	Loan	7/Dec/15	60110127	42128	5	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
788	Lại Minh	Anh	20/Dec/05	60110128	42128	5	Âu Cơ	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
789	Nguyễn Phan Quang	Bảo	25/Jun/05	60110129	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
790	Huỳnh Ngọc	Khánh	28/Apr/05	60110130	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
791	Trương Ngọc Khánh	Linh	26/Jun/05	60110131	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
792	Nguyễn Anh	Minh	9/Jan/05	60110132	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
793	Bừu Huỳnh Vĩnh	Phúc	16/Jun/05	60110133	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
794	Nguyễn Công	Toại	28/Dec/05	60110134	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
795	Nguyễn Thụy Tường	Vy	7/Apr/05	60110135	5.1	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
796	Trần Nguyễn Thiên	An	20/Feb/05	60110136	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
797	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/Jun/05	60110137	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
798	Lê Hồng	Khanh	3/Aug/05	60110138	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
799	Nguyễn Lương Xuân	Khoa	15/Dec/05	60110139	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
800	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	18/Feb/05	60110140	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
801	Cao Đức	Phú	1/Jun/05	60110141	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
802	Lê Đỗ Gia	Phúc	21/Jan/05	60110142	5.2	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
803	Trương Ngọc	Ánh	24/Apr/05	60110143	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
804	Nguyễn Vũ Thiên	Ân	27/Oct/05	60110144	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
805	Quách Gia	Bảo	16/May/05	60110145	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
806	Tô Nguyễn Khánh	Duyên	12/Apr/05	60110146	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
807	Lê Trần Như	Ngọc	12/Aug/05	60110147	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
808	Nguyễn Như	Ngọc	13/Apr/05	60110148	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
809	Đỗ Nguyễn Huyền	My	4/Nov/05	60110149	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
810	Lê Hồng	Thuy	20/Nov/05	60110150	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 04	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
811	Lê Văn	Trung	19/Apr/05	60110151	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
812	Nguyễn Bùi Sỹ	Trung	1/Jul/05	60110152	5.3	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
813	Nguyễn Thùy	Dương	13/Mar/05	60110153	5.4	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
814	Trần Lê Minh	Hoàng	23/Jan/05	60110154	5.4	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
815	Phan Nguyễn Lâm	Như	23/Aug/05	60110155	5.4	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
816	Bùi Hoàng Phương	Oanh	13/Feb/05	60110156	5.4	5	Tân Sơn Nhì	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
817	Nguyễn Phú	Vinh	26/May/05	60110157	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
818	Trần Vương Khánh	Linh	21/Feb/05	60110158	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
819	Phạm Quỳnh	Anh	25/May/05	60110159	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
820	Bùi Bảo	Như	6/May/05	60110160	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
821	Văn Thông	Anthony	4/Jan/05	60110161	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
822	Nguyễn Thị An	Hòa	8/Mar/05	60110162	5.4	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
823	Nguyễn Anh	Quân	14/Oct/05	60110163	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
824	Phan Minh Ngọc	Hân	13/Mar/05	60110164	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
825	Huỳnh Phan Quỳnh	Trâm	21/Feb/05	60110165	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
826	Hà Thị Bảo	Như	21/Dec/05	60110166	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
827	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	13/Dec/05	60110167	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
828	Lê Nguyễn Vinh	Kha	25/Feb/05	60110168	5.5	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
829	Bùi Hoàng Minh	Trâm	31/May/05	60110169	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
830	Trần Ngọc Bảo	Anh	10/Dec/05	60110170	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
831	Nguyễn Nhật Thiên	Kiều	3/Aug/05	60110171	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
832	Bach Nguyễn Ngọc	Uyên	19/Oct/05	60110172	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
833	Vô Trần Ngọc	Mẫn	21/Jan/05	60110173	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
834	Hứa Đoàn Kim	Ngân	8/Feb/05	60110174	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
835	Trần Hiếu	Quân	5/Dec/05	60110175	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 05	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
836	Vô Lê Minh	Quyền	5/Apr/05	60110176	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
837	Đặng Ngọc	Phát	9/Oct/05	60110177	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
838	Nguyễn Mỹ	Phương	27/Apr/05	60110178	5.12	5	Phan Chu Trinh	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
839	Hồ Phước	Duy	26/Jul/05	60110179	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
840	Phạm Duy	Hiếu	22/Jun/05	60110180	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
841	Đặng Khánh	Nam	2/Jun/05	60110181	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
842	Nguyễn Tấn	Tài	17/Dec/05	60110182	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
843	Nguyễn Nhật	Tân	20/Jun/05	60110183	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
844	Phan Thanh	Thúy	14/Jul/05	60110184	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
845	Lục Thế	Vỹ	1/Aug/05	60110185	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
846	Thới Ngọc Thảo	Vy	29/Jun/05	60110186	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
847	Nguyễn Ngọc	Yến	17/Oct/04	60110187	5.5	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
848	Trần Đại Thanh	Bình	25/Apr/05	60110188	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
849	Nguyễn Đông	Hưng	4/Apr/05	60110189	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
850	Châu Thành	Long	2/Sep/05	60110190	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
851	Lâm Tâm	Như	4/Nov/05	60110191	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
852	Trần Thanh	Thúy	29/Sep/05	60110192	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
853	Bùi Ngọc Minh	Tiến	19/Jul/05	60110193	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
854	Đặng Nguyễn Thanh	Trúc	9/Nov/05	60110194	5.6	5	Duy Tân	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
855	Cao Nguyên	Khang	25/May/05	60110195	42125	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
856	Phạm Trần Khánh	Duy	17/Jun/05	60110196	42125	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
857	Phạm Nguyễn Hoàng	Lan	29/Jul/05	60110197	42125	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
858	Nguyễn Lê Thảo	Vy	10/Nov/05	60110198	42125	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
859	Trần Ngọc Uyên	Phương	9/Sep/05	60110199	42128	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
860	Vũ Ngọc Diễm	Quỳnh	13/Oct/05	60110200	42128	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 06	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
861	Thòng Quốc	Tiến	17/Nov/05	60110201	42128	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
862	Phan Xuân Tấn	Lộc	19/Apr/05	60110202	42129	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
863	Đặng Minh	Trọng	3/Jul/05	60110203	42130	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
864	Lê Thành	Danh	1/Nov/05	60110204	42130	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
865	Nguyễn Hoàng Ánh	Dương	11/Jan/05	60110205	42131	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
866	Thân Đỗ Thúy	Vy	13/Oct/05	60110206	42131	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
867	Trần Hoàng Anh	Tuấn	21/Dec/04	60110207	42132	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
868	Nguyễn Đức	Chính	1/May/05	60110208	42132	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
869	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	6/Jun/05	60110209	42132	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
870	Nguyễn Đăng	Khoa	18/Dec/05	60110210	42132	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
871	Kiều Tấn	Thịnh	17/May/05	60110211	42133	5	Hồ Văn Cường	Quận Tân Phú	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
872	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	16-10-2007	60110212	3.1	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
873	Võ Thành	Đạt	23-11-2007	60110213	3.1	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
874	Tô Ngọc An	Nhiên	28-11-2007	60110214	3.1	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
875	Phan Thành	Nhân	08-01-2007	60110215	3.2	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
876	Bùi Huỳnh	Kiên	30-11-2007	60110216	3.3	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
877	Trương Xuân	Lộc	09-02-2007	60110217	3.3	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
878	Huỳnh Kim	Mai	04-05-2007	60110218	3.3	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
879	Huỳnh Diệp	Lam	17-12-2007	60110219	3.4	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
880	Nguyễn Thị Bích	Loan	21-09-2007	60110220	3.4	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
881	Trần Nguyễn Minh	Thư	01-09-2007	60110221	3.4	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
882	Nguyễn Thanh	Phong	01-04-2007	60110222	3.5	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
883	Tăng Thủy	Tiên	30-05-2007	60110223	3.5	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
884	Trần Ngọc Thảo	Vy	31-07-2007	60110224	3.6	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
885	Hồ Thảo	Vy	21/Aug/07	60110225	3.6	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 07	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
886	Nguyễn Trần Yến	Chi	30/Oct/07	60110226	3.6	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
887	Lê Hương	Trình	6/Feb/07	60110227	3.6	3	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
888	Phương Gia	Hân	11-02-2006	60110228	4.1	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
889	Hoàng Phạm Ánh	Ngọc	25-05-2006	60110229	4.1	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
890	Võ Trọng	Nhân	11-06-2006	60110230	4.1	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
891	Đặng Nguyễn Hoàng	Anh	26/Jun/06	60110231	4.2	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
892	Đỗ Huy Hoàng	Phúc	30/Jul/06	60110232	4.2	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
893	Bùi Minh	Tấn	19/Nov/06	60110233	4.2	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
894	Vũ Trà	My	8/Oct/06	60110234	4.3	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
895	Nguyễn Hoàng Trúc	Thi	30/Aug/06	60110235	4.3	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
896	Du Nguyễn Khánh	Vy	7/Jan/06	60110236	4.3	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
897	Nguyễn Trường	Thịnh	3/Aug/06	60110237	4.4	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
898	Nguyễn Hoàng	Yến	13/Feb/06	60110238	4.4	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
899	Trần Khánh	Nhân	4/Oct/06	60110239	4.5	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
900	Nguyễn Hồng	Nhung	11-Apr-06	60110240	4.5	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
901	Phạm Trần Phúc	Tiên	5-May-06	60110241	4.5	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
902	Võ Đỗ Yến	Nhi	9-Nov-06	60110242	4.5	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
903	Nguyễn Hoàng	Đại	6-Apr-06	60110243	4.6	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
904	Lê Hiếu	Nhân	30-Nov-06	60110244	4.6	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
905	Trần Hà Minh	Thư	1-Jan-06	60110245	4.6	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
906	Võ Nguyễn Thanh	Vũ	13-Jun-06	60110246	4.6	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
907	Hồ Thanh	Ngân	19-Jul-06	60110247	4.6	4	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
908	Nguyễn Ngọc	Huy	29-Jun-05	60110248	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
909	Trần Lam	Ngọc	17-Aug-05	60110249	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
910	Lê Ngọc Quỳnh	Như	9-Dec-05	60110250	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 08	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
911	Từ Thị Yến	Nhung	5-Jan-05	60110251	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
912	Lê Nguyễn Thùy	Trang	20-Dec-05	60110252	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
913	Nguyễn Thành	Vinh	24-May-05	60110253	5.1	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
914	Trần Thị Nhật	Anh	4-Feb-05	60110254	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
915	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	26-Dec-05	60110255	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
916	Nguyễn Võ Lệ	Hằng	22-Jan-05	60110256	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
917	Nguyễn Hoàng	Khiêm	15-Oct-05	60110257	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
918	Lê Thị Trúc	Linh	14-Mar-05	60110258	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
919	Nguyễn Lê Ngọc	Linh	8-Jul-05	60110259	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
920	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	24-Feb-05	60110260	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
921	Huỳnh Nguyễn Như	Phúc	10-Nov-05	60110261	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
922	Đoàn Thu	Trang	18-Sep-05	60110262	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
923	Nguyễn Huyền	Trang	3-Mar-05	60110263	5.2	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
924	Nguyễn Tuấn	An	20-Nov-05	60110264	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
925	Hồ Ngọc Mai	Khanh	8-Oct-05	60110265	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
926	Trần Ngọc Yến	Linh	5-Jul-05	60110266	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
927	Nguyễn Trúc	Linh	12-Sep-05	60110267	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
928	Trần Phương	Nghi	12-Aug-05	60110268	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
929	Lý Diệc	Phi	19-Jan-05	60110269	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
930	Đặng Hùng	Phúc	8-Mar-05	60110270	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
931	Trần Nguyễn Hoàng	Thơ	21-Jun-05	60110271	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
932	Phạm Ánh	Thư	1-Aug-05	60110272	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
933	Võ Đặng Vũ	Trọng	30-Oct-05	60110273	5.3	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
934	Nguyễn Anh	Đào	19-Oct-05	60110274	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
935	Huỳnh Trọng	Hiếu	11-Nov-05	60110275	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 09	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
936	Nguyễn Trúc	Linh	20-Nov-05	60110276	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
937	Nguyễn Châu Bảo	Nhi	16-Feb-05	60110277	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
938	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	3-Jan-05	60110278	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
939	Trần Cẩm	Tú	6-Feb-05	60110279	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
940	Trần Thị Bích	Xuân	15-Dec-05	60110280	5.4	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
941	Võ Thị Thùy	Dương	1-Dec-05	60110281	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
942	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	28-Oct-05	60110282	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
943	Trần Ngọc Quỳnh	Hương	5-Jan-05	60110283	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
944	Lê Thị Minh	Nguyệt	4-Jul-05	60110284	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
945	Tô Ngọc Gia	Quỳnh	29-Jul-05	60110285	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
946	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	8-May-05	60110286	5.5	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
947	Trương Phan Bảo	Hân	9-May-05	60110287	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
948	Hồ Quang	Huy	13-Aug-05	60110288	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
949	Nguyễn Thị Kim	Ngân	26-Nov-05	60110289	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
950	Bùi Hạnh	Nguyên	8-Mar-05	60110290	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
951	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Nhi	23-May-05	60110291	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
952	Bùi Anh	Thư	22-Feb-05	60110292	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
953	Đào Tường	Vy	27-Sep-05	60110293	5.6	5	Hòa Phú	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
954	Đậu Hoàng	Anh	1/Sep/07	60110294	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
955	Đặng Lê Gia	Bảo	26/May/07	60110295	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
956	Vô Nguyễn Mỹ	Duyên	30/Jun/07	60110296	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
957	Trương Nguyễn Khánh	Đan	31/Jan/07	60110297	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
958	Lê Hoàng Việt	Hà	24/Mar/07	60110298	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
959	Trần Thị Ngọc	Hân	28/Jun/07	60110299	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
960	Trương Gia	Hân	15/Feb/07	60110300	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 10	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
961	Nguyễn Khánh Tường	Linh	22/Dec/07	60110301	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
962	Nguyễn Kim	Ngân	23/Apr/07	60110302	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
963	Lê Hoàng Thanh	Ngân	24/May/07	60110303	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
964	Lê Khánh	Nhi	31/May/07	60110304	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
965	Lê Thị Quỳnh	Như	3/May/07	60110305	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
966	Trần Gia	Phong	29/Aug/07	60110306	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
967	Trần Đình Thiên	Phúc	14/Aug/07	60110307	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
968	Lê Võ Hồng	Phúc	3/Feb/07	60110308	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
969	Nguyễn Thị Cát	Tiên	15/Sep/07	60110309	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
970	Nguyễn Lê Thúy	Vy	23/Feb/07	60110310	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
971	Phan Thảo	Vy	4/Apr/07	60110311	3.1	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
972	Nguyễn Nhật	Lam	9/Dec/07	60110312	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
973	Nguyễn Hoàng Phương	Nghi	14/Aug/07	60110313	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
974	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	29/Nov/07	60110314	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
975	Trần Thanh	Ngọc	14/Jul/07	60110315	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
976	Vô Thụy Thảo	Nguyên	11/Jul/07	60110316	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
977	Huỳnh Ngọc Lan	Phương	2/Jul/07	60110317	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
978	Trần Thị Gia	Quỳnh	7/Oct/07	60110318	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
979	Lê Hồng Phước	Sang	26/Mar/07	60110319	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
980	Lê Bảo	Trân	12/Mar/07	60110320	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
981	Ngô Bảo	Trân	11/Aug/07	60110321	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
982	Phạm Yến	Trần	5/May/07	60110322	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
983	Phạm Thị Thu	Vân	31/Jan/07	60110323	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
984	Nguyễn Dương Yến	Vy	2/Aug/07	60110324	3.2	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
985	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	27/Oct/07	60110325	3.3	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 11	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
986	Trần Huỳnh Trung	Phú	23/May/07	60110326	3.3	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
987	Phan Nguyễn Cát	Tường	15/Jan/07	60110327	3.3	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
988	Phạm Nguyễn Quốc	Dũng	29/Mar/07	60110328	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
989	Nguyễn Phạm Thuỳ	Dương	4/Dec/07	60110329	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
990	Huỳnh Đăng	Khoa	7/Sep/07	60110330	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
991	Trần Nguyễn Hoàng	Kim	26/Apr/07	60110331	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
992	Phạm Đình	Linh	22/Jan/07	60110332	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
993	Lê Huỳnh Bảo	Ngân	1/Apr/07	60110333	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
994	Phan Đặng Kiều	Oanh	24/Jan/07	60110334	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
995	Lê Đình Minh	Triết	21/Nov/07	60110335	3.4	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
996	Phan Lê Phi	Lam	4/Jan/07	60110336	3.5	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
997	Vương Vũ Quỳnh	Như	23/Apr/07	60110337	3.5	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
998	Đặng Đức Bảo	Quyên	29/Jun/07	60110338	3.5	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
999	Hà Thị Minh	Tâm	16/Apr/07	60110339	3.5	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1000	Nguyễn Tuấn	Khang	18/Apr/07	60110340	3.6	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1001	Huỳnh Phương	Nghi	3/Nov/07	60110341	3.6	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1002	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	2/May/07	60110342	3.6	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1003	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Trúc	255-10-2007	60110343	3.6	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1004	Lê Việt	Anh	3/Apr/07	60110344	3.7	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1005	Nguyễn Phan Hoàng	Châu	2/Jun/07	60110345	3.7	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1006	Phan Trần Nhật	Duy	24/May/07	60110346	3.7	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1007	Nguyễn Thanh	Long	5/Jun/07	60110347	3.7	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1008	Trần Ngọc Phương	Vy	8/Oct/07	60110348	3.7	3	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1009	Trần Đoàn Công	Danh	25/Jan/06	60110349	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1010	Lê Thị Thùy	Dương	19/Sep/06	60110350	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 12	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1011	Trần Thị	Hương	16/Sep/06	60110351	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1012	Nguyễn Nhật	Minh	23/Dec/06	60110352	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1013	Nguyễn Thảo	Nghi	1/Sep/06	60110353	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1014	Đặng Bảo	Ngọc	4/Aug/06	60110354	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1015	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	28/Mar/06	60110355	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1016	Lê Ý	Nhi	24/Aug/06	60110356	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1017	Nguyễn Đặng Gia	Phúc	28/Jun/06	60110357	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1018	Nguyễn Phan Thảo	Quyên	30/Dec/06	60110358	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1019	Nguyễn Ngọc Lam	Quỳnh	8/Jul/06	60110359	4.1	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1020	Nguyễn Hoàng	Bách	20/Dec/06	60110360	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1021	Đinh Duy Tiến	Đạt	28/Jun/06	60110361	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1022	Nguyễn Tuấn	Kiệt	16/Nov/06	60110362	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1023	Lê Thị Kiều	My	25/Apr/06	60110363	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1024	Đặng Lê Đức	Trọng	21/Feb/06	60110364	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1025	Châu Trần Minh	Tú	1/Nov/06	60110365	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1026	Lâm Thị Ngọc	Tuyền	22/Nov/06	60110366	4.2	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1027	Trịnh Phương	Dung	8/Nov/06	60110367	4.3	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1028	Lê Hoài	Thương	12/Nov/06	60110368	4.3	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1029	Vô Nguyễn Huyền	Trân	16/Jun/06	60110369	4.3	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1030	Phan Gia	Bảo	11/Feb/06	60110370	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1031	Phan Gia	Bảo	2/Nov/06	60110371	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1032	Trần Ngọc	Hân	10/Jan/06	60110372	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1033	Lê Trần Hoàng	Huy	17/Oct/06	60110373	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1034	Tạ Võ Đăng	Khoa	18/Oct/06	60110374	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1035	Lê Anh	Kiệt	23/Feb/06	60110375	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 13	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1036	Phạm Hiếu	Ngọc	17/Nov/06	60110376	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1037	Nguyễn Thiện	Nhân	21/Aug/06	60110377	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1038	Lê Nguyễn Phương	Nhi	24/Oct/06	60110378	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1039	Lê Thị Anh	Thư	9/Feb/06	60110379	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1040	Nguyễn Quốc	Việt	6/Aug/06	60110380	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1041	Nguyễn Thị Tường	Vy	3/Jan/06	60110381	4.4	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1042	Châu Phúc	Khang	18/Mar/06	60110382	4.5	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1043	Trang Bảo	Phúc	21/Sep/06	60110383	4.5	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1044	Đỗ Hoàng	Uyên	14/Mar/06	60110384	4.5	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1045	Triệu Tấn	Khoa	21/May/06	60110385	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1046	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	14/Jun/06	60110386	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1047	Trần Thiên	Ngân	4/Jul/06	60110387	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1048	Trần Thị Kim	Ngân	12/Sep/06	60110388	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1049	Nguyễn Mỹ Kim	Ngọc	15/Mar/06	60110389	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1050	Trương Ái	Nhi	27/Sep/06	60110390	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1051	Nguyễn Gia	Như	21/Jul/06	60110391	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1052	Đinh Hoàng Như	Phúc	24/May/06	60110392	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1053	Cao Minh	Quân	5/Apr/06	60110393	4.6	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1054	Nguyễn Hoàng	Châu	29/Aug/06	60110394	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1055	Đỗ Thành	Đạt	20/May/06	60110395	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1056	Nguyễn Anh	Đồng	3/Apr/06	60110396	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1057	Đặng Ngọc	Điệp	23/Mar/06	60110397	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1058	Lã Nguyễn Quỳnh	Hương	1/Sep/06	60110398	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1059	Trần Mai	Hương	13/Jan/06	60110399	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1060	Nguyễn Phạm Trúc	Lam	25/Mar/06	60110400	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 14	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1061	Lê Quỳnh	Ngân	11/May/06	60110401	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1062	Hồ Bích	Ngọc	26/Jul/06	60110402	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1063	Nguyễn Ngọc	Nhi	8/Nov/06	60110403	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1064	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	8/Oct/06	60110404	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1065	Tô Thanh	Phúc	1/Jul/06	60110405	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1066	Trần Lâm Quốc	Thái	28/Feb/06	60110406	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1067	Nguyễn Hồ Thanh	Tú	2/Dec/06	60110407	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1068	Nguyễn Hoàng	Việt	25/Oct/06	60110408	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1069	Nguyễn Trần Như	Ý	10/Jun/06	60110409	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1070	Trần Hải	Yến	18/May/06	60110410	4.7	4	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1071	Trần Huỳnh Lan	Anh	9/Oct/05	60110411	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1072	Trần Huỳnh Phương	Anh	9/Oct/05	60110412	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1073	Vương Vũ Quỳnh	Lê	18/Feb/05	60110413	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1074	Trương Trần Uyên	My	4/Jan/05	60110414	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1075	Vô Kiều	Ngân	19/Sep/05	60110415	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1076	Đỗ Lê Gia	Nghi	19/Aug/05	60110416	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1077	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	9/Mar/05	60110417	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1078	Đặng Lê Quế	Trân	12/May/05	60110418	5.1	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1079	Phạm Thị Hải	Bình	13/Sep/05	60110419	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1080	Trần Lê Phúc	Đạt	17/Mar/05	60110420	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1081	Đỗ Thanh	Hải	14/Jan/05	60110421	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1082	Lê Tư Huy	Hoàng	4/Feb/05	60110422	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1083	Trần Quang	Minh	22/Mar/05	60110423	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1084	Nguyễn Thy	Ngân	18/Jun/05	60110424	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1085	Nguyễn Phan Bảo	Trân	28/Aug/05	60110425	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 15	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1086	Phan Thị Minh	Vân	29/Oct/05	60110426	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1087	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	17/Feb/05	60110427	5.2	5	Thị Trấn Củ Chi	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1088	Trần Lê Thùy	Dung	18/Aug/05	60110428	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1089	Lê Thúy	Nga	9/Jun/05	60110429	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1090	Nguyễn Ngọc	Lợi	29/Sep/05	60110430	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1091	Nguyễn Minh	Hiếu	30/Apr/05	60110431	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1092	Nguyễn Bảo Duy	Anh	5/Jun/05	60110432	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1093	Phạm Ngọc	Xuân	20/Jan/02	60110433	5.2	5	Trung An	Huyện Củ Chi	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1094	Hồ Ngọc Huyềnh	Tiên	28/Oct/05	60110434	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1095	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	20/Jul/05	60110435	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1096	Lê Thanh	Vân	28/May/05	60110436	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1097	Phạm Ngọc Huyềnh	Như	30/Jan/05	60110437	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1098	Trần Trí	Quốc	3/May/05	60110438	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1099	Nguyễn Lê Bảo	Chiêu	4/Jan/05	60110439	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1100	Tô Kỳ	Anh	6/Oct/05	60110440	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1101	Hà Huy	Bằng	13/Aug/05	60110441	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1102	Huỳnh Ngọc	Hoa	18/Jan/05	60110442	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1103	Đỗ Phương	Nam	26/Dec/04	60110443	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1104	Tô Thanh	Giang	9/Dec/05	60110444	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1105	Nguyễn Huỳnh Anh	Khương	21/Apr/05	60110445	5E	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1106	Nguyễn Thu	Thủy	9/Dec/05	60110446	5E	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1107	Dương Gia	Nghi	20/Jan/05	60110447	5C	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1108	Phạm Trung	Nguyên	3/Feb/05	60110448	5C	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1109	Đỗ Nhật	Lam	18/Jul/05	60110449	5C	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1110	Nguyễn Thị Hải	Yến	24/May/05	60110450	5D	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 16	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1111	Lê Công Hồng	Phi	15/Jun/05	60110451	5D	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1112	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21/Sep/05	60110452	5D	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1113	Hồ Phạm Phương	Thảo	30/Sep/05	60110453	5D	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1114	Lê Nguyên Yển	Phượng	15/Jan/05	60110454	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1115	Vô Thế Thanh	Giang	31/Jan/05	60110455	5D	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1116	Lê Anh	Tuấn	4/Sep/05	60110456	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1117	Phạm Ngọc Thảo	Vy	24/Nov/05	60110457	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1118	Trần Huỳnh Ngọc	Anh	10/Aug/05	60110458	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1119	Đương Phương	Hiền	20/Oct/05	60110459	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1120	Nguyễn Châu Kiều	Duyên	15/Oct/05	60110460	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1121	Đào Nguyễn Gia	Hân	21/Oct/05	60110461	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1122	Nguyễn Anh	Vũ	14/Feb/05	60110462	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1123	Lưu Quốc	Tòan	13/Jul/05	60110463	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1124	Hồ Nguyễn Hồng	phúc	24/Aug/05	60110464	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1125	Bùi Nguyễn Phương	Anh	25/Nov/05	60110465	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1126	Phạm Bảo	Ngọc	23/Aug/05	60110466	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1127	Lê Nguyễn Mỹ	Tâm	9/Dec/05	60110467	5B	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1128	Đặng Nguyễn Hoàng	Mai	9/Apr/05	60110468	5A	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1129	Nguyễn Hoàng	Phúc	5/Dec/05	60110469	5E	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1130	Đỗ Phan Tuyết	Hoa	30/Mar/05	60110470	5E	5	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1131	Hà Lê Diệp	Quỳnh	13/Feb/06	60110471	4A	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1132	Phạm Nguyễn Hồng	Ngọc	19/Jun/06	60110472	4B	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1133	Phạm Nguyễn Lan	Hương	24/Jun/06	60110473	4B	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1134	Nguyễn Ngọc Kim	Anh	5/Jan/06	60110474	4B	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1135	Phan Minh	Thiện	30/Aug/06	60110475	4C	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 17	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1136	Lưu Dạ Gia	Khôi	26/Oct/06	60110476	4C	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1137	Nguyễn Trần	Williams	25/Nov/06	60110477	4C	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1138	Trần Duy	Phúc	26/Feb/06	60110478	4C	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1139	Lý Linh	Lan	27/Oct/06	60110479	4C	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1140	Trần Nguyễn Nhã	My	27/Feb/06	60110480	4D	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1141	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	20/Mar/06	60110481	4E	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1142	Cáp Phạm Thiên	Hương	29/Dec/06	60110482	4E	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1143	Đào Nhật	Minh	21/May/06	60110483	4E	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1144	Nguyễn Trần Thanh	Ngọc	21/Mar/06	60110484	4E	4	Bùi Văn Ngữ	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1145	Trần Thị Trà	My	9/Jan/05	60110485	5E	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1146	Đào Nguyên	Vi	28/Oct/05	60110486	5E	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1147	Nguyễn Kim	Bảo	6/Jul/05	60110487	5D	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1148	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên	26/Jan/05	60110488	5C	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1149	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	19/Nov/05	60110489	5C	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1150	Đinh Phạm Ngọc	Hà	22/Aug/05	60110490	5A	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1151	Lê Triệu Quốc	Huân	30/Jun/05	60110491	5A	5	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1152	Trần Phi	Long	20/Jul/06	60110492	4A	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1153	Nguyễn Tấn	Nhật	15/May/06	60110493	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1154	Nguyễn Anh	Như	23/Mar/06	60110494	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1155	Lưu Thị Yến	Nhi	25/Mar/06	60110495	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1156	Nguyễn Thị Thảo	Vy	6/Jul/06	60110496	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1157	Phan Ngô Bảo	Ngọc	29/Aug/06	60110497	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1158	Nguyễn Ngọc Hồng	Phúc	9/Nov/06	60110498	4B	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1159	Nguyễn Ngọc Ý	Vi	7/Dec/06	60110499	4C	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1160	Mai Tâm	Khánh	4/Feb/06	60110500	4C	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 18	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1161	Đoàn Mỹ	Linh	7/Mar/06	60110501	4C	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1162	Nguyễn Trần Phương	Lam	20/Oct/06	60110502	4C	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1163	Phạm Hoàng	Phúc	28/Mar/06	60110503	4C	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1164	Nguyễn Tú	Anh	10/Mar/06	60110504	4D	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1165	Đỗ Thị Khánh	Linh	23/Oct/06	60110505	4D	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1166	Lê Văn	Ly	1/Mar/06	60110506	4D	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1167	Phạm Nhật Phương	Anh	16/Dec/06	60110507	4D	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1168	Phạm Quốc	Hoa	19/Nov/06	60110508	4E	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1169	Nguyễn Mai	Thảo	17/May/06	60110509	4E	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1170	Bùi Trần Khánh	Linh	23/Aug/06	60110510	4E	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1171	Lê Thanh	Bằng	30/May/06	60110511	4E	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1172	Trần Thị Hồng	Thắm	28/Aug/06	60110512	4E	4	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1173	Lương Phạm Gia	Hân	29/Jul/07	60110513	3C	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1174	Nguyễn Huỳnh Đức	Trọng	23/Mar/07	60110514	3A	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1175	Phạm Trọng	Nghĩa	28/Jul/07	60110515	3A	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1176	Tô Thành	Tài	11/Jul/07	60110516	3A	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1177	Đoàn Hà	Vy	22/Feb/07	60110517	3D	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1178	Mai Đức	Tú	1/Apr/07	60110518	3G	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1179	Trần Quang	Trí	5/Sep/07	60110519	3G	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1180	Biện Ngọc	An	27/Jul/07	60110520	3G	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1181	Hoàng Thị Mai	Dung	27/Jul/07	60110521	3G	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1182	Trần Thị Lan	Anh	27/Oct/07	60110522	3H	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1183	Nguyễn Trịnh Minh	Duy	28/Oct/07	60110523	3H	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1184	Nguyễn Văn	Phú	8/Feb/07	60110524	3E	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1185	Nguyễn Duy	Thiện	14/Jul/07	60110525	3M	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 19	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1186	Trần Như	Phúc	18/Aug/07	60110526	3M	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1187	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	15/Jul/07	60110527	3I	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1188	Nguyễn Dương Thụy Ánh	Ngọc	27/Nov/07	60110528	3N	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1189	Trần Văn	Hoàn	17/Aug/07	60110529	3N	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1190	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	9/Oct/07	60110530	3K	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1191	Đỗ Thị Ngọc	Mai	19/Dec/07	60110531	3K	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1192	Phạm Thị	Xuân	18/Feb/07	60110532	3L	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1193	Nguyễn Nhật	Trường	6/Oct/07	60110533	3L	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1194	Dương Việt	Phong	6/Apr/07	60110534	3M	3	Trần Văn Danh	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1195	Huỳnh Thị Ngọc Anh	Thư	8/Nov/04	60110535	5E	5	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1196	Trần	Lyna	28/Aug/04	60110536	5A	5	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1197	Vô Thị Cẩm	Tú	2/Apr/06	60110537	4A	4	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1198	Trần Vũ Thanh	Ngà	5/Oct/06	60110538	4A	4	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1199	Nguyễn Hoàng Phúc	Vinh	8-8--2006	60110539	4A	4	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1200	Nguyễn Hoàng Đức	Anh	6/May/06	60110540	4E	4	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1201	Đặng Trương Gia	Bảo	20/Sep/06	60110541	4E	4	Trần Văn Mười	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1202	Nguyễn Chí	Đạt	24/Oct/06	60110542	4E	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1203	Lương Ngọc	Ánh	10/Sep/06	60110543	4E	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1204	Lại Thành	Giang	31/Mar/06	60110544	4E	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1205	Đặng Đình	Khang	9/Feb/06	60110545	4E	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1206	Nguyễn Tấn Lê	Huy	28/May/06	60110546	4A	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1207	Huỳnh Lê Phúc	Huy	8/Sep/06	60110547	4D	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1208	Huỳnh Lê Phúc	Hậu	25/Apr/05	60110548	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1209	Phạm Tiến	Thành	12/Jan/06	60110549	4B	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1210	Nguyễn Hiếu	Hiền	27/Sep/06	60110550	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 20	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1211	Lê Thị Ngọc	Châu	23/Dec/06	60110551	4G	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1212	Nguyễn Trần Phi	Phụng	27/Sep/06	60110552	4G	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1213	Mai Thị Minh	Thư	12/Sep/06	60110553	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1214	Nguyễn Thị Thu	Hồng	24/Apr/06	60110554	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1215	Phạm Minh	Tiến	3/Sep/06	60110555	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1216	Đinh Hoàng	Phú	6/Mar/06	60110556	4B	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1217	Nguyễn Duy	Quang	24/May/05	60110557	4B	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1218	Nguyễn Trần Yến	Nhi	26/Dec/06	60110558	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1219	Trần	InIn	18/Mar/06	60110559	4C	4	Trần Văn Mươi	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1220	Nguyễn Mai Lộc	An	11/May/05	60110560	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1221	Phan Lê Ánh	Dương	12/Mar/05	60110561	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1222	Khuông Hồ Anh	Đức	11/May/05	60110562	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1223	Đặng Thụy Ngọc	Huyền	14/Dec/05	60110563	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1224	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	21/Mar/05	60110564	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1225	Đặng Huỳnh Phương	Nghi	6/Jul/05	60110565	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1226	Lâm Phương Duy	Khôi	12/Mar/05	60110566	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1227	Vũ Trần Văn	Quỳnh	20/Feb/05	60110567	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1228	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	20/Jun/05	60110568	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1229	Võ Đăng	Thịnh	25/Mar/05	60110569	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1230	Nguyễn Phước	Toàn	15/Jan/05	60110570	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1231	Ngô Huỳnh Như	Ý	23/Sep/05	60110571	5A	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1232	Huỳnh Nguyễn Minh	Anh	24/Feb/05	60110572	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1233	Nguyễn Hùng	Dũng	22/Dec/05	60110573	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1234	Phạm Ngọc Nguyên Kim	Hân	22/Jul/05	60110574	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1235	Trần Nam	Khang	3/Sep/05	60110575	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 21	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1236	Trần Minh	Khánh	7/Nov/05	60110576	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1237	Lâm Tuấn	Khải	18/Oct/05	60110577	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1238	Trần Nhật	Quỳnh	14/Oct/05	60110578	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1239	Trần Quỳnh Bảo	My	2/Mar/05	60110579	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1240	Liên Trịnh Kim	Ngân	12/Feb/05	60110580	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1241	Nguyễn Trung	Nghị	19/Jun/05	60110581	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1242	Phạm Ngô Ngọc	Như	4/Apr/05	60110582	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1243	Nguyễn Văn	Thanh	4/Dec/05	60110583	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1244	Nguyễn Nhân	Thiệu	5/May/05	60110584	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1245	Lê Thị Thu	Trang	7/Aug/05	60110585	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Ấu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1246	Lê Quang	Trường	7/Dec/05	60110586	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1247	Hoàng Anh	Tú	5/Feb/05	60110587	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1248	Trương Võ Thùy	Vy	28/Jun/05	60110588	5B	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1249	Vô Gia	An	23/May/05	60110589	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1250	Lê Bảo	Châu	17/Jan/05	60110590	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1251	Hoàng Đức	Pháp	28/Jul/05	60110591	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1252	Nguyễn Thành	Kiên	10/Nov/05	60110592	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1253	Nguyễn Duy	Thái	16/Dec/05	60110593	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1254	Bùi Huỳnh Phương	Anh	3/Jul/05	60110594	5D	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1255	Lê Huỳnh Gia	Bảo	13/Dec/05	60110595	5D	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1256	Đỗ Thanh	Nhân	4/Apr/05	60110596	5D	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1257	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	20/May/05	60110597	5H	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1258	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	7/Aug/05	60110598	5H	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1259	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/Nov/05	60110599	5H	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1260	Nguyễn Văn Bình	An	12/Sep/05	60110600	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 22	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1261	Nguyễn Hoàng Hồng	Anh	7/Sep/05	60110601	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1262	Nguyễn Thu	Hà	11/May/05	60110602	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1263	Bùi Viết	Thành	4/Apr/05	60110603	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1264	Phan Thị Ngọc	Trâm	5/May/05	60110604	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1265	Phạm Ngọc Thanh	Vy	13/Feb/05	60110605	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1266	Trần Ngọc Yến	Vy	11/Aug/05	60110606	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1267	Nguyễn Mộng Phương	Yên	20/Apr/05	60110607	5I	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1268	Nguyễn Quỳnh	Anh	19/Feb/06	60110608	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1269	Nguyễn Hoàng Nhật	Hoa	30/Oct/06	60110609	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1270	Trần Thị Khánh	Linh	30/Jun/06	60110610	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1271	Hồ Phạm Nhật	Minh	12/Apr/06	60110611	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1272	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	11/Feb/06	60110612	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1273	Lâm Bảo	Như	2/Aug/06	60110613	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1274	Huỳnh Nhật Phương	Nghi	29/May/06	60110614	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1275	Trần Phương	Nghi	18/May/06	60110615	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1276	Nguyễn	Quang	9/Aug/06	60110616	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1277	Đoàn Minh	Thư	16/Dec/06	60110617	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1278	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	21/Jan/06	60110618	4A	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1279	Nguyễn Trung Quốc	Anh	17/Sep/06	60110619	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1280	Lý Huỳnh Gia	Bảo	7/Apr/06	60110620	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1281	Nguyễn Tuấn	Đạt	30/Jul/06	60110621	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1282	Trần Tuấn	Đạt	13/May/06	60110622	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1283	Đỗ Tuấn Đăng	Khoa	23/Mar/06	60110623	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1284	Nguyễn Khánh	Ngọc	8/Aug/06	60110624	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1285	Đặng Minh	Tú	14/Jun/06	60110625	4B	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 23	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1286	Nguyễn Huỳnh	Luân	19/Jan/06	60110626	4C	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1287	Nguyễn Hoàng	Nhung	22/Sep/06	60110627	4C	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1288	Dương Ý	An	13/Dec/06	60110628	4D	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1289	Nguyễn Minh	Hậu	20/Jun/06	60110629	4D	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1290	Phan Trà	My	12/Apr/06	60110630	4D	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1291	Nguyễn Minh	Quân	31/Oct/06	60110631	4D	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1292	Nguyễn Võ Việt	Toàn	13/Aug/06	60110632	4D	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1293	Phan Kim	Ngân	26/Jan/06	60110633	4E	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1294	Bùi Gia	Bảo	24/Sep/06	60110634	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1295	Phạm Thanh	Hân	11/Feb/06	60110635	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1296	Trương Thành	Long	22/Aug/06	60110636	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1297	Bừu Phan Quỳnh	Như	13/Mar/06	60110637	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1298	Huỳnh Gia	Thịnh	29/Dec/06	60110638	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1299	Hoàng Nữ Hoài	Thương	31/Jul/06	60110639	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1300	Võ Mộng Thanh	Trúc	6/Sep/06	60110640	4G	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1301	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19/Jun/06	60110641	4H	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1302	Nguyễn Việt	Nhật	8/Mar/06	60110642	4H	4	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1303	Tăng Thiên	Bảo	17/Aug/07	60110643	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1304	Nguyễn Công	Duy	23/Apr/07	60110644	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1305	Đinh Gia	Phát	12/Nov/07	60110645	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1306	Lâm Gia Nam	Phương	15/Aug/07	60110646	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1307	Nguyễn Minh	Quân	7/Mar/07	60110647	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1308	Lê Thanh Phương	Linh	23/Nov/07	60110648	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1309	Lâm Xuân	Nghi	16/Sep/07	60110649	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1310	Nguyễn Minh	Thu	2/Nov/07	60110650	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 24	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1311	Trần Đình	Triết	13/Nov/07	60110651	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1312	Đặng Huỳnh Phương	Uyên	4/Apr/07	60110652	3A	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1313	Vưu Huỳnh Gia	An	31/Jan/07	60110653	3B	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1314	Liềng Quang Mỹ	Trần	19/Dec/07	60110654	3B	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1315	Lê Tùng	Bách	8/Mar/07	60110655	3D	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1316	Nguyễn Nhân	Nghĩa	12/Jul/07	60110656	3E	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1317	Nguyễn Huỳnh Minh	Thy	22/Mar/07	60110657	3E	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1318	Nguyễn Tiến	Dũng	3/Aug/07	60110658	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1319	Lê Hồng	Gấm	29/Oct/07	60110659	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1320	Phạm Gia	Khiêm	27/Apr/07	60110660	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1321	Nguyễn Huy Anh	Kiệt	1/Mar/07	60110661	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1322	Trần Thị Thảo	Nguyên	15/Jan/07	60110662	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1323	Lê Vinh	Phúc	9/Jan/07	60110663	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1324	Nguyễn Hà Bảo	Vy	4/Aug/05	60110664	3G	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1325	Nguyễn Hiền	Thục	10/May/05	60110665	5C	5	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1326	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	6/Jul/07	60110666	3B	3	Thới Tam	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1327	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	1/Aug/07	60110667	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1328	Đỗ Long	Quân	19/Nov/07	60110668	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1329	Nguyễn Minh	Châu	20/Apr/07	60110669	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1330	Phan Hương	Giang	6/Jun/07	60110670	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1331	Phùng Ngọc	Phụng	5/Mar/07	60110671	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1332	Phan Trương Doanh	Doanh	30/Apr/07	60110672	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1333	Lý Tuấn	Kiệt	2/May/07	60110673	3A	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1334	Đoàn Huỳnh Hải	Anh	14/Aug/07	60110674	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1335	Trần Bửu Bảo	Ngọc	5/Jul/07	60110675	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 25	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1336	Huỳnh Thiên	Bích	18/Mar/07	60110676	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1337	Lý Ngọc Tố	Trinh	18/Jun/07	60110677	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1338	Bùi Minh	Trung	2/Jan/07	60110678	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1339	Trần Thị Như	Ý	21/Mar/07	60110679	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1340	Phạm Ngọc Hải	Yến	16/Jul/07	60110680	3B	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1341	Trần Ngọc Nhật	Tú	8/Jul/07	60110681	3C	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1342	Trần Khánh	Tường	23/Feb/07	60110682	3C	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1343	Trần Minh	Tâm	2/Dec/07	60110683	3C	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1344	Choi Bo	Bae	6/Feb/07	60110684	3C	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1345	Trần Phạm Ủy	Thương	25/Apr/07	60110685	3D	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1346	Trần Huỳnh Ánh	Dương	10/Apr/07	60110686	3D	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1347	Bùi Ngọc Minh	Thùy	21/May/07	60110687	3H	3	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1348	Phan Nguyễn Minh	Anh	1/Apr/06	60110688	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1349	Đoàn Tuấn	Bảo	12/Mar/06	60110689	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1350	Nguyễn Phan Hoàng	Diễm	6/Oct/06	60110690	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1351	Lưu Gia	Linh	16/Dec/06	60110691	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1352	Đinh Gia	Linh	10/Feb/06	60110692	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1353	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	28/Dec/06	60110693	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1354	Trần Minh	Nhựt	8/Jan/06	60110694	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1355	Nguyễn Thị Thanh	Phương	2/Aug/06	60110695	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1356	Trần Thanh	Toàn	3/Oct/06	60110696	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1357	Nguyễn Hồng	Trúc	9/Mar/06	60110697	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1358	Huỳnh Thị Thanh	Tú	12/Apr/06	60110698	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1359	Nguyễn Di	Văn	19/Jul/06	60110699	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1360	Phan Ngọc Như	Ý	10/Jan/06	60110700	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 26	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1361	Nguyễn Ngọc	Trân	21/Oct/06	60110701	4A	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1362	Đương Thị Lan	Anh	11/Mar/06	60110702	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1363	Lê Nhã	Uyên	24/Mar/06	60110703	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1364	Nguyễn Thành	Nghĩa	3/Mar/06	60110704	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1365	Nguyễn Mai	Vy	20/Jun/06	60110705	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1366	Nguyễn Điềm Bảo	Long	12/Jun/06	60110706	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1367	Trần Ngọc Quỳnh	Như	5/Feb/06	60110707	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1368	Cao Tú	Trinh	26/Mar/06	60110708	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1369	Đặng Hoàng Gia	Bảo	9/Aug/06	60110709	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1370	Lê Phạm Minh	Thu	25/Jun/06	60110710	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1371	Nguyễn Đông	Nghi	14/Aug/06	60110711	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1372	Huỳnh Thạch Lam	Sơn	13/Jan/06	60110712	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1373	Nguyễn Hoàng Như	Phúc	12/May/06	60110713	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1374	Khuu Hoàng	Hiệp	20/Aug/06	60110714	4B	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1375	Nguyễn Phương	Toàn	8/May/06	60110715	4C	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1376	Nguyễn Huỳnh	Giang	1/Oct/06	60110716	4C	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1377	Trần Bảo	Trâm	7/Nov/06	60110717	4C	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1378	Trần Bảo	Ngọc	7/Nov/06	60110718	4C	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1379	Nguyễn Huỳnh Thiên	Phúc	7/Dec/06	60110719	4H	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1380	Vương Ngọc	Thảo	16/Jul/06	60110720	4H	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1381	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	6/Aug/06	60110721	4H	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1382	Lý Giai	Nghi	21/Jan/06	60110722	4I	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1383	Phạm Đình Trung	Hiếu	24/Sep/06	60110723	4I	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1384	Nguyễn Công	Liêm	14/Sep/06	60110724	4I	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1385	Lý Kim	Phụng	10/Feb/06	60110725	4I	4	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 27	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1386	Lương Nguyễn Minh	Trí	8/Mar/05	60110726	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1387	Trần Anh	Duy	20/Jan/05	60110727	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1388	Phan Duy	Bình	14/Feb/05	60110728	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1389	Lê Gia	Hân	7/Sep/05	60110729	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1390	Nguyễn Trường Thịnh	Phát	4/Sep/05	60110730	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1391	Đặng Quốc	Tế	7/Mar/05	60110731	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1392	Trần Lý Nhã	Uyên	27/Feb/05	60110732	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1393	Nguyễn Khắc	Duy	29/Oct/05	60110733	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1394	Vô Trần	Trí	5/Jun/05	60110734	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1395	Phan Thanh	Hòa	28/Jul/05	60110735	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1396	Nguyễn Hải	Đăng	30/Dec/05	60110736	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1397	Huỳnh Gia	Huy	3/Aug/05	60110737	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1398	Nguyễn Thùy	An	17/Sep/05	60110738	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1399	Nguyễn Hữu	Đạt	15/May/05	60110739	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1400	Trịnh Gia	Bảo	23/Feb/05	60110740	5A	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1401	Huỳnh Nguyễn Mộng	Huyền	28/May/05	60110741	5D	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1402	Lý Hiếu	Hân	29/May/05	60110742	5D	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1403	Trương Đào Đông	Phương	27/Jun/05	60110743	5D	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1404	Lê Hoàng	Lê	22/Jun/05	60110744	5D	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1405	Hà Thiên	Di	20/Sep/05	60110745	5D	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1406	Lê Nguyễn Huy	Tuấn	5/Nov/05	60110746	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1407	Nguyễn Lê Phụng	Uyên	10/Jul/05	60110747	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1408	Phan Ngọc Phương	Anh	7/Apr/05	60110748	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1409	Văn Võ Phương	An	1/Dec/05	60110749	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1410	Lê Nhật	Nam	9/Mar/05	60110750	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 28	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1411	Trần Thành	Phát	1/Dec/05	60110751	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1412	Trần Lư Minh	Phúc	2/Apr/05	60110752	5G	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1413	Bùi Thị Thùy	Linh	18/Jan/05	60110753	5H	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1414	Lê Ngọc Kim	Linh	13/Sep/05	60110754	5H	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1415	Huỳnh Lê Thảo	Vy	25/Mar/05	60110755	5H	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1416	Huỳnh Thị Lan	Anh	12/Feb/05	60110756	5H	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1417	Nguyễn Phương	Dung	17/Feb/05	60110757	5I	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1418	Chou Vinh	Kỳ	15/Jan/05	60110758	5I	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1419	Lữ Kiến	Phong	14/Feb/05	60110759	5I	5	Nguyễn An Ninh	Huyện Hóc Môn	Phòng 29	Ca 02	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1420	Lê Minh	Khoa	23/Nov/05	60110760	5.2	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1421	Thái Ngọc Như	Quỳnh	20/Oct/05	60110761	5.2	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1422	Nguyễn Cao Minh	Thư	16/Sep/05	60110762	5.2	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1423	Lê Thị Phương	Uyên	11/Jul/05	60110763	5.2	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1424	Dương Thị Huỳnh	Như	7/Apr/05	60110764	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1425	Lee Kun	Da	7/Sep/05	60110765	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1426	Nguyễn Thiện	Nhân	6/Apr/05	60110766	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1427	Huỳnh Thiên	Kim	8/May/05	60110767	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1428	Nguyễn Anh	Nam	21/Apr/05	60110768	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1429	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8/Feb/05	60110769	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1430	Nguyễn Gia	Hân	10/Apr/05	60110770	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1431	Đinh Ngọc Lan	Anh	3/Apr/05	60110771	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1432	Hà Trung	Toàn	3/Jan/05	60110772	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1433	Nguyễn Thị Ái	Vy	3/Aug/05	60110773	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1434	Hồ Mỹ	Linh	25/Feb/05	60110774	5.1	5	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1435	Nguyễn Phúc Trúc	Linh	14/Nov/06	60110775	4.1	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1436	Nguyễn Thị Kim	Anh	14/Dec/06	60110776	4.2	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1437	Bạch Ngọc Gia	Bảo	14/Aug/06	60110777	4.2	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1438	Nguyễn Minh	Phúc	1/May/06	60110778	4.2	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1439	Trần Quang	Đô	8/Jun/06	60110779	4.3	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1440	Nguyễn Nhật	Duy	10/Jun/06	60110780	4.4	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1441	Mai Đình	Quân	23/Oct/06	60110781	4.4	4	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1442	Tô Gia	Nghi	3/Oct/07	60110782	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1443	Bùi Thị Quỳnh	Anh	22/Nov/07	60110783	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1444	Nguyễn Tuyết	Anh	1/Sep/07	60110784	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 01	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1445	Trần Ngọc Thiên	Kim	20/Apr/07	60110785	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1446	Nguyễn Quốc	Anh	16/May/07	60110786	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1447	Nguyễn Nhật	Trường	22/Sep/07	60110787	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1448	Lâm Nhật	Minh	16/Dec/07	60110788	3.1	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1449	Đoàn Vũ Anh	Đức	7/May/07	60110789	3.2	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1450	Nguyễn Thanh	Tú	8/Sep/07	60110790	3.2	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1451	Trương Khánh	Hà	20/Mar/07	60110791	3.3	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1452	Hoàng Mai	Trâm	3/Jul/07	60110792	3.3	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1453	Mai Thành	Công	30/May/07	60110793	3.3	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1454	Trần Anh	Thi	31/Aug/07	60110794	3.3	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1455	Đặng Mỹ	Dung	30/Mar/07	60110795	3.4	3	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Huyện Hóc Môn	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1456	Nguyễn Đoàn Mai	Khanh	17/Jan/06	60110796	4.4	4	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1457	Trần Hồng	Hải	19/Dec/06	60110797	4.4	4	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1458	Nguyễn Anh	Thy	23/Jan/06	60110798	4.3	4	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1459	Nguyễn Hải	Đạt	19/Sep/07	60110799	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1460	Tạ Hiếu	Đông	3/Mar/07	60110800	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1461	Phan Gia	Hào	21/Sep/07	60110801	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1462	Bùi Xuân	Hiếu	27/Apr/07	60110802	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1463	Nguyễn Phúc Thu	Hương	22/Jan/07	60110803	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1464	Đỗ Minh	Khánh	12/Oct/07	60110804	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1465	Lê Đình	Khôi	3/Jul/07	60110805	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1466	Đinh Thụy Minh	Ngọc	21/Dec/07	60110806	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1467	Huỳnh Ngọc Lan	Phương	28/May/07	60110807	3.4	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1468	Dương Gia	Bảo	29/May/07	60110808	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1469	Nguyễn Khánh	Duy	3/Jul/07	60110809	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 02	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1470	Mai Đan	Khôi	1/Jan/07	60110810	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1471	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/Apr/07	60110811	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1472	Lê Xuân	Phát	7/Dec/07	60110812	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1473	Nguyễn Thị Thanh	Vân	24/Aug/07	60110813	3.3	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1474	Lê Nan	Đo	7/Mar/07	60110814	3.2	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1475	Đỗ Hải	Long	15/Apr/07	60110815	3.2	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1476	Vô Việt	Đăng	29/Jun/05	60110816	3.1	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1477	Từ Nguyễn Nhật	Vy	29/Jun/05	60110817	3.1	3	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1478	Nguyễn Vũ Thiên	An	16/Sep/05	60110818	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1479	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	1/Jan/05	60110819	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1480	Nguyễn Đăng	Huy	9/May/05	60110820	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1481	Khổng Lê	Minh	10/May/05	60110821	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1482	Trần Đình	Khôi	21/Dec/05	60110822	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1483	Tô Hoàng	Khang	22/Sep/05	60110823	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1484	Nguyễn Trần Tâm	Uyên	28/Feb/05	60110824	5.4	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1485	Vô Ngọc Minh	Tú	10/Jul/05	60110825	5.3	5	Trương Định	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1486	Phan Thị Bảo	Ngọc	4-9-2007	60110826	3.1	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1487	Lý Minh	Thy	5/Jun/07	60110827	3.1	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1488	Đỗ Bảo	Duy	29/Mar/07	60110828	3.1	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1489	Nguyễn Ánh Quỳnh	Hoa	5/Nov/07	60110829	3.1	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1490	Lưu Thụy Trà	My	24/Feb/07	60110830	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1491	Nguyễn Duy	Tùng	30/Mar/07	60110831	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1492	Trần Huỳnh Phương	Vy	28/Aug/07	60110832	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1493	Nguyễn Ngọc	Ánh	28/Dec/07	60110833	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1494	Trần Thiên	Bảo	9/Sep/07	60110834	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 03	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1495	Huỳnh Ngọc Bảo	Nhi	28/Apr/07	60110835	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1496	Ngô Nguyên	Khang	6/Nov/07	60110836	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1497	Bùi Gia	Hân	20/Aug/07	60110837	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1498	Phạm Chánh	Hùng	3/May/07	60110838	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1499	Hà Ngọc Lan	Như	22/Sep/07	60110839	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1500	Trần Ngọc Yến	Nhi	25/Mar/07	60110840	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1501	Đỗ Huỳnh Gia	Huy	21/Mar/07	60110841	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1502	Phù Trần Mỹ	Hạnh	13/Apr/07	60110842	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1503	Phạm Đỗ Thanh	Trúc	2/Dec/07	60110843	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1504	Mai Kim	Quỳnh	26/Jul/07	60110844	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1505	Trần Gia	Bảo	28/Jun/07	60110845	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1506	Lê Phan Như	Ý	15/Apr/07	60110846	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1507	Lê Hoàn	Mỹ	9/Apr/07	60110847	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1508	Đỗ Nguyễn Quý	Đan	4/Jan/07	60110848	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1509	Lê Đình Diệu	Anh	15/Aug/07	60110849	3.2	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1510	Nguyễn Ngọc	Điền	5/Jun/07	60110850	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1511	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	22/Aug/07	60110851	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1512	Trịnh Hiếu	Nhân	30/Jun/07	60110852	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1513	Nguyễn Hoàng	Minh	17/Apr/07	60110853	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1514	Nguyễn Nho	Khôi	17/Oct/07	60110854	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1515	Phùng Diễm Hải	Như	2/Feb/07	60110855	3.3	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1516	Phạm Tuấn	Đạt	26/Feb/07	60110856	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1517	Lý Trần	Thái	23/Sep/07	60110857	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1518	Nguyễn Quỳnh	Hoa	18/Jun/07	60110858	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1519	Hoàng Bá	Phúc	28/Dec/07	60110859	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 04	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1520	Nguyễn Ích Anh	Khôi	31/Jul/07	60110860	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1521	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	5/Feb/07	60110861	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1522	Trần Phạm Khánh	Vy	11/Jun/07	60110862	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1523	Trần Lê Nam	Phương	19/Dec/07	60110863	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1524	Nguyễn Phùng Khánh	Ngọc	12/Dec/07	60110864	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1525	Lâm Duy	Kiên	2/May/07	60110865	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1526	Trần Hoàng Uyên	Quân	9/Dec/07	60110866	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1527	Nguyễn Nhật Minh	Khang	13/Oct/07	60110867	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1528	Nguyễn Ngọc Song	Nhi	17/Sep/07	60110868	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1529	Nguyễn Trí	Dũng	11/Nov/07	60110869	3.4	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1530	Ngô Quỳnh	Hương	23/Jan/07	60110870	3.5	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1531	Ngô Khắc	Chí	2/Jan/07	60110871	3.5	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1532	Nguyễn Đức	Khải	23/Mar/07	60110872	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1533	Nguyễn Chi	Mai	17/Aug/07	60110873	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1534	Đương Ngọc Thúy	Vy	3/Oct/07	60110874	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1535	Võ Huỳnh Thiên	Nhi	16/Jul/07	60110875	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1536	Vũ Đại	Cường	1/May/07	60110876	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1537	Vũ Lê Anh	Thư	23/Jun/07	60110877	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1538	Hà Kim Ngọc	Trần	4/May/07	60110878	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1539	Trần Ngọc	Long	9/Nov/07	60110879	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1540	Hoàng Nguyễn Kim	Ngọc	6/Mar/07	60110880	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1541	Nguyễn Võ Thanh	Khuê	17/Jan/07	60110881	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1542	Phạm Hoàng Khánh	Ngọc	30/Mar/07	60110882	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1543	Cao Chí	Nguyễn	10/Nov/07	60110883	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1544	Nguyễn Trọng	Nhân	20/May/07	60110884	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 05	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1545	Phạm Trần Kim	Châu	12/Jan/07	60110885	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1546	Nguyễn Ngọc	Hiền	18/Jan/07	60110886	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1547	Trần Lâm Quỳnh	Nhi	30/May/07	60110887	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1548	Huỳnh Quốc	Bảo	21/Nov/07	60110888	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1549	Huỳnh Quang	Huy	4/Jun/07	60110889	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1550	Nguyễn Anh	Thiện	27/Dec/07	60110890	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1551	Đỗ Hương	Giang	25/May/07	60110891	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1552	Nguyễn Hải	Đăng	27/May/07	60110892	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1553	Nguyễn Duy	Khang	15/Jun/07	60110893	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1554	Trần Tôn Thiên	King	4/Oct/07	60110894	3.6	3	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1555	Nguyễn Nam	Anh	10/Apr/06	60110895	4.1	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1556	Huỳnh Ngọc Nhã	Đan	28/Aug/06	60110896	4.1	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1557	Đỗ Minh	Hiếu	5/Jun/06	60110897	4.1	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1558	Trần Minh	Đức	7/Oct/06	60110898	4.1	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1559	Nguyễn Thị Yến	Nhi	4/May/06	60110899	4.1	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1560	Trần Ngọc Phương	Chi	19/Sep/06	60110900	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1561	Trần Mai	Anh	16/Oct/06	60110901	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1562	Huỳnh An	Gia	31/Jul/06	60110902	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1563	Nguyễn Quỳnh	Châu	15/Jan/06	60110903	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1564	Nguyễn Ngọc Thiên	Tú	5/Apr/06	60110904	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1565	Nguyễn Minh	Thắng	20/Jan/06	60110905	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1566	Nguyễn Đức	Thắng	6/Oct/06	60110906	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1567	Hoàng Gia	Hân	27/Dec/06	60110907	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1568	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/Aug/06	60110908	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1569	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	19/Jun/06	60110909	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 06	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1570	Nguyễn Vô Thảo	Nhi	22/Nov/06	60110910	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1571	Nguyễn Hoàng Thái	Dương	11/Jun/06	60110911	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1572	Phạm Vũ Đức	Quý	16/Dec/06	60110912	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1573	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	2/Dec/06	60110913	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1574	Phùng Quang	Anh	4/Sep/06	60110914	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1575	Hoàng Ngọc Gia	Nghi	10/May/06	60110915	4.2	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1576	Bùi Duy	Vinh	15/Oct/06	60110916	4.3	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1577	Nguyễn Hải	Yến	18/Apr/06	60110917	4.3	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1578	Nguyễn Đình Thanh	Trinh	25/Feb/06	60110918	4.3	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1579	Trần Mai	Thi	12/Jul/06	60110919	4.3	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1580	Nguyễn Quốc Phúc	Điền	8/Aug/06	60110920	4.3	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1581	Trần Trịnh Phương	Uyên	20/Jan/06	60110921	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1582	Phan Thái Hà	Phương	24/Mar/06	60110922	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1583	Đặng Hà Sơn	Nhi	19/Sep/06	60110923	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1584	Đoàn Minh	Anh	5/Aug/06	60110924	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1585	Tôn Châu Bảo	Hân	22/Oct/06	60110925	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1586	Vũ Hoàng Mai	Hân	31/Mar/06	60110926	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1587	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	28/Dec/06	60110927	4.4	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1588	Hà Tuấn	Phong	8/Mar/06	60110928	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1589	Nguyễn Vũ Thái	Sơn	17/Feb/06	60110929	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1590	Nguyễn Thị Bảo	Hân	17/Nov/06	60110930	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1591	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	28/Jan/06	60110931	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1592	Đỗ Thị Mai	Anh	10/Nov/06	60110932	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1593	Ngô Khánh	Nhi	20/Feb/06	60110933	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1594	Huỳnh Chí	Vỹ	21/Jan/06	60110934	4.6	4	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 07	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1595	Phùng Thiên	An	3/Feb/05	60110935	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1596	Hà Anh	Kiệt	11/Jun/05	60110936	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1597	Phạm Duy	Tiến	25/Nov/05	60110937	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1598	Nguyễn Thị Hiền	Mai	15/Apr/05	60110938	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1599	Phan Lê Ngọc	Anh	10/Mar/05	60110939	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1600	Vũ Ngọc Minh	Châu	29/May/05	60110940	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1601	Thạch Thị Thanh	Phương	15/Feb/05	60110941	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1602	Đỗ Nguyễn Đăng	Khoa	23/Oct/05	60110942	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1603	Nguyễn Minh	Hưng	14/Jul/05	60110943	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1604	Phan Nguyễn Phương	Du	6/Jul/05	60110944	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1605	Ngô Gia	Khải	14/Jun/05	60110945	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1606	Trương Nhật	Minh	17/Jun/05	60110946	5.1	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1607	Nguyễn Ngọc Gia	Nghi	20/Dec/05	60110947	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1608	Vũ Anh	Hào	17/Aug/05	60110948	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1609	Tạ Minh	Hoàng	7/Jan/05	60110949	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1610	Lý Trần	Tân	30/Jun/05	60110950	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1611	Nguyễn Trần Thảo	Trang	29/Oct/05	60110951	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1612	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	18/Aug/05	60110952	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1613	Vũ Lê	Khoa	24/Jun/05	60110953	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1614	Đoàn Huỳnh Tấn	Trung	10/Oct/05	60110954	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1615	Nguyễn An	Khiêm	6/May/05	60110955	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1616	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	7/Jun/05	60110956	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1617	Phạm Huỳnh Phương	Nghi	7/Nov/05	60110957	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1618	Nguyễn Ngọc Vân	Khanh	3/Apr/05	60110958	5.2	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1619	Hoàng	Thiện	18/Jun/05	60110959	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 08	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1620	Lê Nguyễn Thiên	Ân	20/Mar/05	60110960	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1621	Nguyễn Hoàng Minh	Nguyên	28/Apr/05	60110961	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1622	Nguyễn Nam	Bảo	4/Jun/05	60110962	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1623	Hồ Ngọc Minh	Thư	24/Nov/05	60110963	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1624	Trần Gia	Huy	22/Jan/05	60110964	5.3	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1625	Nguyễn Đình Giáng	Châu	23/Nov/05	60110965	5.4	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1626	Nguyễn Hữu Quốc	Bảo	12/Jun/05	60110966	5.4	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1627	Lê Đoàn Phương	Loan	19/Oct/05	60110967	5.4	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1628	Nguyễn Khắc	Dụng	20/Apr/05	60110968	5.4	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1629	Phạm Văn	Trường	13/Oct/05	60110969	5.4	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1630	Hoàng Đình	Tiến	2/Nov/05	60110970	5.5	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1631	Lê Tiến	Hưng	30/Jan/05	60110971	5.6	5	Nguyễn Khuyến	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1632	Trương Bảo	Ngọc	29/Jul/05	60110972	5.2	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1633	Vũ Nguyễn Quỳnh	Phương	7/Mar/05	60110973	5.4	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1634	Phan Tất	Thái	17/Apr/05	60110974	5.4	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1635	Phạm Thanh	Hà	23/Mar/05	60110975	5.5	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1636	Nguyễn Thu	Ngân	20/Feb/05	60110976	5.6	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1637	Ngô Trần Thiên	Kim	25/Mar/05	60110977	5.6	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1638	Phan Võ Minh	Anh	2/Mar/05	60110978	5.6	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1639	Nguyễn Ngọc Khôi	Anh	5/Aug/05	60110979	5.6	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1640	Nguyễn Thành	Nhân	26/Aug/05	60110980	5.7	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1641	Dương Công	Đạt	8/Apr/05	60110981	5.7	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1642	Công Minh	Minh	1/Dec/05	60110982	5.7	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1643	Bùi Trần Ngọc	Dung	8/May/05	60110983	5.7	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1644	Vũ Tuyết	Nhi	1/Nov/05	60110984	5.8	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 09	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1645	Đinh Thị Dáng	Ngọc	14/Jul/05	60110985	5.8	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1646	Phạm Thùy	Anh	23/Nov/05	60110986	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1647	Lê Thị Ngọc	Huyền	19/Oct/05	60110987	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1648	Lê Thị Như	Quỳnh	13/Nov/05	60110988	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1649	Ngô Đăng	Khoa	25/Jan/05	60110989	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1650	Dương Yến	Nhi	1/Feb/05	60110990	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1651	Lê Thị Hoàng	Mỹ	1/Jan/05	60110991	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1652	Trần Ngọc Ánh	Phượng	1/Aug/05	60110992	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1653	Bùi Ngọc Bảo	Hân	26/Feb/05	60110993	5.9	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1654	Hoàng Diệu	Linh	13/Jul/05	60110994	5.1	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1655	Trần Thị Diễm	Quỳnh	22/Apr/05	60110995	5.12	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1656	Vũ Ngọc Quỳnh	Hương	6/Nov/05	60110996	5.12	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1657	Nguyễn Bùi Khánh	Ly	18/Jul/05	60110997	5.12	5	Nguyễn Trãi	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1658	Trịnh Lê Trang	Linh	29/Jan/07	60110998	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1659	Trần Nguyễn Trường	Giang	3/Apr/07	60110999	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1660	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	17/Sep/07	60111000	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1661	Hồ Ánh	Ngân	30/Jan/07	60111001	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1662	Ngô Nguyễn Đức	Anh	26/May/07	60111002	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1663	Phạm Thị Kim	Ngân	15/Aug/07	60111003	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1664	Đỗ Hoàng Cát	Tiên	21/Apr/07	60111004	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1665	Đặng Thanh	Huyền	5/Dec/07	60111005	3.1	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1666	Cao Lê	Khiết	22/May/07	60111006	3.2	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1667	Vũ Như	Quỳnh	4/Sep/07	60111007	3.2	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1668	Huỳnh Chấn	Vũ	8/Jul/07	60111008	3.2	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1669	Trần Thị Hà	Mơ	1/May/07	60111009	3.2	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 10	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1670	Hồ Trần Gia	Bảo	30/Apr/07	60111010	3.4	3	Thuận Kiều	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1671	Bùi Võ Phương	Nghi	19/Jun/07	60111011	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1672	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Dũng	11/Jan/07	60111012	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1673	Nguyễn Hoàng	Quân	2/Oct/07	60111013	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1674	Lê Thùy	Dương	4/Dec/07	60111014	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1675	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	11/Sep/07	60111015	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1676	Đỗ Như	Quỳnh	7/Dec/07	60111016	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1677	Bùi Thị Như	Thảo	22/Feb/07	60111017	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1678	Nguyễn Trần Bảo	Uyên	29/May/07	60111018	3.1	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1679	Nguyễn Ngọc Linh	Nhi	22/Jul/07	60111019	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1680	Lâm Võ Quang	Thành	27/Feb/07	60111020	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1681	Phan Nguyễn Phương	Nghi	14/Sep/07	60111021	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1682	Phạm Xuân	Thông	1/Jan/07	60111022	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1683	Lê Đình	An	28/Nov/07	60111023	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1684	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	29/Jul/07	60111024	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1685	Nguyễn Trần Lâm	Anh	14/Feb/07	60111025	3.2	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1686	Võ Nguyễn Minh	Hằng	15/Jun/07	60111026	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1687	Trịnh Mỹ	Uyên	8/Sep/07	60111027	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1688	Nguyễn Thị Vân	Anh	2/Feb/07	60111028	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1689	Trần Vũ Anh	Duy	1/Aug/07	60111029	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1690	Trần Thị Thanh	Thảo	17/Jun/07	60111030	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1691	Bùi Kim	Ngân	10/Apr/07	60111031	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1692	Vô Gia	Hưng	30/Sep/07	60111032	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1693	Nguyễn Thị Thái	Hà	3/Nov/07	60111033	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1694	Vô Nguyễn Kiều	My	20/Jan/07	60111034	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 11	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1695	Lê Thị Mỹ	Duyên	23/Sep/07	60111035	3.4	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1696	Lê Tú Hương	Mai	25/Oct/07	60111036	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1697	Thạch Thị Hồng	My	9/Feb/07	60111037	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1698	Trương Hoàng	Long	6/Dec/07	60111038	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1699	Tống Khánh	Linh	19/Jul/07	60111039	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1700	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	2/May/07	60111040	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1701	Nguyễn Tiến	Thành	8/Nov/07	60111041	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1702	Phạm Đỗ Huy	Hoàng	4/Apr/07	60111042	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1703	Phạm Quốc	Hậu	21/Dec/07	60111043	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1704	Đinh Quang	Tùng	9/Jan/07	60111044	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1705	Trần Quang	Minh	23/Feb/07	60111045	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1706	Trần Việt	Hưng	13/Aug/07	60111046	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1707	Trần Nguyễn Tố	Như	16/Dec/07	60111047	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1708	Phạm Kim	Ngân	20/Apr/07	60111048	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1709	Lê Vinh	Tài	13/Nov/07	60111049	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1710	Khổng Minh	Trang	10/Mar/07	60111050	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1711	Nguyễn Phạm Lê	Vy	28/Oct/07	60111051	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1712	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	1/Jan/07	60111052	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1713	Vô Hoàng	Nguyên	30/Jan/07	60111053	3.3	3	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1714	Lê Quang	Long	14/Oct/06	60111054	4.1	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1715	Nguyễn Tôn	Khoa	18/Nov/06	60111055	4.1	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1716	Vũ Duy	Dũng	14/Feb/06	60111056	4.1	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1717	Đỗ Trung	Thành	4/Feb/06	60111057	4.1	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1718	Phạm Phan Khánh	Nguyên	17/Feb/06	60111058	4.2	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1719	Đinh Duy	Thịnh	18/Jun/06	60111059	4.2	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 12	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1720	Lê Nam	Thắng	13/Mar/06	60111060	4.2	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1721	Vũ Duy	Thức	24/May/06	60111061	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1722	Phạm Hoàng	Nhân	25/Jan/06	60111062	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1723	Trần Kim	Phúc	18/Feb/06	60111063	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1724	Lương Tuấn	Minh	21/Dec/06	60111064	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1725	Thái Nguyễn Kim	Ngân	3/Jan/06	60111065	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1726	Huỳnh Ngọc Thảo	Nguyên	21/Sep/06	60111066	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1727	Phạm Thị Thu	Hương	30/May/06	60111067	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1728	Đỗ Gia	Huy	5/Mar/06	60111068	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1729	Vũ Trần Huy	Hoàng	27/Mar/06	60111069	4.3	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1730	Phạm Xuân Minh	Ngọc	23/Jun/06	60111070	4.4	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1731	Đoàn Văn	Minh	7/Jan/06	60111071	4.4	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1732	Nguyễn Vũ Gia	Hân	7/Sep/06	60111072	4.4	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1733	Mai Hoàng Khánh	Ngân	25/Jul/06	60111073	4.4	4	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1734	Nguyễn Vũ Minh	Anh	20/Apr/05	60111074	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1735	Dường Huỳnh Minh	Thư	14/Aug/05	60111075	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1736	Thi Lý Hữu	Toàn	16/Dec/05	60111076	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1737	Trần Mai	Anh	21/Apr/05	60111077	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1738	Đồng Lê Thiên	Kim	4/Jan/05	60111078	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1739	Nguyễn Minh	Khôi	24/Aug/05	60111079	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1740	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	24/Jul/05	60111080	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1741	Phạm Nguyễn Nhật	Duy	19/Apr/05	60111081	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1742	Phạm Khanh	Vy	18/Feb/05	60111082	5.1	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1743	Nguyễn Thành	Danh	26/Jul/05	60111083	5.2	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1744	Nguyễn Đặng Nam	Phương	7/Dec/05	60111084	5.2	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 13	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1745	Lê Ngọc Bảo	Châu	17/Jul/05	60111085	5.2	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1746	Nguyễn Hoàng	Giang	11/Dec/05	60111086	5.3	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1747	Nguyễn Ngọc	Trường	23/Jun/05	60111087	5.3	5	Nguyễn Thị Đình	Quận 12	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1748	Nguyễn Phan Kim	Ngân	14/Sep/05	60111088	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1749	Lương Ngọc	Tiền	1/Feb/05	60111089	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1750	Nguyễn Ngọc Đào	Nguyên	12/Oct/05	60111090	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1751	Ngô nguyễn Thảo	Nguyên	9/Sep/05	60111091	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1752	Phan bảo	Nghi	25/Jun/05	60111092	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1753	Trương Thanh Phương	Anh	5/Jun/05	60111093	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1754	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	26/Sep/05	60111094	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1755	Vô Hoàng	Duy	3/Nov/05	60111095	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1756	Vũ Hoa	Ban	3/Sep/05	60111096	5.1	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1757	Vô Ngọc Tâm	Anh	14/May/05	60111097	5.2	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1758	Vũ Lý Xuân	Khang	18/Sep/05	60111098	5.2	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1759	Lê Ngọc Bảo	Nghi	30/Sep/05	60111099	5.2	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1760	Nguyễn Ngọc Yến	Quỳnh	22/Jun/05	60111100	5.2	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1761	Hồ Phúc Bảo	Thư	26/May/05	60111101	5.2	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1762	Ngô Thanh	Hà	24/Jan/05	60111102	5.3	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1763	Nguyễn Xuân	Nhi	11/Jul/05	60111103	5.3	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1764	Bùi Bằng	Khương	1/Jan/05	60111104	5.4	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1765	Vô Hoàng Ngọc	Minh	8/Oct/05	60111105	5.4	5	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1766	Nguyễn Quốc	Huy	29/Jun/06	60111106	4.5	4	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1767	Nguyễn Hoàng Trọng	Nghĩa	29/Sep/07	60111107	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1768	Tạ Hoàng Anh	Thư	29/Nov/07	60111108	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1769	Nguyễn Hoàng	An	17/Nov/07	60111109	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 14	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1770	Diệp Thế	Khôi	10/Jul/05	60111110	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1771	Trần Bội	Cơ	19/Nov/05	60111111	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1772	Nguyễn Hà Như	Quỳnh	27/Nov/07	60111112	3.1	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1773	Trần Minh	Nhật	29/May/07	60111113	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1774	Nguyễn Việt	Ngân	26/Mar/07	60111114	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1775	Mạc Dương Quân	Bảo	15/Nov/07	60111115	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1776	Đinh Việt	Thắng	6/Nov/07	60111116	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1777	Đoàn Nguyễn Minh	Quân	22/Mar/07	60111117	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1778	Trần Lê Thiện	Nhân	18/Nov/07	60111118	3.2	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1779	Mã Ngọc	Quốc	9/Aug/07	60111119	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1780	Nguyễn Nguyên	Khôi	6/Apr/07	60111120	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1781	Quách Đình	Thanh	22/Oct/07	60111121	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1782	Vũ Quang	Vinh	17/Sep/07	60111122	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1783	Nguyễn Bảo	Thy	31/Oct/07	60111123	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1784	Ngô Vũ Hà	Anh	7/Feb/07	60111124	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1785	Trương Khánh	Mai	17/Jul/07	60111125	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1786	Vũ Hồng	Thảo	5/Jul/07	60111126	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1787	Nguyễn Phan Tấn	Hưng	1/Apr/07	60111127	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1788	Triệu Ngọc	Phối	16/Apr/07	60111128	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1789	Vô Minh	Duy	11/May/07	60111129	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1790	Nguyễn Trần Hải	Đăng	19/Aug/07	60111130	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1791	Đặng Minh	Châu	14/Feb/07	60111131	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1792	Nguyễn Phước Hồng	Phúc	19/Mar/07	60111132	3.5	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1793	Nguyễn Lê Tuệ	Minh	16/Nov/07	60111133	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1794	Vưu Tấn	Lộc	18/Jan/07	60111134	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 15	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1795	Vô Đăng	Khôi	3/Apr/07	60111135	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location	
1796	Trần	nguyễn Trúc	Linh	9/Jan/07	60111136	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1797	Tổng	Phương	Nhi	22/Apr/07	60111137	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1798	Đoàn	Huyền	Anh	23/May/07	60111138	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1799	Đỗ	Hoàng Phương	Nghi	3/Feb/07	60111139	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1800	Lê	Minh	Triết	6/Dec/07	60111140	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1801	Phạm	Lý Thụy	Anh	12/Dec/07	60111141	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1802	Nguyễn	Hồng Mỹ	Doanh	7/Nov/07	60111142	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1803	Nguyễn	Thanh Bảo	Khang	10/Jan/07	60111143	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1804	Trương	Đàm Thiên	Ý	13/Nov/07	60111144	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1805	Vũ	Nguyễn Kim	Ngọc	20/May/07	60111145	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1806	Nguyễn	Tấn	Dũng	29/Oct/07	60111146	3.6	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1807	Bùi	Vũ	Hoàng	15/Jun/07	60111147	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1808	Hà	Phan	Minh	30/Aug/07	60111148	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1809	Lê	Thanh Đông	Nghi	27/Nov/07	60111149	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1810	Nguyễn	Anh	Duy	20/Mar/07	60111150	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1811	Nguyễn	Lâm Bảo	Khôi	3/Nov/07	60111151	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1812	Nguyễn	Phúc Bảo	Đăng	2/Feb/07	60111152	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1813	Nguyễn	Trung	Tín	17/May/07	60111153	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1814	Phạm	Thúy	Anh	3/Jan/07	60111154	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1815	Phan	Hoàng	Tiến	26/Feb/07	60111155	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1816	Phan	Nguyễn Thành	Nhân	26/Sep/07	60111156	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1817	Trần	Vũ Gia	Khang	18/Jun/07	60111157	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1818	Trương Phan Nhật	Vy	11/Jan/07	60111158	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1819	Vũ Đức	Phát	25/Nov/07	60111159	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 16	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1820	Vũ Hoàng Yến	Nhi	26/Oct/07	60111160	3.7	3	Hạnh Thông	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1821	Vân Ngọc Khả	Hân	30/Mar/07	60111161	3.5	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1822	Phạm Đăng	Khôi	26/Aug/07	60111162	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1823	Lê Hoàng	Mỹ	5/Jan/07	60111163	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1824	Nguyễn Minh	Thành	27/Mar/07	60111164	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1825	Tán Quang	Nguyên	20/May/07	60111165	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1826	Chu Lê Phương	Bảo	23/Nov/07	60111166	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1827	Phạm Huy	Hoàng	6/May/07	60111167	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1828	Ngô Ngọc	Ngân	7/Feb/07	60111168	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1829	Trần Đức	Phương	10/Sep/07	60111169	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1830	Trần Quỳnh	Trang	20/Nov/07	60111170	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1831	Nguyễn Nhật Minh	Khôi	8/Oct/07	60111171	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1832	Trần Thành	Lâm	2/Jan/07	60111172	3.1	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1833	Hoàng Phương	Anh	2/Oct/06	60111173	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1834	Nguyễn Tiến	Cường	12/Sep/06	60111174	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1835	Nguyễn Duy Minh	Quân	28/Jan/06	60111175	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1836	Đồng Ngọc Phương	Quỳnh	5/Sep/06	60111176	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1837	Lê Hoàng Yến	Vân	23/Oct/06	60111177	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1838	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	29/Aug/06	60111178	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1839	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22/Nov/06	60111179	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1840	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	26/Jun/06	60111180	4.1	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1841	Lê Trần Anh	Nguyên	19/Apr/06	60111181	4.1	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1842	Đỗ Thanh	Phương	16/May/06	60111182	4.1	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1843	Phạm Vĩnh	Khang	18/Jan/05	60111183	5.3	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1844	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	25/May/05	60111184	5.3	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 17	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1845	Trần Nguyễn Vũ	Tài	17/Jun/05	60111185	5.3	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1846	Đào Trọng	Cơ	26/Mar/05	60111186	5.3	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1847	Phạm Thành	Đồng	8/Jul/05	60111187	5.3	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1848	Phạm Mai	Nhi	20/Jun/05	60111188	5.4	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1849	Nguyễn Thanh	An	8/Mar/05	60111189	5.4	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1850	Lê Trọng	Khoa	5/Apr/06	60111190	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1851	Võ Hoàng	Việt	29/Jul/05	60111191	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1852	Nguyễn Thị Thanh	Tú	15/Apr/05	60111192	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1853	Nguyễn Gia	Huy	21/Feb/05	60111193	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1854	Nguyễn Hương	Thảo	23/Sep/05	60111194	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1855	Nguyễn Phương	Nhi	20/Nov/05	60111195	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1856	Trần Huy	Bảo	30/Oct/05	60111196	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1857	Trần Diệu	Linh	24/Feb/05	60111197	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1858	Nguyễn Vĩnh	Khang	2/Jun/05	60111198	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1859	Nguyễn Thanh	Hoàng	24/Mar/05	60111199	5.7	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1860	Phan Tiến	Hưng	18/May/05	60111200	5.7	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1861	Nguyễn Hồ Long	Vỹ	1/Mar/05	60111201	5.7	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1862	Võ Khánh	Vy	10/Jan/05	60111202	5.7	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1863	Nguyễn Quốc	Huy	1/Jan/05	60111203	5.5	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1864	Lê Anh Trung	Hiếu	24/Dec/07	60111204	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1865	Trần Bảo	Duy	5/Nov/07	60111205	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1866	Hà Mạnh	Hoàng	20/Dec/07	60111206	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1867	Trần	Kiên	19/Dec/07	60111207	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1868	Nguyễn Thái	Hằng	24/Apr/07	60111208	3.6	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1869	Đương Đỗ Khánh	Ngân	27/Feb/07	60111209	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 18	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1870	Bùi Nhã	Huyền	17/May/07	60111210	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1871	Trương Ngô Gia	Bảo	25/Nov/07	60111211	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1872	Nguyễn Thảo	Minh	8/Jun/07	60111212	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1873	Phạm Hương	Giang	5/Apr/07	60111213	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1874	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tiên	3/Jan/07	60111214	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1875	Lê Hoàng	Quân	20/May/07	60111215	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1876	Hồ khánh	Linh	4/Apr/07	60111216	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1877	Trần Quốc	Bảo	5/Apr/07	60111217	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1878	Lê Quỳnh	Như	7/Jun/07	60111218	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1879	Hồ Nam	Dũng	3/Apr/07	60111219	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1880	Lâm Vinh	Khang	24/Jul/07	60111220	3.9	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1881	Nguyễn Lê Phước	Thinh	7/Oct/07	60111221	3.7	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1882	Nguyễn Hà Ngọc	Hân	7/Apr/07	60111222	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1883	Trần Lê Nguyên	Thảo	22/May/07	60111223	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1884	Nguyễn Đăng	Khoa	18/Feb/07	60111224	3.4	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1885	Nguyễn Nam	Phương	8/Nov/07	60111225	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1886	Trương Ngọc	Anh	21/Jan/07	60111226	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1887	Bùi Nam	Toàn	12/Oct/07	60111227	3.5	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1888	Trần Thanh Thủy	Tiên	8/Jul/07	60111228	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1889	Bùi Ngọc Nam	Phương	13/Feb/07	60111229	3.3	3	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1890	Nguyễn Hương	Giang	25/Oct/06	60111230	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1891	Ngô Khả	Tâm	20/Jul/06	60111231	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1892	Đinh Nguyễn Thu	Trang	13/Jun/06	60111232	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1893	Nguyễn Thanh Như	Ý	29/Sep/06	60111233	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1894	Đoàn Phương	Anh	10/May/06	60111234	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 19	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1895	Đoàn Thái Minh	Ý	6/May/06	60111235	4.7	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1896	Đồng Khánh	Toàn	28/Aug/06	60111236	4.8	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1897	Ngô Uyên	Phương	29/Jan/06	60111237	4.8	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1898	Huỳnh Công	Thuận	13/Oct/06	60111238	4.8	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1899	Lê Hồ Minh	An	21/Feb/06	60111239	4.6	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1900	Nguyễn Thị Minh	Châu	1/Oct/06	60111240	4.6	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1901	Nguyễn Trần Trúc	Doanh	16/Sep/06	60111241	4.6	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1902	Lê Bảo	Ngọc	18/Feb/06	60111242	4.6	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1903	Võ Hồng	Ngọc	25/Mar/06	60111243	4.6	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1904	Nguyễn Huỳnh Bảo	Anh	28/Sep/06	60111244	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1905	Cán Trần Phương	Thảo	7/Nov/06	60111245	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1906	Ngô Gia Phú	Thịnh	4/Apr/06	60111246	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1907	Nguyễn Vũ Tâm	Như	7/May/06	60111247	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1908	Trương Hoàng	Minh	7/Jan/06	60111248	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1909	Mai Thanh	Vy	29/May/06	60111249	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1910	Nguyễn Thùy	Trang	31/Oct/06	60111250	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1911	Nguyễn Phương	Hân	26/Nov/06	60111251	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1912	Nguyễn Phương Thùy	Dung	25/Nov/06	60111252	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1913	Hồ Văn	Phúc	12/Oct/06	60111253	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1914	Lương Nguyễn Phương	Kiều	21/May/06	60111254	4.3	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1915	Hồ Uyển	Minh	18/Nov/06	60111255	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1916	Vô Bùi Thảo	My	16/Jan/06	60111256	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1917	Nguyễn Minh	Anh	24/Jun/06	60111257	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1918	Trần Nguyễn Lan	Phương	7/Oct/06	60111258	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1919	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	15/Sep/06	60111259	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 20	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1920	Hồ Tùng	Lâm	21/Sep/06	60111260	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1921	Trần Nguyễn Anh	Bảo	3/Aug/06	60111261	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1922	Đỗ Thị Yến	Nhi	4/Dec/06	60111262	4.4	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1923	Nguyễn Lưu Khánh	Vy	14/Jan/06	60111263	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1924	Hà Nguyễn Đăng	Khoa	27/Apr/06	60111264	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1925	Nguyễn Hoàng	Thiện	21/May/06	60111265	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1926	Lê Khánh	Ngọc	20/Jul/06	60111266	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1927	Lê Túy	Ngọc	20/Jun/06	60111267	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1928	Phạm Thanh	Thy	12/Mar/06	60111268	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1929	Nguyễn Phan Quỳnh	Hương	3/Jul/06	60111269	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1930	Phan Ngọc Mỹ	Uyên	4/Sep/06	60111270	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1931	Trần Ngọc Tú	Anh	14/Apr/06	60111271	4.5	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1932	Đặng Gia	Bảo	31/May/06	60111272	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1933	Nguyễn Thị Hoài	Nhịn	9/Aug/06	60111273	4.1	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1934	Nguyễn Vũ	Hiếu	25/Aug/06	60111274	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1935	Nguyễn Thị Thùy	Trang	6/Apr/06	60111275	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1936	Trần Hữu	Tiến	16/Mar/06	60111276	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1937	Trương Bá	Thành	8/Mar/06	60111277	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1938	Bùi Đào Thảo	Ly	11/Jul/06	60111278	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1939	Phạm Gia	Linh	21/Feb/06	60111279	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1940	Trương Ngọc Thảo	Nguyên	8/Mar/06	60111280	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1941	Nguyễn Ngọc Bảo	Nguyên	22/Jul/06	60111281	4.2	4	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1942	Đào Ngọc Phương	Anh	26/Mar/05	60111282	5.4	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1943	Nguyễn Thế Bảo	Trân	22/Jul/05	60111283	5.6	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1944	Nguyễn Phan Quỳnh	Anh	20/Jan/05	60111284	5.6	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 21	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1945	Huỳnh Quốc	Hưng	25/Sep/05	60111285	5.6	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1946	Huỳnh Lê Phước	Khanh	28/Mar/05	60111286	5.6	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1947	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	6/Jun/05	60111287	5.6	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1948	Nguyễn Huy	Vũ	30/Jan/05	60111288	5.1	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
1949	Nguyễn Lê Mai	Anh	7/Apr/05	60111289	5.1	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1950	Bá Xuân Tùng	Dương	5/Apr/05	60111290	5.1	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1951	Nguyễn Đăng	Khoa	28/Jul/05	60111291	5.1	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1952	Trương Bá	Phong	5/Dec/05	60111292	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1953	Trần Minh	Khôi	3/Nov/05	60111293	5.2	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1954	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	23/Jan/05	60111294	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1955	Nguyễn Đình	Phong	6/Jun/05	60111295	5.3	5	Lương Thế Vinh	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1956	Huỳnh Lê Ngân	Giang	12/Jan/07	60111296	3.1	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1957	Phạm Thanh Thảo	My	29/Nov/07	60111297	3.1	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1958	Trần Thu	Hiền	7/Jan/07	60111298	3.2	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1959	Trần Ngọc Gia	Bình	22/Apr/07	60111299	3.2	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1960	Lê Trần Phương	Nghi	25/Jul/07	60111300	3.2	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1961	Trần Minh	Hiếu	12/Dec/07	60111301	3.2	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1962	Trần Nguyễn Thuỵ	Khuê	7/Sep/07	60111302	3.2	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1963	Nguyễn Thái Công	Tâm	10/May/07	60111303	3.7	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1964	Phạm Thái Tuệ	Minh	21/Apr/07	60111304	3.8	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1965	Trần Văn	Anh	26/Jan/06	60111305	4.1	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1966	Hoàng Nguyễn Quốc	Thái	27/Apr/06	60111306	4.1	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1967	Lưu Trọng	Phú	27/Dec/06	60111307	4.1	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1968	Đặng Tiểu	Giang	5/Apr/06	60111308	4.1	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1969	Nguyễn Vũ Gia	Khánh	11/Apr/06	60111309	4.2	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 22	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1970	Phạm Mỹ	Anh	19/Aug/06	60111310	4.2	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1971	Nguyễn Đào Nhã	Uyên	31/Oct/06	60111311	4.3	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
1972	Nguyễn Nhật Nam	Phương	30/Aug/06	60111312	4.4	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1973	Phan Lê Quỳnh	Anh	13/May/05	60111313	4.4	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1974	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	17/May/05	60111314	5.1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1975	Mai Nguyễn Thái	Bình	28/May/05	60111315	5.1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1976	Nguyễn Đăng	Đức	7/Apr/05	60111316	5.1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1977	Huỳnh Thanh	Trúc	31/Oct/05	60111317	5.1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1978	Hà Thu	Huyền	30/Aug/05	60111318	5.1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1979	Nguyễn Khánh	Ngọc	27/Apr/05	60111319	5.2	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1980	Đương Nguyễn Quỳnh	Anh	14/Jan/05	60111320	5.3	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1981	Phan Hoàng Gia	Linh	6/May/05	60111321	5.3	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1982	Trịnh Xuân Như	Quỳnh	23/Dec/05	60111322	5.4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1983	Lê Nguyễn Anh	Thư	21/Jul/05	60111323	5.4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1984	Phan Hàn Hoàng	Phúc	15/Mar/05	60111324	5.7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1985	Lê Văn Nam	Phong	10/May/07	60111325	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1986	Nguyễn Hiền	Thảo	4/Jan/07	60111326	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1987	Nguyễn Hà Việt	Anh	5/Jun/07	60111327	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1988	Thủy Ngọc Khánh	Linh	27/Jul/07	60111328	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1989	Nguyễn Thanh	Hằng	8/May/07	60111329	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1990	Thẩm Việt	Hưng	29/Aug/07	60111330	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1991	Lê Phạm Đức	Trung	6/Sep/07	60111331	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1992	Phạm Minh	Đạt	21/Dec/07	60111332	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1993	Nguyễn Lan	Tuyền	21/May/07	60111333	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
1994	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	26/Jun/07	60111334	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 23	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1995	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	26/Jun/07	60111335	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1996	Nguyễn Trung	Kiên	24/Nov/07	60111336	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1997	Ngô Hoàng	Anh	7/Feb/07	60111337	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1998	Nguyễn Tấn	Ninh	5/Sep/07	60111338	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
1999	La Gia	Hân	7/Dec/07	60111339	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2000	Ngô Trần Hoàng	Ân	24/Apr/07	60111340	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2001	Huỳnh Tiến	Phát	2/Oct/07	60111341	3.3	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2002	Huỳnh Gia	An	6/Apr/07	60111342	3.4	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2003	Lê Huỳnh Trâm	Anh	23/Jan/07	60111343	3.4	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2004	Đoàn Ngô Việt	Bách	11/Jun/07	60111344	3.4	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2005	Đinh Phan Ban	Mai	6/Dec/07	60111345	3.4	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2006	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	6/Dec/07	60111346	3.4	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2007	Phan Thành	Danh	6/Aug/07	60111347	3.5	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2008	Tạ Lê Khánh	Huyền	12/Oct/07	60111348	3.5	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2009	Nguyễn Đông	Kha	18/Jul/07	60111349	3.5	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2010	Nghiêm Minh	Tân	17/Jun/07	60111350	3.5	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2011	Lê Trần Bảo	Khang	11/Oct/07	60111351	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2012	Nguyễn Thiện	Nhân	4/Jan/07	60111352	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2013	Nguyễn Thanh	Hà	8/Nov/07	60111353	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2014	Phạm Bảo	Minh	3/Jul/07	60111354	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2015	Lâm Anh	Thư	8/Jan/07	60111355	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2016	Nguyễn Lê Nhật	Tân	28/Jun/07	60111356	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2017	Lê Quốc	Hưng	6/Sep/07	60111357	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2018	Lê Quốc	Hiếu	3/Aug/07	60111358	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2019	Nguyễn Đức Duy	Khang	29/Jun/07	60111359	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 24	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2020	Trần Nhật Vân	Khê	27/Jul/07	60111360	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2021	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/Apr/07	60111361	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2022	Nguyễn Lê	Hải	19/May/07	60111362	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2023	Phạm Đình	Lương	2/Jan/07	60111363	3.6	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2024	Võ Ngọc Yến	Nhi	31/Jan/07	60111364	3.7	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2025	Vũ Xuân	Thành	23/Oct/07	60111365	3.7	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2026	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	19/Jun/07	60111366	3.7	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2027	Hà Thái	An	18/Jan/07	60111367	3.7	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2028	Nguyễn Bá Minh	Triết	16/Jan/07	60111368	3.7	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2029	Ngô Trần Ngọc	Hà	10/Jul/07	60111369	3.9	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2030	Nguyễn Bảo	Nhi	10/Mar/07	60111370	3.9	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2031	Phạm Gia	Khiêm	10/Apr/07	60111371	3.11	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2032	Tô Quỳnh	Hương	19/May/07	60111372	3.11	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2033	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	10/Mar/07	60111373	3.11	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2034	Phạm Phúc Diễm	Anh	6/Nov/07	60111374	3.11	3	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2035	Lê Ngọc	Anh	27/Jul/06	60111375	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2036	Trần Ngọc	Diễm	7/Jun/06	60111376	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2037	Lê Gia	Hân	5/Nov/06	60111377	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2038	Mai Nguyễn Anh	Khoa	30/Aug/06	60111378	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2039	Nguyễn Thị Ánh	Linh	24/Dec/06	60111379	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2040	Trần Uyên	My	15/Sep/06	60111380	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2041	Lương Tô	Nghị	4/Feb/06	60111381	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2042	Trần Bảo	Ngọc	11/Jan/06	60111382	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2043	Dương Minh	Quân	5/Aug/06	60111383	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2044	Lê Trần Quỳnh	Như	17/Mar/06	60111384	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 25	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2045	Nguyễn Kim Hồng	Thanh	7/Jun/06	60111385	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2046	Nguyễn Đỗ Khoa	Thiên	30/Apr/06	60111386	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2047	Lê Lâm Ngân	Thư	3/Jul/06	60111387	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2048	Nguyễn Lê Cẩm	Tú	31/Aug/06	60111388	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2049	Vũ Nguyễn Khánh	Tường	5/Nov/06	60111389	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2050	Lương Thị Hải	Yến	16/Mar/06	60111390	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2051	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/Dec/06	60111391	4.4	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2052	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	11/Nov/06	60111392	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2053	Trần Thái	Thành	10/Oct/06	60111393	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2054	Lê Hoàng	Mỹ	16/Feb/06	60111394	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2055	Nguyễn Phạm Khiết	Băng	12/Oct/06	60111395	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2056	Lê Phú Gia	Huy	27/Jan/06	60111396	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2057	Nguyễn Trường	Huy	7/Feb/06	60111397	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2058	Nguyễn Lê Minh	Bảo	19/Jun/06	60111398	4.5	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2059	Phạm Quỳnh	Anh	23/Dec/06	60111399	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2060	Võ Hoài	Trang	28/Aug/06	60111400	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2061	Võ Tuấn	Kiệt	16/Oct/06	60111401	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2062	Phạm Thị Minh	Hằng	23/Aug/06	60111402	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2063	Nguyễn Minh	Đăng	6/Apr/06	60111403	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2064	Nguyễn Hà	Nam	9/May/06	60111404	4.6	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2065	Nguyễn Huỳnh Khánh	Trân	22/Mar/06	60111405	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2066	Lê Nguyễn Duy	Phúc	22/Aug/06	60111406	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2067	Lâm Bảo Quỳnh	Như	26/Oct/06	60111407	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2068	Đặng Thị Ngọc	Linh	5/Feb/06	60111408	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2069	Phan Anh Minh	Cường	19/Sep/06	60111409	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 26	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2070	Lâm Nguyễn Anh	Thư	18/May/06	60111410	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2071	Đinh Nhật	Thi	5/Jan/06	60111411	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2072	Bùi Bình	Minh	5/Sep/06	60111412	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2073	Nguyễn Chí	Quốc	15/Dec/06	60111413	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2074	Đặng Võ Lê	Vy	30/Sep/06	60111414	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2075	Đặng Bội	Doanh	24/Dec/06	60111415	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2076	Huỳnh Lê Thục	Đoan	10/Apr/06	60111416	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2077	Trần Minh	Huy	15/Mar/06	60111417	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2078	Nguyễn Ngọc Thanh	Sơn	21/Jul/06	60111418	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2079	Nguyễn Hải Gia	Khánh	27/Jan/06	60111419	4.7	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2080	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	5/May/06	60111420	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2081	Nguyễn Thị Cẩm	Lệ	24/Jan/06	60111421	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2082	Ngô Phúc Kiều	Trâm	17/Aug/08	60111422	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2083	Vũ Nguyễn Ngọc	Minh	27/Aug/06	60111423	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2084	Hoàng Thị Phương	Anh	31/Oct/06	60111424	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2085	Trần Hoàng Kim	Anh	12/Sep/06	60111425	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2086	Nguyễn Huy	Khang	6/Oct/06	60111426	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2087	Lê Thị Thanh	Bình	29/Aug/06	60111427	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2088	Lê Xuân	Hoàng	22/Oct/06	60111428	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2089	Phạm Nguyễn Phúc	An	16/Feb/06	60111429	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2090	Nguyễn	Phúc	16/Nov/06	60111430	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2091	Nguyễn Gia Quốc	Uy	12/Jan/06	60111431	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2092	Nguyễn	Anh	25/Jun/06	60111432	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2093	Phạm Bắc Anh	Thy	18/Sep/06	60111433	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2094	Nguyễn Thị Huyền	Ngọc	9/Nov/06	60111434	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 27	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2095	Nguyễn Hồ Trang	Anh	17/Nov/06	60111435	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2096	Ngô Lê Bảo	Châu	30/May/06	60111436	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2097	Tôn Thất	Cát	8/Nov/06	60111437	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2098	Trần Quang	Huy	26/Jun/08	60111438	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2099	Phan Cao	Trí	13/Sep/06	60111439	4.8	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2100	Phạm Thanh	Ngọc	9/Nov/06	60111440	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2101	Quách Kiến	An	26/Apr/06	60111441	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2102	Đặng Lý Nho	Thắng	7/May/06	60111442	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2103	Lê Gia	Phúc	19/Jul/06	60111443	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2104	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	21/Mar/06	60111444	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2105	Phạm Anh	Thư	4/Sep/06	60111445	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2106	Phan Hoàng	Ngân	16/Jun/06	60111446	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2107	Hà Quỳnh	Anh	20/Nov/06	60111447	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2108	Phạm Phú	Nghĩa	17/Jan/06	60111448	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2109	Nguyễn Ngọc Khải	Linh	11/Apr/06	60111449	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2110	Vũ Ngọc Lan	Thanh	25/May/06	60111450	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2111	Phan Khánh	Linh	28/Sep/06	60111451	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2112	Võ Huy	Minh	13/Dec/06	60111452	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2113	Nguyễn Lê Khánh	Duyên	21/Apr/06	60111453	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2114	Nguyễn Đức	Tín	26/Dec/06	60111454	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2115	Hoàng Minh	Anh	30/Nov/06	60111455	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2116	Lê Trần Thái	An	15/Jan/06	60111456	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2117	Ngô Thụy Lan	Phương	8/Feb/06	60111457	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2118	Đỗ Tuấn	Hùng	21/Jun/06	60111458	4.9	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2119	Lê Huỳnh Minh	Thị	19/Nov/06	60111459	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 28	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2120	Đỗ Phúc	Khang	15/Jun/06	60111460	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2121	Cao Ngọc	Trình	10/Mar/06	60111461	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2122	Huỳnh Bảo	Như	28/Jun/06	60111462	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2123	Phạm Thùy	Trâm	11/Sep/06	60111463	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2124	Quách Trí	Nhân	21/Dec/06	60111464	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.
2125	Đỗ Bùi Trọng	Khôi	16/Dec/06	60111465	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, HCM.

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2126	Chung Chí	Thiện	28/Feb/06	60111466	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2127	Phạm Minh	Triết	1/Oct/06	60111467	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2128	Đỗ Lê Minh	Anh	25/Feb/06	60111468	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2129	Đỗ Tuấn	Kiệt	29/Sep/06	60111469	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2130	Lê Quang	Thuận	19/Sep/06	60111470	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2131	Lương Ngọc	Ngân	29/May/06	60111471	4.1	4	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 29	Ca 03	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2132	Bạch Thanh	Vi	17/May/05	60111472	5.1	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2133	Đỗ Phạm Hoàng	Anh	20/Aug/05	60111473	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2134	Nguyễn Trần Hoàng	Châu	19/Apr/05	60111474	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2135	Trần Việt Quỳnh	Nhi	27/Oct/05	60111475	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2136	Nguyễn An	Khang	24/Nov/05	60111476	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2137	Huỳnh Trần Hà	My	7/Nov/05	60111477	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2138	Trần Diễm Hoàng	Anh	22/Oct/05	60111478	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2139	Tiêu Gia	Bảo	28/Jun/05	60111479	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2140	Bùi Võ Minh	Quản	3/Jul/05	60111480	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2141	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	14/Mar/05	60111481	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2142	Đoàn Lê Hồng	Nhung	18/Oct/05	60111482	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2143	Trần Minh	Khuê	26/Aug/05	60111483	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2144	Lê Gia	Huy	16/Sep/05	60111484	5.3	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2145	Tô Huỳnh	Phúc	25/May/05	60111485	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2146	Ngô Xuân	Khang	24/Dec/05	60111486	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2147	Trần Đức	Thắng	5/Jan/05	60111487	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2148	Tống Việt	Tài	14/Jul/05	60111488	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2149	Phan	Anh	19/Feb/05	60111489	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2150	Kim Thành	Tín	21/Sep/05	60111490	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2151	Nguyễn Giang	Thanh	18/Sep/05	60111491	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2152	Nguyễn Hồ Thanh	Trúc	12/Jun/05	60111492	5.4	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2153	Hồ Gia	Bảo	12/Jun/05	60111493	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2154	Nguyễn Đỗ Khánh	Duy	13/Nov/05	60111494	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2155	Nguyễn Tuấn	Khang	16/Dec/05	60111495	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2156	Lê Tùng	Lâm	27/Feb/05	60111496	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 01	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2157	Vũ Ngọc Khánh	Linh	24/Sep/05	60111497	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2158	Trần Quỳnh	Như	30/Mar/05	60111498	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2159	Nguyễn Anh	Quân	1/Jan/05	60111499	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2160	Nguyễn Đức	Thiện	2/May/05	60111500	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2161	Nguyễn Duy	Vương	18/Mar/05	60111501	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2162	Đương Thảo	Xuân	11/Aug/05	60111502	5.5	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2163	Lê Khánh	Hòa	15/Jul/05	60111503	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2164	La Đình	Khôi	27/Dec/05	60111504	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2165	Hà Khánh	Linh	15/Jan/05	60111505	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2166	Vũ Gia	Linh	4/Aug/05	60111506	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2167	Võ Vương Huy	Minh	27/Sep/05	60111507	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2168	Phan Thị Bích	Ngọc	15/Nov/05	60111508	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2169	Nguyễn Việt	Nguyễn	17/Sep/05	60111509	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2170	Mai Liêng Mỹ	Trà	10/Jan/05	60111510	5.6	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2171	Trần Bảo Như	Hoa	3/Mar/05	60111511	5.8	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2172	Võ Quốc Minh	Hoàng	5/May/05	60111512	5.9	5	Nguyễn Thượng Hiền	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2173	Phạm Đức	Mạnh	18/May/07	60111513	3.1	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2174	Võ Hồng	Ân	10/Dec/07	60111514	3.1	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2175	Lê Ngọc Quỳnh	Duyên	31/Mar/07	60111515	3.1	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2176	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	3/May/07	60111516	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2177	Nguyễn Minh	Tâm	2/Sep/07	60111517	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2178	Hồ Ngọc Minh	Thy	10/May/07	60111518	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2179	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/May/07	60111519	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2180	Hoàng Bảo Thiên	Ngân	20/Jul/07	60111520	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2181	Nguyễn Ngọc	Duyên	17/Nov/07	60111521	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 02	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2182	Nguyễn Khoa Quỳnh	Như	3/Sep/07	60111522	3.2	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2183	Phạm Thảo Phương	Dung	20/Oct/07	60111523	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2184	Trần Minh	Thảo	21/Mar/07	60111524	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2185	Trần Bảo	Thy	8/Dec/07	60111525	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2186	Nguyễn Cao Tường	Vy	23/Nov/07	60111526	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2187	Trần Thanh	Nam	22/Nov/07	60111527	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2188	Trần	Khiêm	1/Jul/07	60111528	3.3	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2189	Bùi Văn	Khoa	3/Aug/07	60111529	3.4	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2190	Vô Tiến Hải	Đăng	29/Dec/07	60111530	3.4	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2191	Nguyễn Đình Nguyên	Chương	4/Sep/07	60111531	3.4	3	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2192	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	18/Nov/05	60111532	5.2	5	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2193	Huỳnh Gia	Khang	6/Nov/05	60111533	5.2	5	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2194	Tiêu Lệ	Quyên	6/Mar/05	60111534	5.4	5	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2195	Nguyễn Trung	Tín	25/May/06	60111535	4.1	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2196	Nguyễn Hoàng Trung	Kiên	8/Nov/06	60111536	4.1	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2197	Phạm Thảo	Phương	7/Oct/06	60111537	4.1	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2198	Đỗ Ngọc	Khánh	7/Nov/06	60111538	4.1	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2199	Nguyễn Đình	Duy	6/Jun/06	60111539	4.2	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2200	Nguyễn Trọng	Hùng	19/Apr/06	60111540	4.2	4	Phạm Ngũ Lão	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2201	Mai Hồ Quỳnh	Anh	19/May/07	60111541	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2202	Nguyễn Bá	Toàn	12/Aug/07	60111542	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2203	Nguyễn Minh	Nhật	21/Jul/07	60111543	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2204	Trương Kiến	Quân	2/Feb/07	60111544	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2205	Nguyễn Ngọc Phương	Yến	9/Nov/07	60111545	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2206	Huỳnh Thiện	Phát	18/Jun/07	60111546	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 03	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2207	Nguyễn Khánh	Duy	12/May/07	60111547	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2208	Trần Ngọc Bảo	Hân	27/Jan/07	60111548	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2209	Vũ Thy	Anh	16/Mar/07	60111549	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2210	Đoàn Đặng Kim	Ngân	6/Jun/07	60111550	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2211	Trần Vi Khánh	Phương	4/Jul/07	60111551	3.13	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2212	Hoàng Anh	Thư	20/Oct/07	60111552	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2213	Huỳnh Lê Mỹ	Thy	20/Nov/07	60111553	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2214	Trần Hà Quỳnh	Anh	19/Jun/07	60111554	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2215	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	21/Apr/07	60111555	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2216	Lê Phan Mỹ	Anh	11/Apr/07	60111556	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2217	Trần Nhật Nguyên	Cát	13/Jun/07	60111557	3.12	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2218	Nguyễn Trần Bảo	Phúc	9/Apr/07	60111558	3.11	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2219	Phạm Thị Bảo	Trâm	29/Jun/05	60111559	3.14	3	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2220	Lương Đức	Toàn	4/Apr/06	60111560	4.6	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2221	Trương Đình Quang	Đăng	2/Oct/06	60111561	4.6	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2222	Lê Bảo Uyên	Phương	21/Oct/06	60111562	4.6	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2223	Ngô Kiên	Long	3/Jan/06	60111563	4.6	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2224	Phạm Bích Chiêu	Khuê	28/Sep/06	60111564	4.6	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2225	Nguyễn Phạm Thế	Kiệt	26/Feb/06	60111565	4.7	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2226	Nguyễn Phạm Hải	Đăng	1/Oct/06	60111566	4.7	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2227	Đoàn Mạnh	Dũng	18/Aug/06	60111567	4.7	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2228	Trần Minh	Trí	18/May/06	60111568	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2229	Phạm Thị Thảo	Nhi	17/Dec/06	60111569	4.8	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2230	Lý Kiều	Anh	21/Feb/06	60111570	4.1	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2231	Ngô	Quang	26/Aug/06	60111571	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 04	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2232	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Anh	26/Feb/06	60111572	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2233	Đỗ Phú	Vinh	26/May/06	60111573	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2234	Nguyễn Thành	Tân	24/Mar/06	60111574	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2235	Lê Hoàng	Đức	15/Nov/06	60111575	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2236	Trương Ngọc	Mai	3/Mar/06	60111576	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2237	Vũ Quỳnh Trân	Trân	25/Oct/06	60111577	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2238	Nguyễn Nhật	Anh	17/Aug/06	60111578	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2239	Nguyễn Viết Huy	Hoàng	26/Jul/06	60111579	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2240	Trần YẾN	Nhi	1/May/06	60111580	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2241	Nguyễn Võ Phương	Nghi	27/Feb/06	60111581	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2242	Thái Gia	Bình	5/Jan/06	60111582	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2243	Võ Hữu	Khuê	29/Mar/06	60111583	4.11	4	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2244	Lê Tuyết	Anh	3/Jan/05	60111584	5.6	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2245	Phan Hoàng Minh	Ngọc	26/Apr/05	60111585	5.6	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2246	Nguyễn Ngọc Trà	My	11/Mar/05	60111586	5.6	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2247	Trần Bảo Tâm	Như	25/Oct/05	60111587	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2248	Phạm Thanh	Nhi	21/Apr/05	60111588	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2249	Nguyễn Phúc Linh	Chi	8/Mar/05	60111589	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2250	Lâm Anh Phương	Nghi	31/Oct/05	60111590	5.7	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2251	Nguyễn Ngọc	Linh	21/Oct/05	60111591	5.9	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2252	Trương Ngọc Trúc	Diệp	27/Jul/05	60111592	5.9	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2253	Đỗ Quang	Minh	2/Jan/05	60111593	5.9	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2254	Nguyễn Lê Minh	Anh	7/Dec/05	60111594	5.9	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2255	Khuất Ngọc Bảo	Nghi	18/Nov/05	60111595	5.9	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2256	Bùi Nhã Thanh	Uyên	15/Mar/05	60111596	5.1	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 05	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2257	Nguyễn Thúy	Anh	8/Sep/05	60111597	5.1	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2258	Hồ Huỳnh Minh	Khoa	20/Aug/05	60111598	5.1	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2259	Bùi Công	Duy	11/Jan/05	60111599	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2260	Vũ Trần Vinh	Quang	14/Feb/05	60111600	5.11	5	Phan Chu Trinh	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2261	Hoàng Minh Cẩm	Tú	25/Apr/05	60111601	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2262	Nguyễn Đăng	Nguyên	29/Mar/05	60111602	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2263	Trần Hiếu	Minh	16/Aug/05	60111603	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2264	Hoàng Anh	Minh	13/Nov/05	60111604	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2265	Lê Nguyễn Như	Ngọc	30/Jun/05	60111605	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2266	Nguyễn Sĩ Trường	Phát	17/Jan/05	60111606	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2267	Trịnh Đặng Hà	Anh	5/Sep/05	60111607	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2268	Nguyễn Khắc Duy	Anh	18/Aug/05	60111608	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2269	Nguyễn Đào Trường	Vy	19/May/05	60111609	5.4	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2270	Lê Uy	Vũ	19/Feb/05	60111610	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2271	Nguyễn Ngọc Tố	Hân	6/Feb/05	60111611	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2272	Vương Hải	My	20/Jul/05	60111612	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2273	Nguyễn Phúc Trâm	Anh	22/Jan/05	60111613	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2274	Nguyễn Ngọc Mỹ	Anh	17/Jul/05	60111614	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2275	Phạm Đặng Ngọc	Khuê	18/Jul/05	60111615	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2276	Nguyễn Như Bảo	Ngọc	5/May/05	60111616	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2277	Lê Tuấn	Phong	5/Jun/05	60111617	5.1	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2278	Mai Xuân	Khôi	11/Sep/05	60111618	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2279	Ngô Chí	Tài	10/May/05	60111619	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2280	Nguyễn Tôn Hiếu	Nghĩa	25/Mar/05	60111620	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2281	Nguyễn Trần Trọng	Khoa	9/Sep/05	60111621	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 06	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2282	Huỳnh Hồ Phương	Uyên	31/Mar/05	60111622	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2283	Đậu Quang	Phúc	29/May/05	60111623	5.2	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2284	Hoàng Sỹ	Hưng	2/Jun/05	60111624	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2285	Vô Trọng	Phát	11/Mar/05	60111625	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2286	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	11/Jan/05	60111626	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2287	Bùi Đức	Trí	29/Oct/05	60111627	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2288	Trần Thị Huyền	Trần	15/Apr/05	60111628	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2289	Vô An Phương	Trinh	8/Feb/05	60111629	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2290	Đồng Quang	Anh	15/Jul/05	60111630	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2291	Vô Hoài	An	24/Mar/05	60111631	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2292	Nguyễn Quang	Khải	18/Feb/05	60111632	5.3	5	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2293	Nguyễn Trâm	Anh	16/Feb/06	60111633	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2294	Nguyễn Lương Quang	Hiển	2/May/06	60111634	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2295	Hoàng Kim	Oanh	25/Sep/06	60111635	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2296	Lương Hoàng Ngọc	Ánh	5/Oct/06	60111636	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2297	Trần Nguyễn Phương	Nghi	17/May/06	60111637	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2298	Trần Thu	An	5/Dec/06	60111638	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2299	Trần Quang Khánh	Duyên	1/Jun/06	60111639	4.1	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2300	Huỳnh Ngọc Cát	Tường	7/Jun/06	60111640	4.5	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2301	Vô Hồng	Đức	8/Aug/06	60111641	4.5	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2302	Hoàng Minh	Huy	19/Sep/06	60111642	4.5	4	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2303	Đặng Minh	Huy	22/Jan/07	60111643	3.1	3	Trần Văn Ôn	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2304	Nguyễn Công	Thành	18/Jan/07	60111644	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2305	Nguyễn Minh	Triết	1/Dec/07	60111645	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2306	Nguyễn Tấn	Phát	5/Jul/07	60111646	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 07	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2307	Nguyễn Thị Xuân	Mai	14/Apr/07	60111647	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2308	Đặng Phương	Anh	18/Oct/07	60111648	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2309	Trần Minh	Huy	23/Oct/07	60111649	3.2	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2310	Lê Nguyễn Quốc	Khánh	2/Aug/07	60111650	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2311	Đới Sỹ	Tiến	10/Aug/07	60111651	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2312	Đoàn Bảo	Trần	27/Jun/07	60111652	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2313	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	23/Mar/07	60111653	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2314	Thân Ngọc Phương	Uyên	15/Sep/07	60111654	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2315	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/Jun/05	60111655	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2316	Nguyễn Phan Mai	Hoàng	29/Jun/05	60111656	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2317	Phạm Hoàng Quốc	Bảo	29/Jun/05	60111657	3.1	3	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2318	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	1/Jan/06	60111658	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2319	Lê Uyên	Nhi	7/Aug/06	60111659	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2320	Nguyễn Phương	Thùy	22/Aug/06	60111660	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2321	Trình Nguyễn Hoàng	Phúc	20/Jul/06	60111661	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2322	Vô Đức	Tuấn	18/Jan/06	60111662	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2323	Trần Phúc	Tài	1/Apr/06	60111663	4.1	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2324	Nguyễn Bảo Trâm	Anh	14/Apr/06	60111664	4.2	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2325	Phan Minh	Hưng	23/Nov/06	60111665	4.2	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2326	Lê Như	Ý	6/Sep/06	60111666	4.2	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2327	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Kiệt	27/Apr/06	60111667	4.3	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2328	Lữ Phụng	Tiên	25/Apr/06	60111668	4.3	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2329	Nguyễn Hà Bảo	Nhi	30/Oct/06	60111669	4.3	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2330	Hồng son	Ny	21/Feb/06	60111670	4.3	4	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2331	Nguyễn Trịnh Loan	Vy	21/Feb/05	60111671	5.2	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 08	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2332	Lý Gia	Hân	31/Aug/05	60111672	5.2	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2333	Nguyễn Phạm Thu	An	10/Jul/05	60111673	5.2	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2334	Trịnh Ngọc	Thế	14/Jun/05	60111674	5.1	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2335	Trần Diệp Thiên	Kiều	7/Jul/05	60111675	5.1	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2336	Nguyễn Anh	Quân	11/Feb/05	60111676	5.1	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2337	Lê Trần Khánh	Linh	7/Feb/05	60111677	5.1	5	Trần Quang Khải	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2338	Trần Minh	Khôi	12/Nov/07	60111678	3A	3	Việt Mỹ	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2339	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	21/Apr/07	60111679	3A	3	Việt Mỹ	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2340	Nguyễn Thái	Bảo	7/Feb/07	60111680	3A	3	Việt Mỹ	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2341	Phạm Quỳnh	Anh	22/Jul/07	60111681	3.1	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2342	Huỳnh Duy	Nguyên	5/Jul/07	60111682	3.3	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2343	Võ Châu Minh	Khuê	4/Jul/07	60111683	3.4	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2344	Nguyễn Phúc Minh	Khang	20/Jun/07	60111684	3.4	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2345	Trương Phạm Gia	Anh	30/Sep/07	60111685	3.4	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2346	Phạm Linh	Đan	15/Apr/07	60111686	3.4	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2347	Trần Ngọc Lâm	Phương	17/Mar/07	60111687	3.5	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2348	Nguyễn Đăng Ngọc	Quỳnh	10/Jul/07	60111688	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2349	Nguyễn Gia	Hân	5/Apr/07	60111689	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2350	Lê Song	Vy	1/Aug/07	60111690	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2351	Nguyễn Võ Khánh	Thy	20/Aug/07	60111691	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2352	Phan Anh	Thư	13/Jun/07	60111692	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2353	Võ Thái Duy	Mỹ	14/Jul/07	60111693	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2354	Ngô Thị Hải	Vy	20/Jan/07	60111694	3.6	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2355	Hồ Thiên	Phúc	22/Feb/07	60111695	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2356	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	10/Oct/07	60111696	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 09	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2357	Phạm Huỳnh Thanh	Trà	1/Nov/07	60111697	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2358	Nguyễn Đức	Trọng	27/Jul/07	60111698	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2359	Trần An	Khang	7/Dec/07	60111699	3.7	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2360	Nguyễn Quốc Thiên	Bảo	19/Nov/07	60111700	3.11	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2361	Nguyễn Đình Thiên	Phước	6/Aug/07	60111701	3.11	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2362	Nguyễn Hoàng Tú	Uyên	29/Aug/07	60111702	3.12	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2363	Bùi Lê Sông	Ngân	1/May/07	60111703	3.12	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2364	Trịnh Hoàng	Phúc	22/Sep/07	60111704	3.12	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2365	Từ Ngọc Hà	My	18/Jun/07	60111705	3.13	3	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2366	Hoàng Phương	Thảo	7/Jul/06	60111706	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2367	Nguyễn Đức	Lâm	20/Jun/06	60111707	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2368	Nguyễn Bảo	Nhi	8/Jul/06	60111708	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2369	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	3/Mar/06	60111709	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2370	Thái Hà Thanh	Sơn	19/Apr/06	60111710	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2371	Lê	Mêrông	3/Jul/06	60111711	4.8	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2372	Trần Ngọc Kim	Ngân	21/Jan/06	60111712	4.9	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2373	Lương Công	Minh	20/Feb/06	60111713	4.9	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2374	Huỳnh Ngọc Yến	Như	21/May/06	60111714	4.9	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2375	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	25/May/06	60111715	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2376	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	12/May/06	60111716	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2377	Nguyễn Hải	Nam	7/Dec/06	60111717	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2378	Trần Dương Khánh	Chi	21/Jan/06	60111718	4.1	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2379	Phạm Thị Thùy	Trang	20/Mar/06	60111719	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2380	Nguyễn Quốc	Trần	24/Sep/06	60111720	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2381	Tăng Bảo	Khánh	6/Dec/06	60111721	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 10	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2382	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	28/Aug/06	60111722	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2383	Nguyễn Trần Nhã	Thy	27/Nov/06	60111723	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2384	Đỗ Kim	Loan	13/Sep/06	60111724	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2385	Lâm Ái	Trần	5/Feb/05	60111725	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2386	Võ Nguyễn Chí	Thành	16/Oct/06	60111726	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2387	Thái Bích	Ngọc	23/Mar/06	60111727	4.11	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2388	Huỳnh Bảo	Ngọc	25/Sep/06	60111728	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2389	Nguyễn Lê Thùy	Dương	18/Aug/06	60111729	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2390	Bùi Ngọc Mai	Anh	14/Dec/06	60111730	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2391	Nguyễn Ý	Vy	6/Feb/06	60111731	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2392	Nguyễn Trần Thúy	Quỳnh	14/Mar/06	60111732	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2393	Nguyễn Lê Minh	Thư	28/Sep/06	60111733	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2394	Nguyễn Ngọc Minh	Thảo	18/Nov/06	60111734	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2395	Phạm Trung	Phan	21/Mar/06	60111735	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2396	Vũ Đăng	Huy	2/Dec/06	60111736	4.12	4	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2397	Trương Thị Quỳnh	Như	29/Jul/05	60111737	5.12	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2398	Nguyễn Hiền	An	26/Aug/05	60111738	5.12	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2399	Trần Mỹ	Uyên	24/Sep/05	60111739	5.12	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2400	Phạm Trần Quỳnh	Anh	8/Jul/05	60111740	5.12	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2401	Phạm Hoàng Minh	Hiếu	2/Feb/05	60111741	5.12	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2402	Đỗ Bùi Quỳnh	Mai	18/Sep/05	60111742	5.11	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2403	Lê Phương	Nghi	23/Mar/05	60111743	5.1	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2404	Phạm Quốc	Cường	12/Nov/05	60111744	5.1	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2405	Nguyễn Phương	Ngọc	17/Sep/05	60111745	5.1	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2406	Phạm Ngô Minh	Ngọc	23/Aug/05	60111746	5.9	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 11	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2407	Đặng Mai	Hân	21/Jan/05	60111747	5.9	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2408	Võ Lê Nguyên	Khoa	24/May/05	60111748	5.9	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2409	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	27/Feb/05	60111749	5.9	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2410	Vũ Nguyễn An	Việt	30/Sep/05	60111750	5.9	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2411	Cao Thanh	Hiếu	10/Sep/05	60111751	5.8	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2412	Đoàn Nguyễn Mai	Hân	17/Aug/05	60111752	5.8	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2413	Lê Ngô Gia	An	21/Jun/05	60111753	5.6	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2414	Hoàng Thuỳ	Anh	13/Jan/05	60111754	5.6	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2415	Võ Xuân	Phúc	27/Oct/05	60111755	5.5	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2416	Đình Hồng Trâm	Anh	23/Jul/05	60111756	5.5	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2417	Nguyễn Khánh	Ngọc	30/Aug/05	60111757	5.5	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2418	Trần Hà Kiều	My	5/Mar/05	60111758	5.4	5	Võ Thị Sáu	Quận Gò Vấp	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2419	Dương Gia	Huy	19/Oct/05	60111759	5.1	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2420	Lê Khánh	Ngân	7/Nov/05	60111760	5.1	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2421	Nguyễn Thanh Hải	Nguyệt	18/Sep/05	60111761	5.1	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2422	Đào Nguyễn Tuyết	Nhung	29/Sep/05	60111762	5.1	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2423	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trần	25/Nov/05	60111763	5.1	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2424	Dương Hải	Anh	10/Nov/05	60111764	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2425	Trần Hoàng	Nam	18/Dec/05	60111765	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2426	Hồ Thục	Nhi	21/Feb/05	60111766	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2427	Phạm Thảo	Nguyên	29/Sep/05	60111767	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2428	Nguyễn Thân Nam	Phương	1/Aug/05	60111768	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2429	Lê Đoàn Đan	Vi	19/Feb/05	60111769	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2430	Trần Phương	Vy	29/Apr/05	60111770	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2431	Hồ Ngọc Tuyền	Vy	30/Sep/05	60111771	5.2	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 12	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2432	Lương Trần Như	Quỳnh	16/Feb/05	60111772	5.4	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2433	Đinh Viết Tuấn	Anh	29/Nov/05	60111773	5.5	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2434	Nguyễn OttiShaura	Wangchuk	1/Sep/05	60111774	5.6	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2435	Nguyễn Nguyên	Trung	2/Jun/05	60111775	5.6	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2436	Phạm Đại	Vĩ	9/Sep/05	60111776	5.10	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2437	Phạm Thế	Kiệt	9/Sep/05	60111777	5.10	5	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2438	Danh Đặng Hải	Yên	8/Nov/06	60111778	4.1	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2439	Nguyễn Minh	Hạnh	28/Jun/06	60111779	4.1	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2440	Bùi Ngọc Phương	Linh	15/Jan/06	60111780	4.1	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2441	Đỗ Thị Phương	Giang	28/Jun/06	60111781	4.1	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2442	Phạm Minh	Duy	23/Nov/06	60111782	4.1	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2443	Phạm Đình Anh	Huy	9/Dec/06	60111783	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2444	Lê Nguyễn Quang	Đạt	29/Oct/06	60111784	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2445	Nguyễn Bảo	Hân	14/May/06	60111785	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2446	Phạm Trần Anh	Quân	24/Jan/06	60111786	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2447	Nguyễn Phương	Linh	8/Apr/06	60111787	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2448	Dư Hồng	Phát	28/Jun/06	60111788	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2449	Đinh Cẩm	Nga	17/Mar/06	60111789	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2450	Đoàn Trúc	Vy	16/Feb/06	60111790	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2451	Bùi Ngọc Sao	Khuê	5/Jun/06	60111791	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2452	Đặng Xuân	Nghi	9/Jan/06	60111792	4.2	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2453	Nguyễn Cao Bảo	Khang	25/May/06	60111793	4.3	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2454	Trần Ngọc Quang	Minh	1/Jan/06	60111794	4.3	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2455	Đỗ Nguyễn Bảo	Hân	13/Jan/06	60111795	4.4	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2456	Huỳnh Ngọc Bảo	Duy	1/Nov/06	60111796	4.4	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 13	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2457	Bùi Hoàng	Dung	2/Nov/06	60111797	4.4	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2458	Nguyễn Hoàng	Lan	20/Jul/06	60111798	4.4	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2459	Nguyễn Lâm Thảo	Vy	21/May/07	60111799	3.5	3	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2460	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	30/Mar/07	60111800	3.5	3	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2461	Trương Minh	Quyền	11/Aug/07	60111801	3.7	3	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2462	Nguyễn Tấn	Trung	9/Jun/06	60111802	4.4	4	Bành Văn Trân	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2463	Ngô Minh	Anh	22/Feb/07	60111803	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2464	Trần Nhật	Huy	29/Aug/07	60111804	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2465	Nguyễn Lâm Vinh	Khang	21/May/07	60111805	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2466	Hà Thị Đan	Thanh	3/Dec/07	60111806	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2467	Nguyễn Ngọc Kim	Thanh	6/May/07	60111807	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2468	Nguyễn Phúc Minh	Thụy	1/Apr/07	60111808	3.1	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2469	Bùi Thành	An	7/Jun/07	60111809	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2470	Nguyễn Trường	An	13/Apr/07	60111810	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2471	Nguyễn Xuân Thảo	An	27/May/07	60111811	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2472	Hồ Ngọc Kim	Anh	23/Aug/07	60111812	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2473	Nguyễn Trần Châu	Anh	1/Mar/07	60111813	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2474	Lê Phạm Phương	Dung	15/Feb/07	60111814	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2475	Vũ Khánh	Đăng	15/Jan/07	60111815	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2476	Nguyễn Khánh	Huân	5/Jul/07	60111816	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2477	Vũ Tuấn	Khang	23/Sep/07	60111817	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2478	Bùi Đức Anh	Khoa	11/Jan/07	60111818	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2479	Nguyễn Tường Minh	Khiêm	1/Mar/07	60111819	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2480	Trương Công Minh	Khuê	22/Aug/07	60111820	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2481	Vô Tân	Khương	11/Nov/07	60111821	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 14	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2482	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/Jun/07	60111822	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2483	Vũ Mai Phương	Linh	10/Nov/07	60111823	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2484	Cao Đức	Long	14/Oct/07	60111824	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2485	Trần Bảo	Ngọc	5/May/07	60111825	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2486	Lê Phạm Phương	Nhi	8/Feb/07	60111826	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2487	Nguyễn Thiên	Phú	3/Apr/07	60111827	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2488	Phạm Thiện	Tâm	24/Sep/07	60111828	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2489	Huỳnh Ngọc Phương	Thảo	8/May/07	60111829	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2490	Phạm Ngọc	Thuận	20/Oct/07	60111830	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2491	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	8/Nov/07	60111831	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2492	Lê Ngọc Mỹ	Trâm	13/Mar/07	60111832	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2493	Nguyễn Hoàng Thùy	Vân	25/Oct/07	60111833	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2494	Huỳnh Ngọc Như	Ý	4/Aug/07	60111834	3.2	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2495	Trần Bảo	Anh	3/Dec/07	60111835	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2496	Trần Bảo	Châu	22/Nov/07	60111836	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2497	Vinh Lai Huyền Tôn Nữ Tâm	Đan	11/Nov/07	60111837	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2498	Đào Vương Gia	Hân	19/May/07	60111838	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2499	Huỳnh Mạnh	Khương	6/Oct/07	60111839	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2500	Vô Hoàng Mỹ	Linh	20/Mar/07	60111840	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2501	Lê Ngọc Xuân	Mai	1/Jan/07	60111841	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2502	Đoàn Khánh	My	18/Feb/07	60111842	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2503	Nguyễn Xuân	Phú	5/Aug/07	60111843	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2504	Nguyễn Ngọc Khánh	Phương	28/Jan/07	60111844	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2505	Mai Quốc	Thịnh	31/Aug/07	60111845	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2506	Lê Ngọc Thanh	Trúc	28/Dec/07	60111846	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 15	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2507	Huỳnh Minh	Tuấn	19/Sep/07	60111847	3.3	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2508	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	25/Feb/07	60111848	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2509	Nguyễn Thanh	Danh	20/Sep/07	60111849	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2510	Hoàng Thị Kim	Giang	1/Jan/07	60111850	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2511	Nguyễn Minh	Khoa	24/Dec/07	60111851	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2512	Vũ Anh	Khoa	31/Oct/07	60111852	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2513	Lê Thảo	Nguyên	28/Apr/07	60111853	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2514	Đoàn Trần Gia	Thanh	20/Mar/07	60111854	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2515	Mai Anh	Thư	25/Apr/07	60111855	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2516	Huỳnh Lê Trung	Trúc	26/Mar/07	60111856	3.4	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2517	Đặng Nguyễn Bảo	Nghi	19/May/07	60111857	3.5	3	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2518	Lê Nguyễn Mỹ	Ân	19/Mar/06	60111858	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2519	Vũ Thế	Khang	28/Dec/06	60111859	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2520	Phạm Anh	Khoa	8/Aug/06	60111860	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2521	Lê Tấn Hoàng	Khôi	25/Oct/06	60111861	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2522	Ngô Hoàng	Kim	13/Jan/06	60111862	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2523	Mai Hà Quý	Nam	17/Feb/06	60111863	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2524	Đào Ngọc Quỳnh	Nhi	11/Jan/06	60111864	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2525	Trần Chân	Phương	17/Jan/06	60111865	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2526	Phạm Đức	Thanh	24/Dec/06	60111866	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2527	Lương Hữu	Thịnh	17/May/06	60111867	4.1	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2528	Lê Duy	Bảo	27/Jun/06	60111868	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2529	Mai Đức	Duy	14/May/06	60111869	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2530	Đỗ Trần Anh	Khoa	10/Feb/06	60111870	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2531	Vương Tôn	Minh	9/Jul/06	60111871	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 16	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2532	Trương Thụ	Nghĩa	10/Jul/06	60111872	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2533	Vũ Đức Thiên	Phúc	4/Nov/06	60111873	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2534	Nguyễn Thiên	Thanh	1/Apr/06	60111874	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2535	Nguyễn Nhất	Thiện	16/Jun/06	60111875	4.2	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2536	Nguyễn Hương	Giang	2/Nov/06	60111876	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2537	Lê Nguyên	Khôi	16/Jan/06	60111877	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2538	Nguyễn Hoài	Nam	25/Dec/06	60111878	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2539	Huỳnh An	Nhiên	2/Oct/06	60111879	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2540	Trần Ngọc Yến	Như	8/Oct/06	60111880	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2541	Hồ Phương	Thanh	28/Jan/06	60111881	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2542	Trần Bảo	Trâm	4/Mar/06	60111882	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2543	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	27/Apr/06	60111883	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2544	Hứa Phụng	Yến	28/Dec/06	60111884	4.4	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2545	Đỗ Phạm Quỳnh	Anh	11/Nov/06	60111885	4.5	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2546	Nguyễn Mai Gia	Ngọc	16/Mar/06	60111886	4.5	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2547	Nguyễn Thanh	Ngọc	9/Oct/06	60111887	4.5	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2548	Phan Ngọc	Quỳnh	9/Mar/06	60111888	4.5	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2549	Nguyễn Minh	Thư	11/Nov/06	60111889	4.5	4	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2550	Đỗ Thành	Công	24/Mar/05	60111890	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2551	Lê Mai Bảo	Khánh	9/Jul/05	60111891	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2552	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15/Oct/05	60111892	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2553	Phạm Đăng	Khoa	7/Jan/05	60111893	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2554	Nguyễn Đình	Khôi	29/Oct/05	60111894	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2555	Nguyễn Hoàng	Long	7/Sep/05	60111895	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2556	Nguyễn Quang	Minh	22/Jun/05	60111896	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 17	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2557	Nguyễn Trần Thảo	My	18/Jun/05	60111897	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2558	Quách Bảo Quế	Phương	8/Dec/05	60111898	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2559	Nguyễn Thiện	Thuật	15/Sep/05	60111899	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2560	Nguyễn Minh	Triết	10/Jun/05	60111900	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2561	Phan Quốc	Việt	3/Nov/05	60111901	5.1	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2562	Dương Gia	Bảo	11/Feb/05	60111902	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2563	Lê Xuân	Đức	26/Feb/05	60111903	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2564	Bùi Thị Hồng	Linh	4/Jul/05	60111904	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2565	Nguyễn Thanh	Ngân	6/Feb/05	60111905	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2566	Dương Nguyễn Phương	Nghi	16/Apr/05	60111906	5.3	6	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2567	Nguyễn Tấn	Phong	3/Nov/05	60111907	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2568	Nguyễn Thụy Diễm	Quỳnh	14/Feb/05	60111908	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2569	Nguyễn Thanh Bình	Trọng	22/Nov/05	60111909	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2570	Phan Thanh	Tùng	9/Nov/05	60111910	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2571	Đoàn Quang	Vinh	7/Nov/05	60111911	5.2	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2572	Huỳnh Bá	Huân	17/Jan/05	60111912	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2573	Nguyễn Cát	Khánh	14/Jun/05	60111913	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2574	Huỳnh Lê Hoàng	Nam	1/May/05	60111914	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2575	Nguyễn Khánh	Ngân	26/Aug/05	60111915	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2576	Vũ Lê Yến	Ngọc	18/Apr/05	60111916	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2577	Nguyễn Minh	Thư	12/Jan/05	60111917	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2578	Trần Thế	Trân	23/Mar/05	60111918	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2579	Dương Ngọc	Tuyền	7/Feb/05	60111919	5.3	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2580	Nguyễn Khoa Diệu	Anh	27/May/05	60111920	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2581	Trần Ngọc Thùy	Dương	13/May/05	60111921	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 18	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2582	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	6/Sep/05	60111922	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2583	Trương Thiên	Phúc	23/Nov/05	60111923	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2584	Trần Cao	Sâm	1/Nov/05	60111924	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2585	Trần Hồ Quốc	Thắng	25/May/05	60111925	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2586	Trịnh Ngô Mai	Thy	14/Jun/05	60111926	5.4	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2587	Đỗ Huỳnh Thủy	Khang	1/May/05	60111927	5.5	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2588	Vô Trung	Kiệt	14/Dec/05	60111928	5.5	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2589	Nguyễn Minh	Phú	7/Apr/05	60111929	5.5	5	Đồng Đa	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2590	Ngô Quốc	Bình	18/Sep/07	60111930	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2591	Lê Uyên Quỳnh	Giang	24/Jul/07	60111931	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2592	Huỳnh Ngọc	Hiệp	7/Dec/07	60111932	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2593	Nguyễn Hữu	Khang	18/Jan/07	60111933	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2594	Phan Hồng	Long	25/Jul/07	60111934	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2595	Trương Kim	Ly	14/Jun/07	60111935	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2596	Nguyễn Công	Minh	15/Feb/07	60111936	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2597	Vũ Tâm	Minh	6/Aug/07	60111937	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2598	Nguyễn Thị Minh	Phương	11/Jan/07	60111938	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2599	Lê Gia Ngọc	Trần	18/Apr/07	60111939	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2600	Phùng Thị Thảo	Vy	6/May/07	60111940	3.3	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2601	Hà Ngọc	Anh	30/Oct/07	60111941	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2602	Trần Bảo	Duy	23/Nov/07	60111942	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2603	Lê Ngọc Khánh	Đan	12/Jun/07	60111943	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2604	Nguyễn Danh	Đạt	17/Aug/07	60111944	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2605	Trần Phạm Gia	Hân	27/May/07	60111945	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2606	Phan Trần Hoàng	Long	25/Aug/07	60111946	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 19	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2607	Lê Đặng Cát	Nguyên	20/May/07	60111947	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2608	Nguyễn Gia Hương	Thủy	7/Jun/07	60111948	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2609	Nguyễn Lương Minh	Trí	9/May/07	60111949	3.4	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2610	Nguyễn Minh	Quân	25/Dec/07	60111950	3.5	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2611	Phan Cao	Toàn	7/Apr/07	60111951	3.5	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2612	Đỗ Nguyên	Bảo	18/Jan/07	60111952	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2613	Nguyễn Thành	Danh	29/Jun/07	60111953	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2614	Nguyễn Ngọc Nguyên	Khang	3/Jun/07	60111954	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2615	Hoàng Bích	Phương	10/May/07	60111955	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2616	Đỗ Văn Long	Sơn	29/Nov/07	60111956	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2617	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	11/Sep/07	60111957	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2618	Trần Minh	Trí	12/Mar/07	60111958	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2619	Hoàng Bích	Phương	10/May/07	60111959	3.6	3	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2620	Phan Nguyễn Gia	Huy	4/Feb/06	60111960	4.3	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2621	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	2/Jun/06	60111961	4.3	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2622	Phạm Nguyễn Trường	Sơn	23/Jan/06	60111962	4.3	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2623	Nguyễn Thành	Tiến	20/Feb/06	60111963	4.3	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2624	Trần Ngọc Thái	An	18/May/06	60111964	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2625	Nguyễn Phan Tiến	Dũng	19/Dec/06	60111965	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2626	Trần Dương Quang	Huy	17/Apr/06	60111966	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2627	Nguyễn Thiều Nguyên	Khang	3/Aug/06	60111967	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2628	Lê Phi	Long	22/May/06	60111968	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2629	Phạm Hoàng Khôi	Nguyên	19/Oct/06	60111969	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2630	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	16/Mar/06	60111970	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2631	Nguyễn Nhật	Sơn	9/Aug/06	60111971	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 20	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2632	Nguyễn Thành	Tài	22/Nov/06	60111972	4.4	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2633	Phạm Minh	Anh	30/Nov/06	60111973	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2634	Nguyễn Anh	Dũng	27/Feb/06	60111974	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2635	Phạm Ngọc	Dũng	21/Feb/06	60111975	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2636	Nguyễn Hồng	Duyên	13/Oct/06	60111976	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2637	Lê Khánh	Huy	10/Sep/06	60111977	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2638	Trần Văn	Nghi	26/Feb/06	60111978	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2639	Cao Gia	Phúc	1/Jan/06	60111979	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2640	Phan Ngọc Phương	Uyên	19/May/06	60111980	4.5	4	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2641	Hoàng Minh	Anh	5/Feb/05	60111981	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2642	Lê Nguyễn Hồng	Anh	22/Dec/05	60111982	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2643	Nguyễn Phước Quỳnh	Anh	10/Dec/05	60111983	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2644	Vũ Thị Xuân	Anh	8/Sep/05	60111984	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2645	Nguyễn Lê Duy	Bảo	11/Mar/05	60111985	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2646	Lê Tự Hoàng	Chí	11/Apr/05	60111986	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2647	Võ Thục Minh	Châu	18/Sep/05	60111987	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2648	Dương Châu	Duyên	5/Sep/05	60111988	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2649	Lê Thụy Thùy	Duyên	18/May/05	60111989	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2650	Trần Thị Mỹ	Duyên	18/Jul/05	60111990	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2651	Trần Gia	Hân	1/Jan/05	60111991	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2652	Nguyễn Nhật	Hiếu	26/Jul/05	60111992	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2653	Bùi Minh	Hoàng	16/Sep/05	60111993	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2654	Nguyễn	Hoàng	27/Jun/05	60111994	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2655	Đỗ Nguyễn Tuấn	Hưng	31/May/05	60111995	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2656	Phạm Thành	Hưng	9/Jun/05	60111996	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 21	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2657	Nguyễn Thị	Huyền	1/Sep/05	60111997	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2658	Vương Chấn	Hào	20/Jan/05	60111998	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2659	Lâm Đình Quốc	Khánh	16/Oct/05	60111999	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2660	Nguyễn Ngọc Ngân	Khánh	16/Jul/05	60112000	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2661	Nguyễn Trần Trung	Kiên	6/Apr/05	60112001	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2662	Nguyễn Thùy	Linh	14/Oct/05	60112002	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2663	Trần Vũ Nhật	Minh	28/Mar/05	60112003	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2664	Lê Vũ Hạnh	Nguyên	19/Sep/05	60112004	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2665	Phạm Hoàng Phương	Nhi	27/Sep/05	60112005	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2666	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	26/Apr/05	60112006	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2667	Nguyễn Minh	Phương	9/Sep/05	60112007	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2668	Nguyễn Hoàng	Phú	7/Mar/05	60112008	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2669	Phạm Ngọc Minh	Thư	14/Jul/05	60112009	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2670	Vô Trần	Thuận	29/Oct/05	60112010	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2671	Nguyễn Duy Minh	Trí	25/Apr/05	60112011	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2672	Nguyễn Hoàng	Trung	21/Jan/05	60112012	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2673	Vũ Thị Minh	Tâm	25/Aug/05	60112013	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2674	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	2/Mar/05	60112014	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2675	Vương Thanh	Uyên	14/May/05	60112015	5.1	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2676	Nguyễn Thúy	An	27/Aug/05	60112016	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2677	Lê Phương	An	27/Jun/05	60112017	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2678	Trần Ngọc Mai	Anh	18/Feb/05	60112018	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2679	Trần Hoàng Bảo	Anh	29/Apr/05	60112019	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2680	Phạm Quốc	Anh	6/Nov/05	60112020	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2681	Trương Hương	Giang	21/Jun/05	60112021	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 22	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2682	Nguyễn Anh	Huy	12/Jan/05	60112022	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2683	Huỳnh Minh	Khoa	23/Aug/05	60112023	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2684	Hồ Minh	Khoa	28/Sep/05	60112024	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2685	Phan Nguyên	Khôi	6/Aug/05	60112025	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2686	Nguyễn Quang	Khánh	1/Sep/05	60112026	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2687	Đương Minh	Long	22/Jan/05	60112027	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2688	Phạm Tài	Nam	29/Mar/05	60112028	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2689	Nguyễn Lâm Minh	Nhật	24/Sep/05	60112029	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2690	Nguyễn Hồng	Nhật	11/Feb/05	60112030	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2691	Thongaya Bảo	Nhi	11/Jan/05	60112031	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2692	Trần Ngọc	Nhi	25/Nov/05	60112032	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2693	Nguyễn Thùy Thảo	Nhi	22/Dec/05	60112033	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2694	Nguyễn Thụy Khả	Nhi	17/Jun/05	60112034	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2695	Vô Thành	Nhân	6/Oct/05	60112035	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2696	Nguyễn Phan Hoàng	Oanh	29/Dec/05	60112036	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2697	Trần Nhã	Quỳnh	27/Jun/05	60112037	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2698	Nguyễn Hoàng	Quân	28/Feb/05	60112038	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2699	Đỗ Văn Long	Quân	29/Oct/05	60112039	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2700	Nguyễn Anh	Thư	12/Feb/05	60112040	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2701	Lê Minh	Trang	25/Feb/05	60112041	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2702	Nguyễn Cao	Trí	20/Jan/05	60112042	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2703	Trần Quang	Trung	6/Mar/05	60112043	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2704	Ôn Thanh	Tú	12/Nov/05	60112044	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2705	Phạm Anh	Tú	16/Jul/05	60112045	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2706	Nguyễn Ngọc Như	Ý	10/Sep/05	60112046	5.2	5	Hoàng Văn Thụ	Quận Tân Bình	Phòng 23	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2707	Nguyễn Kiều Minh	Anh	11/Jan/07	60112047	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2708	Nguyễn Thị Linh	Chi	2/Jan/07	60112048	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2709	Phạm Đức Thành	Công	6/Jan/07	60112049	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2710	Huỳnh Việt	Hưng	24/Feb/07	60112050	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2711	Nguyễn Thanh Thùy	Lâm	29/Apr/07	60112051	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2712	Lưu Mai	Phương	28/Mar/07	60112052	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2713	Nguyễn Minh	Quang	7/Nov/07	60112053	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2714	Trịnh Minh	Thư	9/Apr/07	60112054	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2715	Hồ Hải	Nguyên	6/Apr/07	60112055	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2716	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	30/Oct/07	60112056	3.1	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2717	Lê Huỳnh Trác	Luân	4/Jun/07	60112057	3.2	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2718	Đặng Thanh Thúy	An	23/Oct/07	60112058	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2719	Nguyễn Châu Mỹ	Anh	5/Mar/07	60112059	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2720	Ngô Huỳnh Phúc	Huy	28/Dec/07	60112060	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2721	Nguyễn Hoàng Minh	Tú	12/Jan/07	60112061	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2722	Lưu Thảo	Vân	1/Mar/07	60112062	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2723	Nguyễn Quốc	Vinh	10/Feb/07	60112063	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2724	Lê Tường Minh	Vy	23/Sep/07	60112064	3.3	3	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2725	Nguyễn Kim	Hồng	28/Jul/06	60112065	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2726	Nguyễn Võ Hoài	Đức	23/Nov/06	60112066	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2727	Nguyễn Đức	Lợi	25/Mar/06	60112067	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2728	Nguyễn Hoàng	Anh	12/Sep/06	60112068	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2729	Phan Thị Ngọc	Anh	13/Aug/06	60112069	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2730	Châu Minh	Bảo	1/Nov/06	60112070	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2731	Nguyễn Thành	Đạt	15/Aug/06	60112071	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 24	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2732	Ngô Hải	Đăng	23/Oct/06	60112072	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2733	Đào Long	Giang	2/Nov/06	60112073	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2734	Đoàn Hà	Giang	20/Jan/06	60112074	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2735	Nguyễn Huy	Khánh	13/Sep/06	60112075	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2736	Phạm Văn Minh	Khôi	24/Apr/06	60112076	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2737	Nguyễn Đăng Hoàng	Long	13/May/06	60112077	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2738	Nguyễn Duy	Long	18/Jan/06	60112078	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2739	Phạm Hoàng Thiên	Quân	1/Aug/06	60112079	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2740	Mai	Quỳnh	15/Dec/06	60112080	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2741	Trần Minh	Trọng	5/Jan/06	60112081	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2742	Ngô Nguyễn Thảo	Vi	10/Jun/06	60112082	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2743	Nguyễn Hoài Như	Ý	26/Jan/06	60112083	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2744	Nguyễn Văn Sơn	Ca	13/Jun/06	60112084	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2745	Nguyễn Văn Trường	Sa	13/Jun/06	60112085	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2746	Huỳnh Nguyễn Hoài	Tâm	12/Sep/06	60112086	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2747	Trần Nhật	Hoàng	1/Aug/06	60112087	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2748	Đặng Lê	Toàn	24/Oct/06	60112088	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2749	Nguyễn Hồ Trà	My	6/Feb/06	60112089	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2750	Trần Ngọc	Ánh	20/Apr/06	60112090	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2751	Vô Hoàng Nam	Phương	21/Dec/06	60112091	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2752	Chung Gia	Bin	24/Jun/06	60112092	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2753	Bùi Lê Trọng	Khang	20/Jan/06	60112093	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2754	Nguyễn Trần Anh	Thư	10/Feb/06	60112094	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2755	Nguyễn Thanh	Hải	29/May/06	60112095	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2756	Lê Thanh	Ngân	7/Aug/06	60112096	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 25	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2757	Lương Bích Bảo	Ngọc	20/Sep/06	60112097	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2758	Trịnh Ngọc Quỳnh	Như	16/Jan/06	60112098	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2759	Nguyễn Thị Anh	Thư	18/Apr/06	60112099	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2760	Trần Ngọc	Phụng	18/Aug/06	60112100	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2761	Nguyễn Trần Hữu	Trí	3/Jul/06	60112101	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2762	Nguyễn Hà Minh	Anh	7/Jun/05	60112102	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2763	Mai Nguyễn Phạm Thế	Khoa	8/Jan/05	60112103	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2764	Lưu Ngọc	Bích	24/Sep/05	60112104	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2765	Trần Minh	Đăng	19/May/05	60112105	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2766	Huỳnh Nguyễn Cẩm	Tú	12/Jul/05	60112106	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2767	Nguyễn Ngọc Thu	An	30/Nov/05	60112107	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2768	Nguyễn Duy	Khánh	22/Dec/05	60112108	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2769	Lê Hoàng	Duy	9/Jul/05	60112109	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2770	Ninh Mạnh	Hùng	21/Oct/05	60112110	5.1	5	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2771	Nguyễn Hoàng	My	1/Jun/06	60112111	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2772	Lê Vũ Hoàng	Anh	8/Dec/06	60112112	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2773	Nguyễn Mai Thảo	Uyên	15/May/06	60112113	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2774	Huỳnh Trang Thảo	Như	26/Sep/06	60112114	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Bảo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2775	Huỳnh Trang Yến	Như	26/Sep/06	60112115	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2776	Phạm Văn Minh	Khôi	24/Apr/06	60112116	4.1	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2777	Nguyễn Thiên	Hải	5/Nov/06	60112117	4.2	4	Nguyễn Văn Kịp	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2778	Nguyễn Lê Ngọc	Trân	22/Sep/05	60112118	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2779	Trương Lê Khánh	Huyền	20/May/05	60112119	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2780	Nguyễn Bằng	Ngân	29/Jan/05	60112120	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2781	Nguyễn Bảo	Ngọc	4/Jul/05	60112121	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 26	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2782	Nguyễn Hoàng Gia	phú	5/May/05	60112122	5.2	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2783	Phạm Vinh	Huy	4/Oct/05	60112123	5.1	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2784	Phan Sĩ Trung	Dũng	24/Apr/05	60112124	5.1	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2785	Trần Vương Ý	Bình	31/Jan/05	60112125	5.1	5	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2786	Nguyễn Thanh Như	Ngọc	7/Apr/06	60112126	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2787	Lê Trần Nguyên	Ngọc	6/Sep/06	60112127	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2788	Ngô Vũ Thanh	Hà	30/Jul/06	60112128	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2789	Trần Tấn	Phát	17/Jan/06	60112129	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2790	Nguyễn Phúc Gia	Đạt	16/Nov/06	60112130	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2791	Hà Thu	Thảo	26/Jan/06	60112131	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2792	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	21/May/06	60112132	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2793	Bùi Ánh	Tú	9/Nov/06	60112133	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Báo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2794	Phạm Thùy	Linh	1/Jan/06	60112134	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2795	Huỳnh Như Ngọc	Ánh	11/Jul/06	60112135	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2796	Lê Tuấn	Minh	8/Apr/06	60112136	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2797	Lê Nguyễn Trọng	Phước	8/Mar/06	60112137	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2798	Phạm Thanh	Hân	7/Oct/06	60112138	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2799	Lương Nguyễn Hoàng	Vy	3/Aug/06	60112139	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2800	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/May/06	60112140	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2801	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	7/Nov/06	60112141	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2802	Nguyễn Phương	Anh	10/Dec/06	60112142	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2803	Nguyễn Quỳnh Cát	Tường	30/Nov/06	60112143	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2804	Hồ Lưu Gia	Hân	5/Feb/06	60112144	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2805	Hoàng Phương	Anh	18/Apr/06	60112145	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2806	Trần Thanh	Sang	5/Apr/06	60112146	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 27	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2807	Đặng Phú Vinh	Khang	9/Jan/06	60112147	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2808	Phạm Chấn	Minh	30/Jun/06	60112148	4	4	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2809	Phạm Gia	Khang	11/Apr/07	60112149	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2810	Nguyễn Lê	Thy	26/Jul/07	60112150	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2811	Nguyễn Thị Kim	Ngân	19/Feb/07	60112151	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2812	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	5/Nov/07	60112152	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm Last and Middle Name	Tên First Name	Ngày Sinh DOB	Số Báo Danh Reg.N	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Phòng Thi Test Room	Ca thi	Địa điểm thi Test Location
2813	Trương Đình	Châu	30/Apr/07	60112153	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2814	Lê Tấn	Châu	26/Jan/07	60112154	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2815	Huỳnh Quang Bảo	Phúc	31-4-2007	60112155	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2816	Lê Nguyễn Linh	Chi	26/Jan/07	60112156	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2817	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	25/Apr/07	60112157	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2818	Phan Bảo	Châu	16/Nov/07	60112158	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2819	Vũ Thanh	Châu	18/Aug/07	60112159	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2820	Huỳnh Minh	Thành	31/Jan/07	60112160	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2821	Trần Gia	Kiệt	28/Nov/07	60112161	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2822	Nguyễn Cẩm	Tú	4/Feb/07	60112162	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2823	Tống Nhật Xuân	Nhiên	8/Feb/07	60112163	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2824	Đào Trương Trúc	Quỳnh	6/Aug/07	60112164	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2825	Nguyễn Như	Ý	13/Nov/07	60112165	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2826	Dương Cát	Bảo	8/Sep/07	60112166	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2827	Nguyễn Thành Phúc	Nguyên	16/Dec/07	60112167	3	3	Nguyễn Văn Trỗi	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2828	Cù Gia	Khuyên	4/Jan/07	60112168	3.2	3	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2829	Phan Bá Quốc	Vinh	4/Oct/07	60112169	3.4	3	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2830	Trần Huy Minh	Khoa	28/Dec/06	60112170	4.1	4	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2831	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	13/Dec/06	60112171	4.1	4	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 28	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .

STT No.	Họ và tên đệm <i>Last and Middle Name</i>	Tên <i>First Name</i>	Ngày Sinh <i>DOB</i>	Số Bảo Danh <i>Reg.N</i>	Lớp <i>Class</i>	Khối <i>Grade</i>	Tên Trường <i>School</i>	Quận <i>District</i>	Phòng Thi <i>Test Room</i>	Ca thi	Địa điểm thi <i>Test Location</i>
2832	Phạm Quốc	An	24/Mar/06	60112172	4.1	4	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2833	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	22/Feb/05	60112173	5.1	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2834	Quách Đức	Khánh	12/Jan/05	60112174	5.1	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2835	Đỗ Ngọc Phương	Trình	30/May/05	60112175	5.2	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2836	Trần Phạm Thu	An	21/Sep/05	60112176	5.2	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2837	Đỗ Thành	Đạt	30/May/05	60112177	5.3	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2838	Vũ Minh	Thiện	30/Dec/05	60112178	5.3	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .
2839	Nguyễn Thị	Hà	15/Oct/05	60112179	5.3	5	Phạm Văn Hai	Quận Tân Bình	Phòng 29	Ca 04	Tiểu học Tân Sơn Nhì số 905/4 Âu Cơ , P.Tân Sơn Nhì , Q.Tân Phú , HCM .